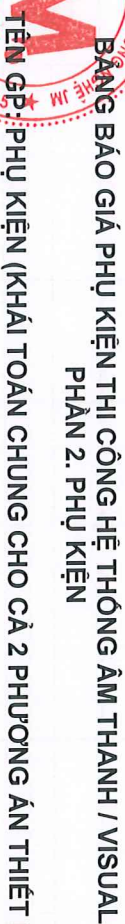


Địa Chỉ: 64 Nguyễn Đình Chiểu, phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Hotline / Zalo: +84 832 339977 (Jack Nguyen); Email: jackytdm123@gmail.com



ĐỀN
Số: 219/B4-KM
Ngày: 24/3/2025
Chuyển: 1781

Kính gửi : BỆNH VIỆN MẮT			
Địa chỉ : Số 280 Điện Biên Phủ, phường Võ Thị Sáu, Quận 3		Ngày báo giá	31.03.2025
Thông báo mời báo giá số: 639/BVM-HCQT		Hiệu lực báo giá:	180 ngày
		Thời gian cung cấp:	90 ngày
Tên Dự Án: Mua sắm, cải tạo hệ thống âm thanh tại Hội trường lầu 1 của Bệnh viện Mắt		Thời gian báo hành:	24 tháng

Chúng tôi xin gửi đến Quý vị bảng thiết kế giải pháp & báo giá Thiết Bị - Vật Tư như sau:

SỐ THỨ TỰ	TÊN SẢN PHẨM, ĐẶC TÍNH & THÔNG SỐ KỸ THUẬT	THƯƠNG HIỆU (Technology / Engineered)	MODEL	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (VNĐ)	THÀNH TIỀN (VNĐ)	GHI CHÚ	HÌNH ẢNH SẢN PHẨM
P2	PHỤ KIỆN CHÍNH KẾT NỐI HỆ THỐNG ÂM THANH								
A	DÂY KẾT NỐI THIẾT BỊ ÂM THANH / CABLE								
1	Dây tín hiệu âm thanh cân bằng	MOGAMI (JAPAN)	MOGAMI 2549	mét	200	150,000	30,000,000	(JAPAN)	
► ĐẶC ĐIỂM SẢN PHẨM									
■ Dây tín hiệu âm thanh cân bằng, # 22AWG, Sử dụng đồng tính cổng nhôm xử lý không oxy (OFC)									

SỐ THỨ TỰ	TÊN SẢN PHẨM, ĐẶC TÍNH & THÔNG SỐ KỸ THUẬT	THƯƠNG HIỆU (Technology / Engineered)	MODEL	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (VNĐ)	THÀNH TIỀN (VNĐ)	GHI CHÚ	HÌNH ẢNH SẢN PHẨM
	- Lớp dây đồng được quấn xoắn ốc với cấu trúc 62/0.18A, để quấn chính xác mà một lớp đạt được độ che phủ 100 %, là lá chắn chống nhiễu hiệu quả cao - Sử dụng vật liệu XLPE (Cross-linked Polyethylene) THÔNG SỐ KỸ THUẬT: - Số lõi: 2 lõi - Cấu trúc mỗi lõi: 30/0.12 OFC; Thiết diện mỗi lõi: 0.339mm² (#22AWG) - Vỏ cách điện cho mỗi lõi bằng XLPE Crossed-linked Polyethylene, Ø1.9 - Lớp chống nhiễu: 62/0.18A - Lớp vỏ bọc ngoài: PVC dẻo, Ø6 - Trọng lượng (cuộn 100m): 4.8kg - Trở kháng lõi dây dẫn (tại 20 độ C): 0.058Ω/m; Trở kháng lớp chống nhiễu: 0.012Ω/m - Điện dung (1kHz, 20 độ C): K0: 76pF/m; K1: 11pF/m - Điện cảm giữa các lõi dây dẫn (1kHz, 20 độ C): 0.8μH/m - Nhiều tính điện: 50mV Max; - Nhiều điện từ: 0.15mV Max; - Microphonics (50kΩ load): 30mV Max - Điện áp giới hạn: DC 500V/15s; Flex Life: 14,500 vòng; Độ bền kéo: 657N - Nhiệt độ: -20 độ C đến +70 độ C SỰ TUÂN THỦ: - Tuân thủ RoHS								
B	JACK KẾT NỐI THIẾT BỊ AM THANH - CONNECTOR / JACK / PLUG								
2	Giắc tín hiệu XLR MALE CONNECTOR 3 Pin Đục, Có ba điểm tiếp xúc bằng đồng thau trên lớp mạ vàng - Đóng lỗ khóa - Màu mũ nylon: Đen - Vỏ kim loại màu đen, Điện di Vỏ diecast kẽm phủ màu đen chống oxy hoá. - Đường kính cấp có sẵn: Ø5~7mm - Tuân thủ: RoHS	SREXACT	SVP555S-BK-PG	Chiếc	32	100,000	3,200,000	(CHINA)	
3	Giắc tín hiệu XLR FEMALE CONNECTOR 3 Pin Cái, Có ba điểm tiếp xúc bằng đồng thau trên lớp mạ vàng - Màu sắc mũ: Đen - Vỏ kim loại màu đen, Điện di Vỏ diecast kẽm phủ màu đen chống oxy hoá. - Đường kính cấp có sẵn: Ø5~7mm - Tuân thủ: RoHS	SREXACT	SVP556S-BK-PG	Chiếc	32	100,000	3,200,000	(CHINA)	

SỐ THỨ TỰ	TÊN SẢN PHẨM, ĐẶC TÍNH & THÔNG SỐ KỸ THUẬT	THƯƠNG HIỆU (Technology / Engineered)	MODEL	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (VNĐ)	THÀNH TIỀN (VNĐ)	GHỊ CHỦ	HÌNH ẢNH SẢN PHẨM
4	Giắc tín hiệu 6.3:3 STEREO / TRS AUDIO CONNECTOR • Đầu nối 6.35mm kim loại mạ vàng chịu lực cao, chống ăn mòn • Sử dụng lớp cách điện Polyethylene để cải thiện phân phối tần số cao • Thân: Mạ vàng • Vỏ kim loại đúc kẽm: Điện di màu đen, chống oxy hoá. • Màu đuôi: Đen hoặc Đỏ • Đường kính cáp có sẵn: 6.5mm • Tháo nắp đuôi có thể là OD: 8.0 mm	SREXACT	SP101-CPA-BK-PG	Chiếc	4	140,000	560,000	(CHINA)	
5	Giắc tín hiệu 6.3:2W Mono / TS AUDIO CONNECTOR • Phích cắm Mono kim loại mạ vàng 1/4" • Sử dụng lớp cách điện Polyethylene để cải thiện phân phối tần số cao, đảm bảo mật tín hiệu ở mức tối thiểu. • Thân: Mạ vàng • Vỏ kim loại đúc kẽm: Điện di màu đen, chống oxy hoá. • Màu đuôi: Đen, Đỏ • Đường kính cáp có sẵn: 6.5mm • Tháo nắp đuôi có thể là OD: 8.0 mm *Tàu biển: Đức	SREXACT	SP102-CPX-BK-PG	Chiếc	4	90,000	360,000	(CHINA)	
6	RCA PLUG -- SUNRISE EXACT (SREXACT) --- SP116G-C81-BK hoặc SP116G-C81-RD Đầu nối loại hàn RCA được sử dụng để truyền tín hiệu âm thanh và video. Vỏ phích cắm RCA được làm bằng hợp kim đúc khuôn cường độ cao và mạ đen, cứng có một vòng cao su mềm dẻo cùng màu (Đen hoặc Đỏ), Đầu nối phích cắm RCA Đường kính cáp có sẵn: 6.0 mm Màu nắp PVC: Đen & Đỏ	SREXACT	SP116G-C81-BK	Chiếc	8	110,000	880,000	(CHINA)	
7	3.5mm STEREO MINI PHONE PLUG -- SUNRISE EXACT (SREXACT) -- SP110AP-G-C81-BK Đầu nối cáp âm thanh DIY loại hàn 3.5mm (1/8inch), được làm bằng đầu nối mạ vàng. Có không gian bên trong lớn để dễ dàng hàn. Thích hợp cho điện thoại thông minh/iPhone, PC/máy tính xách tay, máy tính bảng/Pad, máy nghe nhạc/iPod, dàn âm thanh nổi trên ô tô và các thiết bị khác có giắc cắm aux 3.5mm. Giắc cắm điện thoại mini stereo 3.5mm vỏ đen, Đường kính cáp có sẵn: 6.0mm Màu nắp: Đen & Đỏ	SREXACT	SP110AP-G-C81-BK	Chiếc	2	110,000	220,000	(CHINA)	
C	CÁP MẠNG: CAT6X, CAT7, CAT8								
8	CAT.6A S/FTP PATCH CABLE (SFTP66AX-XX-XX, 26 AWG)	(TAIWAN)	CAT6A SFTP (26AWG, LSZH Jacket Black color)	Mét	305	100,000	30,500,000	(TAIWAN)	

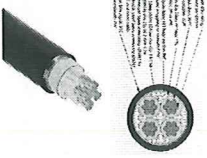
SỐ THỨ TỰ	TÊN SẢN PHẨM, ĐẶC TÍNH & THÔNG SỐ KỸ THUẬT	THƯƠNG HIỆU (Technology / Engineered)	MODEL	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (VNĐ)	THÀNH TIỀN (VNĐ)	CHỦ	HÌNH ẢNH SẢN PHẨM
9	Metal RJ45 for CAT6 cable, STP type	SREXACT	SVP-45-C6-STP	Chiếc	16	64,000	1,024,000	(CHINA)	
D	Bullet Train Premium HDMI cables - 18GBPS CABLES								
10	Cáp HDMI cao cấp, Hỗ trợ: 18Gbps 4K60(4:4:4), HDMI 2.0, HDCP 2.3, Tín hiệu 3D, HDR (Dải động cao), Âm thanh 7.1, Âm thanh Dolby, Âm thanh DTS	Bullet Train	AC-BT01-AUHD	Sợi	20	1,400,000	28,000,000	Thương hiệu: Bullet Train (USA) R&D - Design in USA Nhập khẩu từ USA	
	Cáp dài 1m								
	► ĐẶC ĐIỂM SẢN PHẨM								
	■ 18Gbps 4K60(4:4:4)								
	■ ARC (Audio Return Channel)								
	■ ULTRA HIGH BANDWIDTH: 18 GBPS (ULTRA HIGH SPEED)								
	Đảm bảo truyền tải chất lượng VIDEO 4K 4:4:4 với High Dynamic Range (HDR) và Wide Color Gamut (WCG), cáp HDMI hỗ trợ HDMI 2.0 refresh rate range								
	■ INCREASED FRAME RATE: reach data rates up to 60 FPS								
	■ COLOR ACCURACY: Imaging Science Foundation (ISF) certification								
	■ HDMI 2.0; HDCP 2.3								
	■ Độ phân giải HD Resolutions								
	■ Tín hiệu 3D								
	■ Độ phân giải VESA								
	■ HDR (High Dynamic Range)								
	■ Dolby Vision, 7.1 Audio, Dolby Audio, DTS Audio								
	► TUYÊN BỐ HỢP CHUẨN:								
	■ CE								
	■ FCC								
	■ UL								
	■ ISF								

SỐ THỨ TỰ	TÊN SẢN PHẨM, ĐẶC TÍNH & THÔNG SỐ KỸ THUẬT	THƯƠNG HIỆU (Technology / Engineered)	MODEL	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (VNĐ)	THÀNH TIỀN (VNĐ)	GHI CHÚ	HÌNH ẢNH SẢN PHẨM
11	Cáp HDMI cao cấp, Hỗ trợ: 18Gbps 4K60(4:4:4), HDMI 2.0, HDCP 2.3, Tín hiệu 3D, HDR (Đải động cao), Âm thanh 7.1, Âm thanh Dolby, Âm thanh DTS	Bullet Train	AC-BT02-AUHD	Sợi	6	1,600,000	9,600,000	Thương hiệu: Bullet Train (USA) R&D - Design in USA Nhập khẩu từ USA	
	Cáp dài 2m								
	► ĐẶC ĐIỂM SẢN PHẨM								
	■ 18Gbps 4K60(4:4:4)								
	■ ARC (Audio Return Channel)								
	■ ULTRA HIGH BANDWIDTH: 18 GBPS (ULTRA HIGH SPEED)								
	■ Đảm bảo truyền tải chất lượng VIDEO 4K 4:4:4 với High Dynamic Range (HDR) và Wide Color Gamut (WCG), cáp HDMI hỗ trợ HDMI 2.0 refresh rate range								
	■ INCREASED FRAME RATE: reach data rates up to 60 FPS								
	■ COLOR ACCURACY: Imaging Science Foundation (ISF) certification								
	■ HDMI 2.0: HDCP 2.3								
	■ Độ phân giải HD Resolutions								
	■ Tín hiệu 3D								
	■ Độ phân giải VESA								
	■ HDR (High Dynamic Range)								
	■ Dolby Vision, 7.1 Audio, Dolby Audio, DTS Audio								
	► TUYÊN BỐ HỢP CHUẨN:								
	■ CE								
	■ FCC								
	■ UL								
	■ ISF								
12	Cáp HDMI cao cấp, Hỗ trợ: 18Gbps 4K60(4:4:4), HDMI 2.0, HDCP 2.3, Tín hiệu 3D, HDR (Đải động cao), Âm thanh 7.1, Âm thanh Dolby, Âm thanh DTS	Bullet Train	AC-BT03-AUHD	Sợi	6	1,800,000	10,800,000	Thương hiệu: Bullet Train (USA) R&D - Design in USA Nhập khẩu từ USA	
	Cáp dài 3m								
	► ĐẶC ĐIỂM SẢN PHẨM								
	■ 18Gbps 4K60(4:4:4)								
	■ ARC (Audio Return Channel)								
	■ ULTRA HIGH BANDWIDTH: 18 GBPS (ULTRA HIGH SPEED)								
	■ Đảm bảo truyền tải chất lượng VIDEO 4K 4:4:4 với High Dynamic Range (HDR) và Wide Color Gamut (WCG), cáp HDMI hỗ trợ HDMI 2.0 refresh rate range								
	■ INCREASED FRAME RATE: reach data rates up to 60 FPS								
	■ COLOR ACCURACY: Imaging Science Foundation (ISF) certification								
	■ HDMI 2.0: HDCP 2.3								

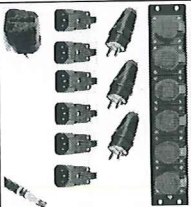
SỐ THỨ TỰ	TÊN SẢN PHẨM, ĐẶC TÍNH & THÔNG SỐ KỸ THUẬT	THƯƠNG HIỆU (Technology / Engineered)	MODEL	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (VNĐ)	THÀNH TIỀN (VNĐ)	GHI CHÚ	HÌNH ẢNH SẢN PHẨM
	■ Độ phân giải HD Resolutions ■ Tín hiệu 3D ■ Độ phân giải VESA ■ HDR (High Dynamic Range) ■ Dolby Vision, 7.1 Audio, Dolby Audio, DTS Audio ▶ TUYỂN BỒ HỢP CHUẨN: ■ CE ■ FCC ■ UL ■ ISF								
13	Cáp tín hiệu HDMI Premium HDMI, loại hỗ trợ 18Gbps 4K60(4:4:4), ARC (Audio Return Channel), Độ trễ thấp, HDMI 2.0, HDCP 2.3, Độ phân giải HD, Tín hiệu 3D, HDR (Dải động cao), Dolby Tầm nhìn, Âm thanh 7.1, Âm thanh Dolby, Âm thanh DTS, 60 FPS ■ Cáp dài 5m ■ ULTRA HIGH BANDWIDTH: 18 GBPS (ULTRA HIGH SPEED) ■ Đảm bảo truyền tải chất lượng VIDEO 4K 4:4:4 với High Dynamic Range (HDR) và Wide Color Gamut (WCG), cáp HDMI hỗ trợ HDMI 2.0 refresh rate range ■ 18Gbps 4K60(4:4:4) ■ ARC (Audio Return Channel) ■ Low Latency ■ HDMI 2.0 ■ HDCP 2.3 ■ HD Resolutions ■ 3D Signals ■ HDR (High Dynamic Range) ■ Dolby Vision, ■ 7.1 Audio, Dolby Audio, DTS Audio, ■ INCREASED FRAME RATE: reach data rates up to 60 FPS ■ COLOR ACCURACY: Imaging Science Foundation (ISF) certification ▶ CÁC CHỨNG NHẬN: ■ CE ■ FCC ■ UL ■ ISF	Bullet Train	AC-BT05-AUHD-26G	Sợi	8	5,600,000	44,800,000	Thương hiệu: Bullet Train (USA) R&D - Design in USA Nhập khẩu từ USA	
14	Dây cáp HDMI 2.0, công nghệ quang, 18Gbps, Hỗ trợ siêu tốc độ 18G Tương thích với chuẩn HDMI 2.0: EDID,CEC,HDCP (2.2), HDR (Dải động cao), HEC, ARC, v.v. Dài 30m. ▶ ĐẶC ĐIỂM SẢN PHẨM	ANGEKIS	HDMI 2.0 Cable 30M	Sợi	6	11,600,000	69,600,000	Thương hiệu: ANGEKIS Lập/ SX: China	

SỐ THỨ TỰ	TÊN SẢN PHẨM, ĐẶC TÍNH & THÔNG SỐ KỸ THUẬT	THƯƠNG HIỆU (Technology / Engineered)	MODEL	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (VNĐ)	THÀNH TIỀN (VNĐ)	GHI CHÚ	HÌNH ẢNH SẢN PHẨM
	■ Không suy hao tín hiệu, truyền tải hình ảnh kỹ thuật số trung thực sắc nét ■ Độ phân giải video đến 4K@60Hz 4:4:4, 3D và deep color ■ Siêu tốc 18G ■ Tiện ích plug & play ■ Cáp hybrid kết hợp sợi quang OM3 và cáp đồng, cho kết nối dây nhẹ, gọn, mềm, linh hoạt gắn đặt, tín hiệu ổn định và khoảng cách truyền dẫn dài không suy hao ■ Tương thích chuẩn HDMI 2.0: EDID, CEC, HDCP (2.2), HDR (Dải động cao), HEC, ARC,... ■ Băng thông video: 6Gbps x 3CH + Clock ■ Độ phân giải và khoảng cách: ● PC: WUXGA 1920 x 1200 lên đến 100m ● HDTV: 480p, 720p, 1080i và 1080p màu sâu, 4K(60P), 3D Full HD 1920 x 1080 lên đến 100m ■ Loại công: HDMI type A ■ Đường kính dây: 4.5mm ■ Chất liệu vỏ bọc: PVC ■ Nguồn tiêu thụ: 250mW (max) ■ Nhiệt độ hoạt động: 0 độ C đến 50 độ C								
15	Dây cáp HDMI 2.0, công nghệ quang, 18Gbps, Hỗ trợ siêu tốc độ 18G Tương thích với chuẩn HDMI 2.0: EDID,CEC,HDCP (2.2), HDR (dải động cao), HEC, ARC, v.v. Dài 10m. ► ĐẶC ĐIỂM SẢN PHẨM ■ Không suy hao tín hiệu, truyền tải hình ảnh kỹ thuật số trung thực sắc nét ■ Độ phân giải video đến 4K@60Hz 4:4:4, 3D và deep color ■ Siêu tốc 18G ■ Tiện ích plug & play ■ Cáp hybrid kết hợp sợi quang OM3 và cáp đồng, cho kết nối dây nhẹ, gọn, mềm, linh hoạt gắn đặt, tín hiệu ổn định và khoảng cách truyền dẫn dài không suy hao ■ Tương thích chuẩn HDMI 2.0: EDID, CEC, HDCP (2.2), HDR (Dải động cao), HEC, ARC,... ■ Băng thông video: 6Gbps x 3CH + Clock ■ Độ phân giải và khoảng cách: ● PC: WUXGA 1920 x 1200 lên đến 100m ● HDTV: 480p, 720p, 1080i và 1080p màu sâu, 4K(60P), 3D Full HD 1920 x 1080 lên đến 100m ■ Loại công: HDMI type A ■ Đường kính dây: 4.5mm ■ Chất liệu vỏ bọc: PVC ■ Nguồn tiêu thụ: 250mW (max) ■ Nhiệt độ hoạt động: 0 độ C đến 50 độ C	ANGEKIS	HDMI 2.0 Cable 20M	Sợi	2	8,900,000	17,800,000	Thương hiệu: ANGEKIS L/Ráp/SX: China	

SỐ THỨ TỰ	TÊN SẢN PHẨM, ĐẶC TÍNH & THÔNG SỐ KỸ THUẬT	THƯƠNG HIỆU (Technology / Engineered)	MODEL	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (VNĐ)	THÀNH TIỀN (VNĐ)	GHI CHÚ	HÌNH ẢNH SẢN PHẨM
16	Dây cáp HDMI 2.0, công nghệ quang, 18Gbps. Hỗ trợ siêu tốc độ 18G Tương thích với chuẩn HDMI 2.0: EDID,CEC,HDCP (2.2), HDR (Dải động cao), HEC, ARC, v.v.	ANGEKIS	HDMI 2.0 Cable 10M	Sợi	2	7,500,000	15,000,000	Thương hiệu: ANGEKIS L Ráp/ SX: China	
	Dài 10m.								
	► ĐẶC ĐIỂM SẢN PHẨM								
	■ Không suy hao tín hiệu, truyền tải hình ảnh kỹ thuật số trung thực sắc nét								
	■ Độ phân giải video đến 4K@60Hz 4:4:4, 3D và deep color								
	■ Siêu tốc 18G								
	■ Tiện ích plug & play								
	■ Cáp hybrid kết hợp sợi quang OM3 và cáp đồng, cho kết nối dây nhẹ, gọn, mềm, linh hoạt gắn đặt, tín hiệu ổn định và khoảng cách truyền dẫn dài không suy hao								
	■ Tương thích chuẩn HDMI 2.0: EDID, CEC, HDCP (2.2), HDR (Dải động cao), HEC, ARC,....								
	■ Bảng thông video: 6Gbps x 3CH + Clock								
	■ Độ phân giải và khoảng cách:								
	• PC: WUXGA 1920 x 1200 lên đến 100m								
	• HDTV: 480p, 720p, 1080i và 1080p màu sâu, 4K(60P), 3D Full HD 1920 x 1080 lên đến 100m								
	■ Loại cổng: HDMI type A								
	■ Đường kính dây: 4.5mm								
	■ Chất liệu vỏ bọc: PVC								
	■ Nguồn tiêu thụ: 250mW (max)								
	■ Nhiệt độ hoạt động: 0 độ C đến 50 độ C								
E	PHANTOM POWER SUPPLY								
17	Phantom Power Supply	SUPERLUX	PS-2B	Chiếc	1	4,800,000	4,800,000	(ASIA: TAIWAN / PRC)	
F	PRO AUDIO BOX: INLINE AUDIO ADAPTOR, DI BOX								

SỐ THỨ TỰ	TÊN SẢN PHẨM, ĐẶC TÍNH & THÔNG SỐ KỸ THUẬT	THƯƠNG HIỆU (Technology / Engineered)	MODEL	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (VNĐ)	THÀNH TIỀN (VNĐ)	GHI CHÚ	HÌNH ẢNH SẢN PHẨM
18	AV Direct Box (Custom Transformer)	SWITCHCRAFT (USA)	SC700CT	Chiếc	2	15,600,000	31,200,000	Thương hiệu: SWITCHCRAFT (USA) Lắp / Sx: USA Nhập khẩu từ: USA	
G	MCCB (Molded Case Circuit Breaker)								
19	MCCB (Molded Case Circuit Breaker) (80A) ■ Phù hợp với tiêu chuẩn IEC947-2 ■ Trip unit có thể chỉnh được từ 0.7 đến 1 ■ (Loại từ nhiệt TMD) ■ Ics=100% Icu	SCHNEIDER	SCHNEIDER - MCCB EasyPact CVS100F, 3P, Type F, Icu=36kA/415V, LV510336 (80A)	Chiếc	1	3,500,000	3,500,000	#N/A	
H	DÂY DẪN ĐIỆN								
20	CÁP ĐIỆN LỰC, RUỘT ĐỒNG, CÁCH ĐIỆN XLPE, VỎ PVC - 4x25	CADIVI (VN)	CXV - 4 x 25	Mét	100	446,000	44,600,000	(VN)	
I	DÂY DẪN ĐIỆN CÁP NGUỒN PHỐI ĐẾN CÁC THIẾT BỊ (ÂM THANH / ẢNH SÁNG / CONFERENCE / CEMERA / IT,...)								
21	CÁP ĐIỆN KHIẾN RUỘT ĐỒNG, CÁCH ĐIỆN PVC, CỎ MÀN CHẴN CHỐNG NHIỀU, VỎ PVC - 12x2.5	CADIVI (VN)	DVV/SC-12x2.5	Mét	100	166,000	16,600,000	(VN)	
J	DÂY DẪN ĐIỆN CÁP NGUỒN PHỐI ĐẾN CÁC THIẾT BỊ (ÂM THANH / ẢNH SÁNG / CONFERENCE / CEMERA / IT,...)								

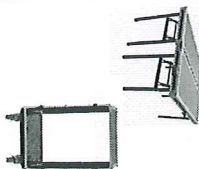
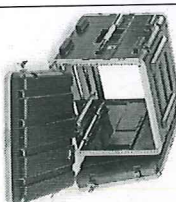
SỐ THỨ TỰ	TÊN SẢN PHẨM, ĐẶC TÍNH & THÔNG SỐ KỸ THUẬT	THƯƠNG HIỆU (Technology / Engineered)	MODEL	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (VNĐ)	THÀNH TIỀN (VNĐ)	GHI CHÚ	HÌNH ẢNH SẢN PHẨM
22	Cáp điện lực 3 ruột đồng cách điện PVC, vỏ PVC - 3 X 2.5 - (3x7/0.67) -- 300/500V	CADIVI / CADISUN (VN)	CVV - 3 X 2.5 - (3x7/0.67) -- 300/500V	Mét	300	43,000	12,900,000 (VN)		
K	DÂY TIẾP ĐẤT								
23	Security Earth wire - 25 mm2	(VN)	EARTH WIRE 25 CXV-25 - 0.6/1kV	Mét	100	96,000	9,600,000 (VN)		
L	TỦ CHỨA CB TỔNG ĐẠT TẠI CHÂN CỘT ĐIỆN / TỦ ĐIỆN CHÍNH TÒA NHÀ								
24	Tủ điện vỏ kim loại , sơn tĩnh điện, chứa CB Tổng	(VN)	CB MASTER CASE	Chiếc	1	1,310,000	1,310,000 (VN)		
25	Đèn báo Pha	(VN / CHINA)	ĐÈN BÁO PHA	Chiếc	3	150,000	450,000 (VN / CHINA)		
26	Terminal Block 300A (4P)	SUNGHO (KOREA)	SHT-300-4	Chiếc	2	530,000	1,060,000 (KOREA / CHINA)		

SỐ THỨ TỰ	TÊN SẢN PHẨM, ĐẶC TÍNH & THÔNG SỐ KỸ THUẬT	THƯƠNG HIỆU (Technology / Engineered)	MODEL	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (VNĐ)	THÀNH TIỀN (VNĐ)	GHI CHÚ	HÌNH ẢNH SẢN PHẨM
27	Đầu Cosse Dùng bấm đầu dây dẫn 25 mm2	(VN)	SC25-10	Chiếc	32	6,000	192,000 (VN)		
28	Nắp chụp đầu cose (có 3 màu lựa chọn)	(VN)	Nắp chụp đầu cose	Chiếc	32	2,000	64,000 (VN)		
M	PHÍCH CÂM ĐIỆN & PHÍCH ĐÓI (COMMERCIAL GRADE)								
29	Module phân phối điện & chuyển đổi	(VN / CHINA)	SET 6xC14 to PDM 2U-6CEE, 3xF2510-S, 1x Schuko to Universal Converter, 2m 12Cx2.5mm2	Chiếc	12	2,300,000	27,600,000 (VN)	(VN / CHINA)	
	► 6x Phích điện chuẩn IEC C14 Plug ► PDM 2U-6CEE 16A 3pin Pow. Distribut. Module, 19" 2U 6x CEE Plug Socket (16A / 3pin), for Rack Mounting ► 2m x Dây điện điều khiển, Ruột đồng → cách điện PVC → vỏ PVC - 12 lõi x 2.5mm2 - Cầu tạo lõi 24 x (7/0.67) - Mức cách điện 0.6/1kV - Tiêu chuẩn TCVN, IEC ► 3x Ổ cắm nối Schuko 2P+E 16A IP44 - PCE -- F2510-S ■ Loại Ổ cắm nối ■ Số cực 2P + E ■ Dòng định mức 16A ■ Vị trí cực tiếp địa 6H ■ Cấp bảo vệ (IP) 44 ■ Điện áp 230 VAC 50/60 Hz ■ Tiêu chuẩn IEC60309 ► 1x Đầu chuyển đổi điện chuẩn Schuko (EU) sang Universal ► Ông co nhiệt & cách điện								

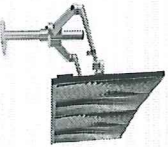
SỐ THỨ TỰ	TÊN SẢN PHẨM, ĐẶC TÍNH & THÔNG SỐ KỸ THUẬT	THƯƠNG HIỆU (Technology / Engineered)	MODEL	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (VNĐ)	THÀNH TIỀN (VNĐ)	GHI CHÚ	HÌNH ẢNH SẢN PHẨM
30	Mô-đun phân phối điện 3 chân PDM 2U-6CEE 16A, 19" 2U 6x CEE Plug Socket (16A / 3 chân), để lắp trên giá đỡ	(VN / CHINA)	PDM 2U-6CEE	Chiếc	4	1,260,000	5,040,000	(VN / CHINA)	
31	Phích cắm cao su di động PCE 16A, Chuẩn Schuko, F0511-SR	(VN / CHINA)	F0511-SR	Chiếc	4	80,000	320,000	(VN / CHINA)	
32	Phích điện chuẩn IEC C20 Plug	(VN / CHINA)	IEC C20 Plug	Chiếc	8	90,000	720,000	(VN / CHINA)	
33	Phích cắm điện + Đầu chuyển đổi chuẩn IEC C14 sang Universal Female	(VN / CHINA)	Adapter IEC C14 Male to Universal Female	Chiếc	24	80,000	1,920,000	(VN / CHINA)	
34	Đầu nối nguồn Cái 20A	SREXACT (TAIWAN / ASIA)	SVP592FA-BL	Chiếc	40	270,000	10,800,000	#N/A	
	Đầu nối Power In Chống nước 20A hỗ trợ dòng điện hiệu dụng 20 Amps RMS. Đầu nối sử dụng 3 dây dẫn mạ bạc khóa nhanh và vỏ PA giúp đầu nối có khả năng chịu mài mòn và chịu nhiệt cao. Đầu nối cấp powercon chấp nhận cáp có đường kính 8,5-15mm. Nó phù hợp cho màn hình LED, màn hình LED, v.v.								
	• Đầu nối nguồn nữ 2x1Pin thẳng hàng cho đầu vào, 20A,								
	• Loại vít Philips M3x4.8mm,								
	• Với hai vòng kẹp cáp								
	• Kích thước M cho OD: Ø8,5~11mm(tiêu chuẩn)								
	• Kích thước L cho OD: Ø12~15mm								
	• Tiêu chuẩn UL								

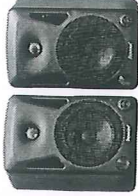
SỐ TỰ	TÊN SẢN PHẨM, ĐẶC TÍNH & THÔNG SỐ KỸ THUẬT	THƯƠNG HIỆU (Technology / Engineered)	MODEL	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (VND)	THÀNH TIỀN (VND)	GHI CHÚ	HÌNH ẢNH SẢN PHẨM
	Tính tiện dụng, độ bền, khả năng chống chịu với môi trường và an toàn của đầu nối.								
	• Kẹp cáp chống nước/bụi được cài tiến mới.								
	Có thể thay thế gioăng để phù hợp với kích thước cáp khác nhau.								
	Đáp ứng các yêu cầu khác nhau, bảo vệ môi trường tốt hơn và thiết thực hơn.								
	• Chốt được thiết kế công thái học, phù hợp với đầu ngón tay.								
	• Ren chữ T mới và cải tiến.								
	Có thể siết chặt bằng cách xoay, không bị trượt.								
	Nắp sau hình lục giác có thể được siết chặt bằng một cờ lê.								
	• Vật liệu chống cháy UL 94V-HB, đáp ứng các yêu cầu an toàn.								
35	Đầu nối nguồn Cái 20A	SREXACT (TAIWAN / ASIA)	SVP592FB-GY	Chiếc	56	270,000	15,120,000	#N/A	
	Đầu nối Power In Chống nước 20A hỗ trợ dòng điện hiệu dụng 20 Amps RMS. Đầu nối sử dụng 3 dây dẫn mạ bạc khóa nhanh và vỏ PA giúp đầu nối có khả năng chịu mài mòn và chịu nhiệt cao. Đầu nối cáp powercon chấp nhận cáp có đường kính 8.5-15mm. Nó phù hợp cho màn hình LED, màn hình LED, v.v.								
	• Đầu nối nguồn nữ 2+1Pin thẳng hàng cho đầu vào, 20A.								
	• Loại vít Phillips M3x4, 8mm,								
	• Với hai vòng kẹp cáp								
	• Kích thước M cho OD: Ø8, 5~11mm (tiêu chuẩn)								
	• Kích thước L cho OD: Ø12~15mm								
	• Tiêu chuẩn UL								
	Tính tiện dụng, độ bền, khả năng chống chịu với môi trường và an toàn của đầu nối.								
	• Kẹp cáp chống nước/bụi được cài tiến mới.								
	Có thể thay thế gioăng để phù hợp với kích thước cáp khác nhau.								
	Đáp ứng các yêu cầu khác nhau, bảo vệ môi trường tốt hơn và thiết thực hơn.								
	• Chốt được thiết kế công thái học, phù hợp với đầu ngón tay.								
	• Ren chữ T mới và cải tiến.								
	Có thể siết chặt bằng cách xoay, không bị trượt.								
	Nắp sau hình lục giác có thể được siết chặt bằng một cờ lê.								
	• Vật liệu chống cháy UL 94V-HB, đáp ứng các yêu cầu an toàn.								
36	Đầu nối nguồn gắn bằng điều khiển	SREXACT (TAIWAN / ASIA)	SVP593MB-GY	Chiếc	16	110,000	1,760,000	#N/A	

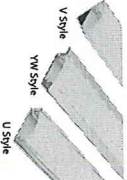
SỐ THỨ TỰ	TÊN SẢN PHẨM, ĐẶC TÍNH & THÔNG SỐ KỸ THUẬT	THƯƠNG HIỆU (Technology / Engineered)	MODEL	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (VNĐ)	THÀNH TIỀN (VNĐ)	GHI CHÚ	HÌNH ẢNH SẢN PHẨM
	• Đầu nối nguồn Điện 3 cực gắn trên bằng điều khiển cho đầu ra, có bộ chia cách điện và là loại hàn. 3 chân cắm để kết nối giá treo bằng điều khiển nguồn điện được thiết kế để đáp ứng nhu cầu đa dạng của ngành. • Dòng điện định mức là 20A, có tiếp điểm mạ bạc, có khả năng chống ăn mòn và dẫn điện cường độ cao. Loại này để cài đặt. • Có khóa. • Đầu nối nguồn Điện gắn bằng 2 + 1Pin cho đầu ra • Loại hàn, chốt mạ bạc • Với bộ chia cách nhiệt • Lò cài đặt: 19x24mm • Tiêu chuẩn UL								
37	Ổ cắm nối 1 pha 16A	PCE	F2510-SR	Chiếc	8	100,000	800,000	Thương hiệu: PCE SX: VN / Asia	
N	CASE - TỦ CHỨA THIẾT BỊ (MIXER, AMP, TỤ XỬ LÝ,...)								
38	Tủ chứa thiết bị điều khiển Âm Thanh: Mixer 16Ch + 2 Cửa Hộp / Mặt bàn bán độc lập 16U:		BH-PC-1M16U2HITD	Chiếc	2	16,200,000	32,400,000	(VN)	
	- Gỗ vắn ép dày 1.3-1.5cm bọc simlii viền nhôm - Góc bọc thép inox - Khung sắt bất ổn định vị thiết bị - Tay nắm âm gấp lò xo, khóa vặn - Tủ có 04 bánh xe chịu lực để di chuyển - Kích thước tủ cao 16U: được thiết kế vừa vận kích thước của các thiết bị - Có 2 Cửa hộp tháo rời và chân đỡ dùng làm mặt bán độc lập								(Hình ảnh mang tính minh họa)
0	TỦ CHỨA XỬ LÝ & NÁP HỘP LÀM MẶT BÀN								

SỐ THỨ TỰ	TÊN SẢN PHẨM, ĐẶC TÍNH & THÔNG SỐ KỸ THUẬT	THƯƠNG HIỆU (Technology / Engineered)	MODEL	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (VNĐ)	THÀNH TIỀN (VNĐ)	GHI CHÚ	HÌNH ẢNH SẢN PHẨM
39	Tủ chứa thiết bị điều khiển Âm Thanh: 2 Cửa Hộp / Mặt bàn độc lập 16U		BH-PC-16U2FITD	Chiếc	2	16,200,000	32,400,000	(VN)	 (Hình ảnh mang tính minh họa)
	- Gỗ ván ép dày 1.3-1.5cm bọc similil viền nhôm								
	- Góc bọc thép inox								
	- Khung sắt bất ốc định vị thiết bị								
	- Tay nắm âm gấp lò xo, khóa vân								
	- Tủ có 04 bánh xe chịu lực để di chuyển								
	- Kích thước tủ cao 16U: được thiết kế vừa vận kích thước của các thiết bị								
	- Có 2 Cửa hộp tháo rời và chân đỡ dùng làm mặt bàn rời độc lập								
P	HỘP ABS CHỨA THIẾT BỊ ĐIỀU KHIỂN / XỬ LÝ								
40	Hộp chứa thiết bị 8U nhựa ABS rack case	(VN / CHINA)	8U ABS CASE	Chiếc	1	7,400,000	7,400,000	(VN / CHINA)	 (Hình ảnh mang tính minh họa)
	- Thiết kế: Có khả năng tháo rời và di động. Gồm nắp dày phía trước và phía sau.								
	- Phù hợp với tiêu chuẩn 19 inch rack mount.								
	- Có thiết kế 8U, tức là có thể chứa thiết bị có độ cao lên đến 8 đơn vị rack (1U ≈ 1.75 inches hoặc 4.45 cm).								
	- Khung kim loại gắn thiết bị								
	- Vỏ nhựa ABS (Acrylonitrile Butadiene Styrene) chống va đập.								
	- Viền nhôm mặt trước & sau của tủ, Viền nhôm nắp trước & nắp sau								
	- 2 nắp hộp tháo rời.								
	- Nắp có khóa vân / chốt, giúp bảo vệ thiết bị bên trong								
	- Có 2 Tay nắm hoặc quai xách cho việc di chuyển.								
Q	NGÀN KÉO / KHAY TRƯỢT CHUẨN RACK								

SỐ THỨ TỰ	TÊN SẢN PHẨM, ĐẶC TÍNH & THÔNG SỐ KỸ THUẬT	THƯƠNG HIỆU (Technology / Engineered)	MODEL	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (VNĐ)	THÀNH TIỀN (VNĐ)	GHI CHÚ	HÌNH ẢNH SẢN PHẨM
41	Ngăn kéo 2U	(VN / CHINA)	2U RACK 19" DRAWER	Chiếc	4	3,200,000	12,800,000	(VN / CHINA)	
	- Kết cấu thép với các thanh trượt chịu lực cho ngăn kéo								(Hình ảnh mang tính minh họa)
	- Vỡ sơn tĩnh điện								
	- Ngăn kéo rộng: 19 inch, cao 2U,								
	- Kèm ổ khóa								
42	Khay trượt chuẩn RACK 19 inch Sliding Rack Trays	(VN / CHINA)	BH-XR-440	Chiếc	4	4,700,000	18,800,000	(VN / CHINA)	
									(Hình ảnh mang tính minh họa)
R	GIÁ ĐỠ THIẾT BỊ CHUẨN RACK 19 INCH								
43	Khay cố định - Fixed Tray (W600xD400)	(VN / CHINA)	FT-600-400	Chiếc	4	700,000	2,800,000	(VN / CHINA)	
									(Hình ảnh mang tính minh họa)
44	Giá đỡ 1U cho bộ thu micro chuẩn Rack 19 inch Rack Shelves	(VN / CHINA)	BH-1US	Chiếc	4	800,000	3,200,000	(VN / CHINA)	
									(Hình ảnh mang tính minh họa)
S	QUẠT GIẢI NHIỆT TỦ RACK								

SỐ THỨ TỰ	TÊN SẢN PHẨM, ĐẶC TÍNH & THÔNG SỐ KỸ THUẬT	THƯƠNG HIỆU (Technology / Engineered)	MODEL	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (VNĐ)	THÀNH TIỀN (VNĐ)	GHI CHÚ	HÌNH ẢNH SẢN PHẨM
45	Quạt làm mát - Cooling Fan Rack Panel 19" (3 Fan)	(VN / CHINA)	RAXFAN3U	Chiếc	15	8,100,000	121,500,000	(VN / CHINA)	
46	Outer rotor centrifugal fan (multi-wing frequency fan snail fan) - 2U + Adaptor	(VN / CHINA)	BH-SF-2U	Chiếc	2	1,600,000	3,200,000	(VN / CHINA)	
T	MICRO STAND, SPK STAND / LIFT TOWER (CHÂN MICRO, CHÂN LOA)								
47	Chân micro để BÀN với kẹp micro không dây	(VN / CHINA)	MICROPHONE STAND TABLE	Chiếc	4	440,000	1,760,000	(VN / CHINA)	
48	Chân micro để SÀN với kẹp micro không dây	(VN / CHINA)	MICROPHONE STAND FLOOR	Chiếc	4	1,980,000	7,920,000	(VN / CHINA)	
U	TAY ĐÓ MÀN HÌNH / GIÁ TREO MÀN HÌNH / CHÂN ĐẶT MÀN HÌNH MONITOR								
49	Giá đỡ màn hình hai tay, giá đỡ để bàn cho máy tính màn hình đôi 17-27 inch, có thể điều chỉnh độ cao, xoay mọi góc độ, mỗi tay chịu được 8KG/17,6lb	(VN / CHINA)	Dual Arm Monitor Mount, (Black)	Chiếc	2	6,200,000	12,400,000	(VN / CHINA)	 HÌNH ẢNH MANG TÍNH CHẤT THAM KHẢO, ĐƠN GIÁ CÓ THỂ BIẾN ĐỔI THEO THỊ TRƯỜNG, KHIẾM NHƯỢC

SỐ THỨ TỰ	TÊN SẢN PHẨM, ĐẶC TÍNH & THÔNG SỐ KỸ THUẬT	THƯƠNG HIỆU (Technology / Engineered)	MODEL	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (VNĐ)	THÀNH TIỀN (VNĐ)	GHI CHÚ	HÌNH ẢNH SẢN PHẨM
50	Tay Giá Đỡ Màn Hình 17-27 Inch + Giá Đỡ Màn Hình Và Máy Tính Xách Tay LAPTOP, Giá Đỡ Bàn Có Tay Cầm Kép Có Thể Điều Chỉnh 2 Trong 1, Giá Đỡ/Giá Đỡ Tay Cầm Bàn Đơn Cho Màn Hình Máy Tính LCD 17 Đến 32 Inch, Khay Phụ Phù Hợp Với Máy Tính Xách Tay 12 Đến 17 Inch	(VN / CHINA)	Monitor and Laptop Mount, (Black)	Chiếc	1	6,200,000	6,200,000	(VN / CHINA)	
V	GIÁ TREO CAMERA								HÌNH ẢNH MANG TÍNH KHU HÓA, KHÔNG PHẢI CẢ ĐÓNG BÀN: HỒ THỊ LỢN, ANH
51	Giá đỡ treo tường cho camera PTZ	KINTECH	KA-WB	Chiếc	2	3,110,000	6,220,000	#N/A	
W	LOA KIỂM ÂM PHÒNG ĐIỀU KHIỂN KỸ THUẬT								
52	Loa kiểm âm phòng thu chủ động hai chiều 5"	SUPERLUX	BES-5A	Chiếc	2	27,100,000	54,200,000	(ASIA: TAIWAN / PRC)	
X	HEADPHONE & HEADPHONE AMPLIFIER								
53	Tai nghe giám sát tiêu chuẩn phòng thu chuyên nghiệp	SUPERLUX	HD-669	Chiếc	2	3,800,000	7,600,000	(ASIA: TAIWAN / PRC)	

SỐ THỨ TỰ	TÊN SẢN PHẨM, ĐẶC TÍNH & THÔNG SỐ KỸ THUẬT	THƯƠNG HIỆU (Technology / Engineered)	MODEL	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (VNĐ)	THÀNH TIỀN (VNĐ)	GHI CHÚ	HÌNH ẢNH SẢN PHẨM
54	Bộ khuếch đại tai nghe di động	SUPERLUX	HA-3D	Chiếc	2	10,300,000	20,600,000	(ASIA: TAIWAN / PRC)	
Y	LED LAMP & LED LAMP FOR EMERGENCY								
55	Đế cổ ngỗng	(VN / CHINA)	Gooseneck base	Chiếc	2	2,800,000	5,600,000	(VN / CHINA)	
56	Đèn cổ ngỗng LED chiếu sáng bàn điều khiển kỹ thuật viên ATAS	(VN / CHINA)	Gooseneck Lamp	Chiếc	2	2,800,000	5,600,000	(VN / CHINA)	
57	LED Strip Light chiếu sáng thiết bị điều khiển ATAS trong tủ thiết bị 0.1 x 1m/ thanh, 12V DC	(VN / CHINA)	LED Strip Light	Mét	5	440,000	2,200,000	(VN / CHINA)	 (Hình ảnh mạng tình minh họa)
58	Adaptor dùng chuyển đổi điện áp 220V sang 12V DC - 1 Ampe	(VN / CHINA)	Adaptor 1A	Chiếc	15	300,000	4,500,000	(VN / CHINA)	

SỐ THỨ TỰ	TÊN SẢN PHẨM, ĐẶC TÍNH & THÔNG SỐ KỸ THUẬT	THƯƠNG HIỆU (Technology / Engineered)	MODEL	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (VNĐ)	THÀNH TIỀN (VNĐ)	GH CHÚ	HÌNH ẢNH SẢN PHẨM
59	Adaptor dùng chuyển đổi điện áp 220V sang 12V DC - 4 Ampe	(VN / CHINA)	Adaptor 4A	Chiếc	2	500,000	1,000,000	(VN / CHINA)	
Z	KHUNG CHẮN XÉP THÂM MỸ TRƯỚC TỦ ĐIỀU KHIỂN								
60	Khung quây khu vực điều khiển kỹ thuật âm thanh	(VN)	BH-SC	Chiếc	2	5,300,000	10,600,000	(VN)	 (Hình ảnh mang tính minh họa)
ZA	MÁNG CÁP / MÁNG LƯỚI / THANG CÁP / TRUNGKING								
61	Máng cáp + Nắp: 100 x 50, dây 1.2mm, sơn tĩnh điện	(VN)	Cable Trunking 3C-M100x50-S1.2 3C-NU100-S1.2	Mét	24	240,000	5,760,000	(VN)	 (Hình ảnh mang tính minh họa)
62	Máng cáp sơn tĩnh điện 50x50 dây 1.2	(VN)	Cable Trunking 3C-M50x50-S1 3C-NU50-S1	m	12	160,000	1,920,000	(VN)	 (Hình ảnh mang tính minh họa)
ZB	ỐNG NHỰA, NẾP NHỰA, ỐNG RUỘT GÁ, MÁNG ĐIỆN, CỎ, LỢI, HỘP NHỰA ẨM TƯỜNG, NẾP NHỰA BÁN NGUYỆT, ... (FIX INSTALLATION)							#REF!	

SỐ THỨ TỰ	TÊN SẢN PHẨM, ĐẶC TÍNH & THÔNG SỐ KỸ THUẬT	THƯƠNG HIỆU (Technology / Engineered)	MODEL	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (VNĐ)	THÀNH TIỀN (VNĐ)	GHI CHÚ	HÌNH ẢNH SẢN PHẨM
63	Nẹp nhựa 30mm thi công đường dây loa, dây tín hiệu (nếu có)	(VN)	NẸP NHỰA 30	Mét	80	11,000	880,000	(VN)	 (Hình ảnh mang tính minh họa sản phẩm)
ZC	SPARE PART (PHỤ KIỆN LINH TÍNH KẾT NỐI & THI CÔNG HỆ THỐNG)								
64	Nylon Cable tie 200 ■ Dimension Size: 4 x 200 ■ Qty 500pcs/bag	(VN / CHINA)	DÂY RÚT 20	Bịch	2	100,000	200,000	(VN / CHINA)	
65	Nylon Cable tie 400 -- ■ Dimension Size: 8 x 400 ■ Qty 100pcs/bag	(VN / CHINA)	DÂY RÚT 40	Bịch	2	200,000	400,000	(VN / CHINA)	
66	DÂY RÚT LABEL -- ■ Dimension Size: ~3 x 100 ■ Qty 100pcs/bag	(VN / CHINA)	DÂY RÚT LABEL	Bịch	1	100,000	100,000	(VN / CHINA)	
67	Phụ kiện kết nối hệ thống	(VN / CHINA)	PRO AUDIO ACC	Bộ	1	90,500,000	90,500,000	(VN / CHINA)	

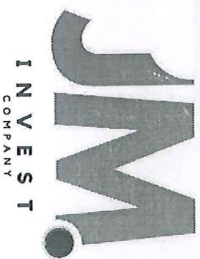
SỐ THỨ TỰ	TÊN SẢN PHẨM, ĐẶC TÍNH & THÔNG SỐ KỸ THUẬT	THƯƠNG HIỆU (Technology / Engineered)	MODEL	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (VNĐ)	THÀNH TIỀN (VNĐ)	GHI CHÚ	HÌNH ẢNH SẢN PHẨM
68	CÔNG KỸ THUẬT THI CÔNG HẠ TẦNG (Khoảng 5-6%) ▶ ĐƯỜNG DÂY, CỜ KHÍ, MÁNG - ÔNG,... ▶ TREO / LÁP THIẾT BỊ	(VN)		Gói	1	281,000,000	281,000,000 (VN)		
						CỘNG:	1,217,560,000		
						THUẾ VAT 10%:	121,756,000		
						TỔNG CỘNG:	1,339,316,000		

Cám ơn sự tín nhiệm từ Quý Khách hàng

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 3 năm 2025
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CÔNG NGHỆ JM



NGUYỄN MẠNH TƯỜNG



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CÔNG NGHỆ JM

Địa Chỉ: 64 Nguyễn Đình Chiểu, phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Hotline / Zalo: +84 832 339977 (Jack Nguyen); Email: jackytdm123@gmail.com



BẢNG BẢO GIẢ HỆ THỐNG ÂM THANH - VISUAL
PHẦN 1A: THIẾT BỊ CHÍNH
TÊN GIẢI PHÁP: PHƯƠNG ÁN ĐỀ XUẤT TỐI ƯU (PHƯƠNG ÁN 1)

Kính gửi : BỆNH VIỆN MẮT	Ngày bảo giá	31.03.2025
Địa chỉ : Số 280 Điện Biên Phủ, phường Võ Thị Sáu, Quận 3	Hiệu lực bảo giá:	180 ngày
Thông báo mời báo giá số: 639/BVM-HCQT	Thời gian cung cấp:	90 ngày
Tên Dự Án: Mua sắm, cài tạo hệ thống âm thanh tại Hội trường Lầu 1 của Bệnh viện Mắt	Thời gian bảo hành:	24 tháng

Chúng tôi xin gửi đến Quý khách hàng bảng thiết kế giải pháp & báo giá Thiết Bị - Vật Tư như sau:

SỐ THỨ TỰ	TÊN SẢN PHẨM, ĐẶC TÍNH & THÔNG SỐ KỸ THUẬT	THƯƠNG HIỆU	MODEL	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (VNĐ)	THÀNH TIỀN (VNĐ)	GHI CHÚ	HÌNH ẢNH SẢN PHẨM
P1	MÀN HÌNH VIDEO LED / VIDEO LED SCREEN	Ngang:5m x Cao:2.5m -- Qty Cabinet (Size 1000mm*500mm): 5x5 = 25 -- Wide Pixels:2560 x Height Pixels:1280 --- Total Pixels:3276800							
A	MÀN HÌNH LED FIX INDOOR -- TL-X Series - X1.9 (P1.9mm) (Cabinet size: 1000mm(W)x500mm(H))	5	5	1,000	500	25			
1	(P1.9mm) (Cabinet size: 1000mm(W)x500mm(H))	TT TECHNOLOGY	TL-X Series - X1.9 (P1.9mm) (Cabinet size: 1000mm(W)x500mm(H))	Cabinet	25	77,000,000	1,925,000,000	(China / VN)	
CABINET MÀN HÌNH LED -- X1.95 (P1.95)									
TỔNG QUAN VỀ CABINET									
CÁC ƯU ĐIỂM ĐẶC TRƯNG									

SỐ THỨ TỰ	TÊN SẢN PHẨM, ĐẶC TÍNH & THÔNG SỐ KỸ THUẬT	THƯƠNG HIỆU	MODEL	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (VNĐ)	THÀNH TIỀN (VNĐ)	GHI CHÚ	HÌNH ẢNH SẢN PHẨM
	■ Bảo vệ cao ■ Ba lớp bảo vệ có thể giảm tỷ lệ hỏng hạt đèn đến một cách hiệu quả trong quá trình sử dụng màn hình. ■ Mặt nạ, hạt đèn bảo vệ ■ Vị trí hơi nghiêng, chống va đập ■ Hiệu suất mượt mà ở độ phẳng ■ Định vị hình tam giác tăng tính ổn định ■ 22 vị trí hỗ trợ ■ Uyển chuyển ■ Góc phải, nối 4 mặt có thể được thực hiện. ■ Chức năng điều chỉnh 6 trục ■ Chức năng điều chỉnh 6 trục, vạch sáng và tối, có thể điều chỉnh độ phẳng; Có thể điều chỉnh nếu cần thiết. ■ Độ dày của bốn góc cấu trúc là 3-3,5mm, có khả năng chịu kéo và chịu áp lực. ■ Gắn tăng cứng dọc, ngang, chéo dày 2.0mm. ■ TẮM CABINET MÀN HÌNH LED, lắp cố định, trong nhà, P1.95mm - SMD ■ Kích thước tấm cabinet khung nhôm đúc: 1000mm(W) x 500mm(H) ■ Màn hình độ phân giải P1.95mm loại LED cabinet khung nhôm ứng dụng lắp cố định trong hội trường với các thao tác kỹ thuật lắp đặt và bảo trì thuận tiện từ mặt trước màn hình. ■ Với trọng lượng 11.5kg mỗi tấm. ■ Màn hình LED SMD được tạo ra bởi độ sáng cao 1000 nits, tốc độ làm mới tươi (Refresh Rate) ≥ 3840Hz và thang độ xám (grey Scale) 14~16-bit ▶ ĐẶC ĐIỂM SẢN PHẨM ■ Kích thước Cabinet: 1000mm (W) x 500mm (H) x 48mm (D) ■ Cấu trúc khung nhôm đúc (Material : Die casting Aluminum) ■ 22 tấm sắt từ tính để có độ phẳng tốt hơn trên mỗi mô-đun ▶ THÔNG SỐ KỸ THUẬT LED CABINET: ■ Module ■ Pixel Pitch (mm): 1.95 ■ LED type: SMD ■ Module size (WxH): 250 x 250 mm ■ Cabinet (panel) ■ Cabinet size (Panel Size) (mm): 1000 x 500 x 48 ■ Pixel exhibited (dot): 512x256 ■ Material: Die casting Aluminum ■ Trọng lượng (kg/panel): 11.5 ■ Độ sáng: 1000 nits ■ Gray scale (Processing depth) (bits): Độ sâu xử lý: 14~16bit ■ Tốc độ làm mới (Display refresh rate): 3840Hz ■ Nhiệt độ màu (Color Temperature): 3200~9300 ■ Góc nhìn (H): 140 (-70 / +70) độ ■ Góc nhìn (V): 140 (-55 / +55) độ ■ Drive type: 1/21 ■ Ứng dụng (Application) ■ AC Operation Voltage: 110 / 240 V ■ AC Input Frequency: 50 / 60 Hz ■ Power Consumption (Tiêu thụ điện Max.): 650 W/m²								

SỐ THỨ TỰ	TÊN SẢN PHẨM, ĐẶC TÍNH & THÔNG SỐ KỸ THUẬT	THƯƠNG HIỆU	MODEL	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (VNĐ)	THÀNH TIỀN (VNĐ)	GHI CHÚ	HÌNH ẢNH SẢN PHẨM
	■ Tiêu thụ điện trung bình (Avg.) 270 W/m² (Ghi chú: Dung sai mức tiêu thụ điện năng: ± 15%, tùy theo tình hình thực tế) ■ Bảo trì (Module Maintenance): Mặt trước ■ Thao tác bảo trì PSU & các thao tác kỹ thuật khác: Mặt trước ■ Chế độ lắp đặt: Tường, Sàn, Treo ■ Số lượng cabinet tối đa khi treo: Stacking 10m, Lifting 4m ■ Mặt sau có che toàn bộ bảo vệ màn hình tránh bụi & côn trùng xâm nhập								
	► TUYÊN BỐ HỢP CHUẨN - CÁC CHỨNG NHẬN CHẤT LƯỢNG: ■ TÜV-CE, ■ ETL, ■ FCC, ■ CB								
	► LED CHIP (LED LAMP)								
	► THÔNG SỐ KỸ THUẬT - LED CHIP LAMP								
	Outline Dimension (mm, sai số X.X±0.1mm, X.XX±0.05mm): 1.22 x 1.22 x 0.85								
	Đặc tính quang điện								
	Xếp hạng tối đa tuyệt đối (Ta=25±5°C)								
	Item ♦. Symbol ♦. Absolute Maximum Rating (* Blue ♦ Green ♦ Red) ♦. Unit								
	Forward Current ♦. IF ♦. • Blue 20 ♦ Green 20 ♦ Red 30 ♦. mA								
	Pulse Forward Current ♦. IFP ♦. • Blue 30 ♦ Green 30 ♦ Red 50 ♦. mA								
	Power Dissipation ♦. PD ♦. • Blue 68 ♦ Green 68 ♦ Red 72 ♦. mW								
	Reverse Voltage ♦. VR ♦. Absolute Maximum Rating 10 ♦. V								
	Đặc tính điện/quang ban đầu (Ta=25±5°C).								
	Symbol ♦. Item ♦. Unit ♦. Color ♦. Min ♦. Typ. ♦. Max ♦. Test Conditions								
	VF ♦. Forward Voltage ♦. V ♦. Color Red ♦. Min 1.7 ♦. Typ. ♦. Max. 2.4 ♦. IF=5mA								
	VF ♦. Forward Voltage ♦. V ♦. Color Green ♦. Min 2.4 ♦. Typ. ♦. Max. 3.4 ♦. IF=3mA								
	VF ♦. Forward Voltage ♦. V ♦. Color Blue ♦. Min 2.4 ♦. Typ. ♦. Max. 3.4 ♦. IF=2mA								
	IR ♦. Reverse Current ♦. uA ♦. Color ♦. Min ♦. Typ. ♦. Max 0.5 ♦. VR=10V								
	ΔA1/2 ♦. Viewing Angle ♦. ° ♦. Color ♦. Min ♦. Typ. 100 ♦. Max ♦. IF=5/3/2mA								
	lv ♦. Luminous Intensity ♦. Mcd ♦. Color Red ♦. Min 15 ♦. Typ. ♦. Max 30 ♦. IF=5mA								
	lv ♦. Luminous Intensity ♦. Mcd ♦. Color Green ♦. Min 60 ♦. Typ. ♦. Max 115 ♦. IF=3mA								
	lv ♦. Luminous Intensity ♦. Mcd ♦. Color Blue ♦. Min 5 ♦. Typ. ♦. Max 20 ♦. IF=2mA								
	AD ♦. Dominate Wavelength ♦. Nm ♦. Color Red ♦. Min 620 ♦. Typ. ♦. Max 625 ♦. IF=5mA								

SỐ THỨ TỰ	TÊN SẢN PHẨM, ĐẶC TÍNH & THÔNG SỐ KỸ THUẬT	THƯƠNG HIỆU	MODEL	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (VNĐ)	THÀNH TIỀN (VNĐ)	GHI CHÚ	HÌNH ẢNH SẢN PHẨM
	AD .*. Dominate Wavelength .*. Nm .*. Color Green .*. Min 510 .*. Typ. .*. Max 535 .*. IF=3mA								
	AD .*. Dominate Wavelength .*. Nm .*. Color Blue .*. Min 485 .*. Typ. .*. Max 475 .*. IF=2mA								
	Reliability Test								
	No. .*. Test Items .*. Reference .*. Test Conditions .*. Units Tested .*. LTPD								
	1 .*. Temperature Cycling Test .*. EIAJ ED-4701 100 105 .*. - 40°C ~ 25°C ~ 100°C ~ 25°C; 30min ~ 5min ~ 30min ~ 5min, 100 Cycles .*. 22 .*. 0/22								
	2 .*. Thermal Shock Test .*. EIAJ ED-4701 300 307 .*. - 40°C ~ 100°C, 15min ~ 15min, 200 Cycles .*. 22 .*. 0/22								
	3 .*. High Temperature Storage Test .*. EIAJ ED-4701 200 201 .*. Ta=125°C, 1000 Hours .*. 22 .*. 0/22								
	4 .*. Low Temperature Storage Test .*. EIAJ ED-4701 200 202 .*. Ta=-40°C, 1000 Hours .*. 22 .*. 0/22								
	5 .*. Continuous Operating Test .*. EIAJ ED-4701 100 101 .*. Ta=25±5°C, IF=1.5, 1000 Hours .*. 22 .*. 0/22								
	6 .*. Soldering Resistance Test .*. EIAJ ED-4701 300 301 .*. Pre treatment Tsol=260°C, T=10s, 3 Times .*. 22 .*. 0/22								
	7 .*. MSL3 .*. 1. 125°C, 24 hours Moisture Removal 125°C/ 24HR; 2. Ta=60°C, RH=60% 52HR, Moisture Absorption Ta=60°C, RH=60% 52HR; 3. Tsol=260°C, T=10s Reflow Soldering, 3 Times .*. 22 .*. 0/22								
	► IC ĐIỀU KHIỂN (IC DRIVER) – ĐẶC ĐIỂM SẢN PHẨM:								
	THÔNG SỐ KỸ THUẬT - IC ĐIỀU KHIỂN IC DRIVER:								
	■ IC chìm LED hiện tại không đổi 16 -kênh								
	■ ĐẶC TRUNG								
	• 16 kênh dòng không đổi								
	• Phạm vi quét: 1~64 lần quét ngẫu nhiên								
	• Phạm vi cung cấp điện hoạt động: 3.5V ~ 5.5V								
	• Phạm vi nhiệt độ hoạt động: -40° ~ 85°								
	• Phạm vi hiện tại không đổi:								
	• 0.5mA ~ 18.6mA @ VDS=0.3V								
	• 1mA ~ 36mA @ VDS=0.6V								
	• IOUT=IGAIN*18/Rext								
	• Độ chính xác hiện tại giữa các chip:								
	• ±1.0%(Điện hình)±2.0%(Tối đa) @VDS=0.3V								
	• ±1.2%(Điện hình)±2.5%(Tối đa) @ VDS=0.6V								
	• Độ chính xác hiện tại giữa các kênh:								
	• ±1.2%(Điện hình)±2.5%(Tối đa) @VDS=0.3V								
	• ±0.8%(Điện hình)±1.5%(Tối đa) @ VDS=0.6V								
	• Tích hợp PLL thành GCLK. So với GCLK bên ngoài, Dải tần số rộng hơn và EMI thấp hơn								
	MÔ TẢ SẢN PHẨM								
	■ Cấu hình Chip IC #1								
	Số Pin -- Tên Pin -- Chức năng								
	1 -- mặt đất --GND								
	2 -- đầu vào dữ liệu nối tiếp -- SDI								
	3 -- Trạm đầu vào đồng hồ -- CLK để dịch chuyển dữ liệu và thông tin lệnh								
	4 -- LE -- Đầu vào lệnh truyền dữ liệu								
	5~20 -- OUT0~OUT15 -- Ngõ ra dòng điện không đổi								
	21 -- ROW -- Tín hiệu thay đổi dòng quét								

SỐ THỨ TỰ	TÊN SẢN PHẨM, ĐẶC TÍNH & THÔNG SỐ KỸ THUẬT	THƯƠNG HIỆU	MODEL	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (VNĐ)	THÀNH TIỀN (VNĐ)	GHI CHÚ	HÌNH ẢNH SẢN PHẨM
	22 -- SDO -- Đầu ra dữ liệu nối tiếp								
	23 -- REXT -- Cài đặt giá trị dòng không đổi. Kết nối với điện trở bên ngoài với GND								
	24 -- VDD -- Điện áp nguồn								
	■ Cầu hình Chip IC #2								
	Số Pin -- Tên Pin -- Chức năng								
	1 -- LE -- Đầu vào lệnh truyền dữ liệu								
	2~9,11~18 -- OUT0~OUT15 -- Ngõ ra dòng điện không đổi								
	10 -- GND -- Mất đất điện								
	19 -- SDO -- Đầu ra dữ liệu nối tiếp								
	20 -- ROW -- Tín hiệu thay đổi dòng quét								
	21 -- REXT -- Cài đặt giá trị dòng không đổi. Kết nối với điện trở bên ngoài với GND								
	22 -- VDD -- Điện áp nguồn								
	23 -- SIN -- Đầu vào dữ liệu nối tiếp								
	24 -- CLK -- Trạm đầu vào đồng hồ để dịch chuyển dữ liệu và thông tin lệnh								
	■ Xếp hạng tối đa tuyệt đối (Ta = 25 độ C)								
	● Đặc điểm (Ký hiệu): Đơn vị xếp hạng								
	● Điện áp cung cấp (VDD): 0~5,5 V								
	● Điện áp đầu vào (Tất cả mã PIN) (VIN): -0,3~VDD+0,3 V								
	● Dòng điện đầu ra làm việc liên tục (IOUT COT): 30 mA								
	● Dòng điện đầu ra tối đa tức thời (IOUT MAX): 35 mA								
	● Tần số đồng hồ (FCLK): 20 MHz								
	► THÔNG SỐ KỸ THUẬT - BỘ CẤP NGUỒN CHO MÀN HÌNH LED:								
	(POWER SUPPLY)								
	■ Đặc tính điện đầu vào								
	● Dải điện áp đầu vào: 90Vac đến 264Vac								
	● Dải điện áp bình thường: 100Vac đến 240Vac								
	● Dải tần số: 47Hz-63Hz								
	● Dòng điện xoay chiều đầu vào tối đa: tối đa 4,5A. ở trạng thái đầy tải								
	● Dòng khởi động (trạng thái lạnh): loại 60A. định @ 230Vac								
	● Hiệu suất: 87% min@220Vac, đầy tải								
	● Dòng điện rò rỉ: Dưới 3,5 mA, đầu vào @ 240Vac								
	● Công suất đầu ra bình thường: 270W								
	● Cầu chì đầu vào: T5AH1250Vac								
	● Hệ số công suất: >0,95@ đầu vào 220Vac đầy tải (Đầu vào AC đa năng có PFC hoạt động)								
	■ Đặc tính điện đầu ra								
	● Điện áp đầu ra và quy định hiện tại								
	● Điện áp đầu ra: +4,5V								
	● Quy định: ±5%								
	● Tối thiểu. hiện tại: 0A								
	● Dòng điện định mức: 60A								
	● Lưu ý:* Việc thử nghiệm dòng điện định phải được thực hiện dưới dòng điện định độ rộng xung trong điều kiện 100ms.								
	■ Đầu ra DC gọn sóng và tiếng ồn.								
	● Điện áp đầu ra: +4,5V								
	● Độ gọn sóng và tiếng ồn (Tối đa): 150mVp-p@ 25 độ C; 300mVp-p@40 độ C								

SỐ THỨ TỰ	TÊN SẢN PHẨM, ĐẶC TÍNH & THÔNG SỐ KỸ THUẬT	THƯƠNG HIỆU	MODEL	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (VNĐ)	THÀNH TIỀN (VNĐ)	GHI CHÚ	HÌNH ẢNH SẢN PHẨM
	■ Đầu ra phản hồi nhất thời								
	● Điều kiện kiểm tra								
	● Giới hạn dung sai điện áp: +4.5V /±5%								
	● Tốc độ xoay: 1A/us								
	● Thay đổi tải: tải 25% đến 50% và tải 50% đến 75%								
	■ Thời gian chờ đợi								
	● Điện áp đầu ra: +4.5V								
	● Đầu vào 100Vac: ≥10 mS								
	● Đầu vào 220Vac: ≥10 mS								
	■ Đầu ra DC vượt quá mức khi bật và tắt								
	● Kênh đầu ra: +4.5V								
	● Đầu ra (V): +4.5V								
	● Điện áp vượt quá (V): Bật: 10%; Tắt: 10%								
	■ Thời gian tăng điện áp đầu ra DC								
	● Điện áp đầu ra: +4.5V								
	● Đầu vào 120Vac & Tải đầy: 100 mS								
	● Đầu vào 220Vac & Tải đầy: 100mS								
	■ Thời gian trễ bật nguồn								
	● Điện áp đầu ra: +4.5V								
	● Đầu vào 220Vac @ 25 độ C: 3S								
	● Đầu vào 220Vac @ -10 độ C: 5S								
	■ Sự bảo vệ								
	● Đầu ra DC Bảo vệ quá dòng								
	● Điện áp đầu ra: +4.5V								
	● Quá dòng: >65A Typ.								
	● Bình luận: Tắt								
	■ Bảo vệ ngắn mạch đầu ra DC								
	● Điện áp đầu ra: +4.5V								
	● Bình luận: Tắt								
	■ Bảo vệ quá áp								
	● Điện áp đầu ra: +4.5V								
	● Nhận xét: Tối đa 6.5V.								
	■ OTP								
	● Nhận xét về OTP: >70 độ C								
	● Tự phục hồi: 220VAC@4.5V/50A								
	■ Sự cách ly								
	● Vật liệu chống điện								
	● Đầu vào Đầu ra: DC500V 10 MQ phút. (ở nhiệt độ phòng)								
	● Đầu vào FG: DC500V 10 MQ phút. (ở nhiệt độ phòng)								
	● Đầu ra tới FG: DC500V 10 MQ phút. (ở nhiệt độ phòng)								
	■ Độ bền điện môi								
	● Đầu vào đến đầu ra: 3000Vac 50Hz 1 phút 10mA								
	● Đầu vào FG: 1500Vac 50Hz 1 phút 10mA								
	● Đầu ra tới FG: 500V DC 1 phút 10mA								
	▶ TUÂN THỦ CÁC TIÊU CHUẨN AN TOÀN (SAFETY) - BỘ CAP NGUỒN CHO MÀN HÌNH LED:								
	■ Sự an toàn								
	Việc cung cấp điện phải tuân theo tiêu chí sau:								
	● UL60950/IEC60950/EN60950								
	● GB4943-2001								
	■ EMC								
	● EMI								
	Việc cung cấp điện phải tuân theo tiêu chí sau:								
	■ Phát xạ dẫn:								

SỐ THỨ TỰ	TÊN SẢN PHẨM, ĐẶC TÍNH & THÔNG SỐ KỸ THUẬT	THƯƠNG HIỆU	MODEL	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (VNĐ)	THÀNH TIỀN (VNĐ)	GHI CHÚ	HÌNH ẢNH SẢN PHẨM
	♦ EN55032, Loại B								
	♦ FCC PHẦN15 Loại B								
	• Phát xạ :								
	♦ EN55032, Loại B								
	♦ FCC PHẦN15 Loại B								
	• EMS								
	Việc cung cấp điện phải tuân theo tiêu chí sau:								
	• ESD								
	♦ GB17626.2-1998/IEC61000-4-2 Cấp 3 : A								
	• EFT								
	♦ GB17626.4-1998/IEC61000-4-4 Cấp 3 : A								
	• DÀNG TRÁO								
	♦ GB17626.5-1998/IEC61000-4-5 Cấp 3 : B								
	• NHÚNG								
	♦ GB17626.11-1998/IEC61000-4-11 : C								
	▶ ▶ THẺ NHẬN TÍN HIỆU VIDEO RECEIVING CARD (BÊN TRONG MỖI TẦM CABINET) (RECEIVING CARD)								
	■ Thẻ nhận duy nhất tải lên đến 512 x 384 pixel. Hỗ trợ quản lý màu sắc, 18Bit +, độ sáng mức pixel và hiệu chuẩn sắc độ, điều chỉnh Gamma riêng lẻ cho các chức năng RGB và 3D								
	■ Thẻ hỗ trợ tối đa 32 nhóm dữ liệu RGB song song hoặc 64 nhóm dữ liệu nối tiếp (có thẻ mở rộng lên 128 nhóm dữ liệu nối tiếp), thiết kế phân cứng tuân thủ EMC Class B								
	■ Quản lý màu sắc: Chuyển đổi gam màu của màn hình giữa nhiều gam màu để cho phép màu sắc chính xác hơn trên màn hình.								
	■ 18Bit + Cài thiện thang độ xám của màn hình LED lên 4 lần để tránh mất thang độ xám do độ sáng thấp và cho phép hình ảnh mượt mà hơn.								
	■ Hiệu chỉnh độ sáng và sắc độ điểm ảnh: thẻ nhận hỗ trợ hiệu chuẩn độ sáng và màu sắc trên mỗi đèn LED, có thẻ loại bỏ hiệu quả sự khác biệt về màu sắc và cài thiện đáng kể độ sáng và độ nhất quán màu của màn hình LED								
	■ Điều chỉnh nhanh các đường tối hoặc sáng: Có thẻ điều chỉnh các đường tối hoặc sáng do ghép các ngăn tủ hoặc mô-đun để cài thiện trải nghiệm hình ảnh.								
	■ Độ trễ thấp: Độ trễ của nguồn video trên đầu thẻ nhận có thể giảm xuống 1 khung hình (Chỉ khi sử dụng mô-đun có IC tích điều khiển với RAM tích hợp).								
	■ Chức năng 3D: Làm việc với bộ điều khiển độc lập hỗ trợ chức năng 3D, thẻ nhận hỗ trợ đầu ra hình ảnh 3D.								
	■ Điều chỉnh Gamma riêng lẻ cho RGB: thẻ nhận hỗ trợ điều chỉnh riêng lẻ Gamma đỏ, Gamma xanh lá và Gamma xanh lam, có thẻ kiểm soát hiệu quả sự không đồng nhất của hình ảnh trong thang độ xám thấp và bù trừ cân bằng trắng , cho phép hình ảnh chân thực hơn								
	■ Xoay hình ảnh tăng dần 90 độ: Hình ảnh hiện thị có thể được đặt dễ xoay theo bội số 90 độ (0 độ / 90 độ / 180 độ / 270 độ)								

SỐ THỨ TỰ	TÊN SẢN PHẨM, ĐẶC TÍNH & THÔNG SỐ KỸ THUẬT	THƯƠNG HIỆU	MODEL	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (VNĐ)	THÀNH TIỀN (VNĐ)	GHI CHÚ	HÌNH ẢNH SẢN PHẨM
	- Trong một ứng dụng có yêu cầu về độ tin cậy cao, hai thẻ nhận có thể được gắn vào một bảng trung tâm duy nhất để sao lưu. Trong trường hợp thẻ nhận chính bị lỗi, thẻ dự phòng sẽ phục vụ để đảm bảo hoạt động của màn hình không bị gián đoạn. - Sao lưu vòng lặp: Thẻ nhận và thẻ gửi tạo thành một vòng lặp thông qua kết nối đường dây chính và đường dây dự phòng. Nếu xảy ra lỗi tại một vị trí của các đường, màn hình vẫn có thể hiển thị hình ảnh bình thường. - Sao lưu kép các thông số cấu hình: Các thông số cấu hình thẻ nhận được lưu trữ trong khu vực ứng dụng và khu vực nhà máy của thẻ nhận cùng một lúc. Người dùng thường sử dụng các thông số cấu hình trong khu vực ứng dụng. Nếu cần, người dùng có thể khôi phục các thông số cấu hình trong khu vực xuất xưởng sang khu vực ứng dụng. - Sao lưu kép chương trình ứng dụng: Hai bản sao của chương trình ứng dụng được lưu trữ trong thẻ nhận tại nhà máy để tránh vấn đề thẻ nhận có thể bị kẹt do ngoại lệ cấp nhật chương trình. - Các chỉ số: Chỉ báo: Chỉ báo đang chạy; Màu sắc: Xanh lá cây / Đỏ								
	► THÔNG SỐ KỸ THUẬT THẺ NHẬN RECEIVING CARD: - Dung lượng tài tối đa: 512 × 384 điểm ảnh - Điện áp đầu vào điện DC 3.3V đến 5.5V - Dòng định mức 0.6A - Công suất tiêu thụ định mức 3.0W - Môi trường hoạt động: Nhiệt độ -20 độ C đến + 70 độ C; Độ ẩm 10% RH đến 90% RH, không ngưng tụ - Môi trường lưu trữ: Nhiệt độ -25 độ C đến + 125 độ C; Độ ẩm 0% RH đến 95% RH, không ngưng tụ ► TUÂN THỦ CÁC TIÊU CHUẨN - Chứng chỉ RoHS, - EMC Class B								
B	Video Controller THIẾT BỊ XỬ LÝ VIDEO MÀN HÌNH LED								
2	Bộ điều khiển màn hình LED tất cả trong một	NOVA STAR	VX1000	Chiếc	1	71,000,000	71,000,000	Thương Hiệu: NOVA STAR Lắp Sx: China	
	Bộ điều khiển màn hình LED								
	► ĐẶC ĐIỂM SẢN PHẨM:								
	► Tương thích đồng bộ: với các thành phần: Receiving Card, Fiber Converter								

SỐ THỨ TỰ	TÊN SẢN PHẨM, ĐẶC TÍNH & THÔNG SỐ KỸ THUẬT	THƯƠNG HIỆU	MODEL	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (VNĐ)	THÀNH TIỀN (VNĐ)	GHI CHÚ	HÌNH ẢNH SẢN PHẨM
	■ Bộ điều khiển tất cả trong một tích hợp xử lý video và điều khiển video vào một hộp. Có 10 cổng Ethernet và hỗ trợ bộ điều khiển video, bộ chuyển đổi sợi quang và chế độ làm việc Bypass. Mỗi thiết bị có thể tăng lên đến 6,5 triệu pixel, với chiều rộng và chiều cao đầu ra tối đa lên đến 10.240 pixel và 8192 pixel, tương ứng, lý tưởng cho các ứng dụng màn hình LED siêu rộng và siêu cao. ■ Có khả năng nhận nhiều tín hiệu video và xử lý hình ảnh độ phân giải cao 4K * 1K @ 60Hz. ■ Thiết bị có tính năng mở rộng đầu ra vô cấp, độ trễ thấp, 3D, độ sáng mức pixel và hiệu chuẩn sắc độ ■ Hoạt động với phần mềm điều khiển trình chiếu chuyên dụng để tạo điều kiện thuận lợi điều khiển và hoạt động tại hiện trường, chẳng hạn như cấu hình màn hình, cài đặt sao lưu cổng Ethernet, quản lý lớp, quản lý cài đặt trước và cập nhật chương trình cơ sở. ■ Khả năng xử lý và gửi video mạnh mẽ cùng các tính năng nổi bật khác ■ Đầu vào và đầu ra âm thanh: Đầu vào âm thanh đi kèm với đầu vào HDMI nguồn; đầu ra âm thanh qua thẻ đa chức năng; hỗ trợ điều chỉnh âm lượng Đầu ra ■ Độ trễ thấp: Giảm độ trễ từ đầu vào đến nhận thẻ thành 20 dòng khi chức năng độ trễ thấp và chế độ Bò qua đều được bật. ■ 3 lớp: Kích thước và vị trí lớp có thể điều chỉnh; điều chỉnh mức độ ưu tiên lớp ■ Đồng bộ hóa đầu ra: Nguồn đầu vào nổi bộ hoặc Genlock bên ngoài có thể được sử dụng làm nguồn đồng bộ để đảm bảo đầu ra hình ảnh của tất cả các đơn vị xếp tầng đồng bộ ■ Xử lý video mạnh mẽ: Dựa trên chất lượng hình ảnh của công nghệ xử lý hình ảnh cao cấp để cung cấp khả năng điều khiển mở rộng tối đa: Hiện thị toàn màn hình bằng một cú nhấp chuột; Cắt crop hình ảnh đầu vào thuận tiện ■ Lưu và tải cài đặt trước để dàng: Hỗ trợ tối đa 10 cài đặt trước do người dùng xác định; Tải một cài đặt trước chỉ bằng cách nhấn một nút ■ Nhiều loại sao lưu nóng: Sao lưu giữa các thiết bị; Sao lưu giữa các cổng Ethernet; Sao lưu giữa các nguồn đầu vào ■ Nguồn đầu vào mosaic được hỗ trợ: Nguồn mosaic bao gồm một số đầu vào đầu nối cùng loại ■ Lên đến 4 đơn vị xếp tầng để khám hình ảnh ■ Ba chế độ làm việc: Điều khiển video; Chuyển quang; Bypass ■ Điều chỉnh màu toàn diện: Nguồn đầu vào và điều chỉnh màu màn hình LED được hỗ trợ, bao gồm độ sáng, độ tương phản, độ bão hòa, màu sắc và Gamma ■ Chức năng 3D: Làm việc với bộ phát 3D EMT200 và phù hợp Kính 3D để thể hiện trải nghiệm hình ảnh 3D								

SỐ THỨ TỰ	TÊN SẢN PHẨM, ĐẶC TÍNH & THÔNG SỐ KỸ THUẬT	THƯƠNG HIỆU	MODEL	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (VNĐ)	THÀNH TIỀN (VNĐ)	GHI CHÚ	HÌNH ẢNH SẢN PHẨM
	■ Hiệu chuẩn độ sáng và sắc độ điểm ảnh: Làm việc và hiệu chỉnh với phần mềm chuyên dụng; phần mềm hỗ trợ độ sáng và sắc độ hiệu chuẩn trên mỗi đèn LED, có thể hiệu quả loại bỏ sự khác biệt về màu sắc và cải thiện đáng kể Độ sáng màn hình LED và độ nhất quán về sắc độ, cho phép chất lượng hình ảnh tốt hơn. ■ Nhiều chế độ hoạt động: Điều khiển thiết bị thông qua phần mềm hoặc bằng điều khiển phía trước thiết bị								
	► THÔNG SỐ KỸ THUẬT								
	■ 1 cổng 3G-SDI								
	● Đầu vào video tiêu chuẩn ST-424 (3G), ST-292 (HD) và ST-259 (SD) được hỗ trợ								
	● Độ phân giải đầu vào tối đa: 1920 * 1080 @ 60Hz								
	● Hỗ trợ xử lý khử xen kẽ								
	● Hỗ trợ đầu ra vòng lặp 3G-SDI								
	■ 2 ngõ vào HDMI 1.4								
	● Độ phân giải đầu vào tối đa: 3840 * 1080 @ 60Hz hoặc 3840 * 2160 @ 30Hz								
	● Tuần thủ HDCP 1.4								
	● Hỗ trợ đầu vào tín hiệu xen kẽ								
	● Hỗ trợ mosaic khảm hai đầu vào HDMI 1.4								
	● Độ phân giải tùy chỉnh được Hỗ trợ: Chiều rộng max: 4092 pixel (4092 * 1136 @ 60Hz); chiều cao: 3981 pixel (1060 * 3981 @ 60Hz)								
	● Đầu ra vòng lặp được hỗ trợ trên HDMI 1.4 1								
	■ 2 ngõ vào DVI (HDMI 1.4)								
	● Độ phân giải đầu vào tối đa: 3840 * 1080 @ 60Hz hoặc 3840 * 2160 @ 30Hz								
	● Tuần thủ HDCP 1.4								
	● Hỗ trợ đầu vào tín hiệu xen kẽ								
	● Độ phân giải tùy chỉnh được hỗ trợ: chiều rộng max: 4092 pixel (4092 * 1136 @ 60Hz); chiều cao max: 3981 pixel (1060 * 3981 @ 60Hz)								
	● Hỗ trợ mosaic khảm hai đầu vào DVI								
	● Đầu ra vòng lặp được hỗ trợ trên DVI 1								
	■ 10 cổng ra Ethernet								
	● Khả năng tải max: 6.5 triệu pixel;								
	● Chiều rộng max: 10.240 pixel;								
	● Chiều cao max: 8192 pixel;								
	● Cổng Ethernet 1 và 2 hỗ trợ đầu ra âm thanh.								
	● Khi sử dụng đa chức năng để phân tích cú pháp âm thanh, hãy đảm bảo kết nối thẻ với cổng Ethernet 1 hoặc 2; Các đèn LED báo trạng thái hoạt động								
	■ 1 ngõ ra HDMI 1.3: Hỗ trợ màn hình và chế độ đầu ra video: Độ phân giải đầu ra có thể điều chỉnh								
	■ 2 cổng quang OPT 10G:								
	● OPT 1: Tự điều chỉnh, cho đầu vào video hoặc cho đầu ra; Khi thiết bị được kết nối với bộ chuyển đổi sợi quang, cổng được sử dụng như một Đầu nối Đầu ra; Khi thiết bị được kết nối với bộ xử lý video, cổng được sử dụng như một đầu nối đầu vào. Công suất đầu vào video 1x 4K * 1K @ 60Hz hoặc 2x 2K * 1K @ 60Hz								
	● OPT 2: Chỉ dành cho đầu ra, với chế độ sao chép và sao lưu; OPT 2 bản sao hoặc sao lưu đầu ra trên 10 cổng Ethernet.								

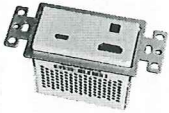
SỐ THỨ TỰ	TÊN SẢN PHẨM, ĐẶC TÍNH & THÔNG SỐ KỸ THUẬT	THƯƠNG HIỆU	MODEL	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (VNĐ)	THÀNH TIỀN (VNĐ)	GHI CHÚ	HÌNH ẢNH SẢN PHẨM
	1 cổng điều khiển Ethernet 2 cổng USB 2.0 (type B) 1 cổng Genlock in-loop: Kết nối với tín hiệu đồng bộ bên ngoài; Chấp nhận tín hiệu hai cấp và ba cấp. - IN: Chấp nhận tín hiệu đồng bộ. - LOOP: Vòng lặp tín hiệu đồng bộ. - Điện nguồn 100-240V ~, 1.5A, 50 / 60Hz - Công suất định mức tiêu thụ 28 W - Nhiệt độ hoạt động: 0 độ C đến 45 độ C - Độ ẩm: từ 20% - 90% RH - Độ ồn nền: 45dB (A) - Bộ khung thép chống nhiễu từ tính, sơn tĩnh điện, 1U, có (Rack-mounting) gắn giá đỡ, tương thích tủ rack chuẩn 19 inch								
	- TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG: - CE. - UL&CUL. - IC. - FCC. - EAC. - UKCA. - KC. - RCM. - CB. - RoHS. - NOM								
C	PHỤ KIỆN CƠ KHÍ CHUYÊN DỤNG DÙNG VỚI MÀN HÌNH LED								
3	Bộ khung tổng có chân để gắn / treo Cabinet màn hình LED cố định, trong hội trường	(VN)	Staking Frame Fix Installation	Khung	1	66,000,000	66,000,000	(VN / ASIA)	
	Khung màn hình LED (Màn hình Lớn hội trường)								
	Khung thép trắng kẽm, sơn tĩnh điện đen								
	Khung chính đứng - Thép Sắt Hộp (Chữ nhật) 40x80, dây 2 ly								
	Xương phụ ngang - Thép Sắt Hộp (Vuông) 40x40, dây 2 ly								
	Chân màn hình - Thép Sắt Hộp (Chữ nhật) 40x80, dây 2 ly								
	Chân tôn định hình những điểm nối thanh ngang & đứng								
	Gia cố khung chính vào tường								
	Khung chính theo kích thước màn hình: 5m x 2.5m								
	Chân màn hình từ 40cm-90cm tùy chỉnh theo đặc điểm tối ưu tầm nhìn cho khán giả & cao độ sân khấu								
	Khoảng cách màn hình và tường thăm mỹ nhất có thể và đủ rộng để không khí lưu thông giải nhiệt cho màn hình (>3U, khoảng 18-22cm)								

SỐ THỨ TỰ	TÊN SẢN PHẨM, ĐẶC TÍNH & THÔNG SỐ KỸ THUẬT	THƯƠNG HIỆU	MODEL	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (VNĐ)	THÀNH TIỀN (VNĐ)	GHI CHÚ	HÌNH ẢNH SẢN PHẨM
4	DECO TÂM ÔP NHỰA VÂN GỖ TẠI CHÂN MÀN HÌNH	(VN / CHINA)	DECO TÂM ÔP NHỰA VÂN GỖ TẠI CHÂN MÀN HÌNH	Bộ	1	4,000,000	4,000,000	(VN / ASIA)	(Hình ảnh mạng tinh minh hoạ)
D	POWER DISTRO								
5	Power distro dạng chuẩn rack 19 inch, 12 Ch x 4KW	6 SIGMA	PI-ELEC-12	Chiếc	1	27,800,000	27,800,000	(Asia)	
	■ Màn hình LCD và các nút điều khiển chức năng. ■ Ba chế độ điều khiển: ● Giao thức tin hiệu DMX512 quốc tế. ● ART-NET giao thức mạng chiếu sáng, giao thức tùy chỉnh điều khiển thông minh. ● Có thể được điều khiển trong thời gian thực thông qua điều khiển thông minh hỗ trợ hệ thống thông qua App. ● Cũng có thể bật tắt thủ công từng mạch điện thông qua phím vật lý của tủ điện hoặc vận hành theo hướng dẫn công việc trong thời gian thực trên bảng điều khiển ánh sáng. Trạng thái bật tắt ban đầu của mỗi mạch có thể được cài đặt độc lập ■ Nguồn điện: AC380V/ ba pha ± 10%, tần số 50Hz ± 5%. ■ Công suất định mức: 12CH * 4KW; Có thể áp dụng cho bất kỳ tải nào. ■ 12 CB tiếp ■ Bảo vệ quá tải và ngắn mạch kép, công tắc ngắt khí cao ■ 12 Đầu ra phích cắm bakelite 40A ■ Tích hợp 12 rơle có điều khiển từ xa, rơle được kích hoạt ngay lập tức bằng vật liệu ma niken đồng chất lượng cao ■ Ba bảng giám sát dòng điện và điện áp độc lập ■ 2 cổng RJ45, 2 cổng XLR điều khiển DMX ■ Chuẩn rack 19 inch, 3U, vỏ kim loại chống nhiễu, sơn tĩnh điện								
E	CPU								

SỐ THỨ TỰ	TÊN SẢN PHẨM, ĐẶC TÍNH & THÔNG SỐ KỸ THUẬT	THƯƠNG HIỆU	MODEL	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (VNĐ)	THÀNH TIỀN (VNĐ)	GHI CHÚ	HÌNH ẢNH SẢN PHẨM
6	Máy trạm Tower i7 14700K	DELL	Dell Precision 3680 Tower Workstation i7 14700K	Bộ	1	49,200,000	49,200,000	(Asia / USA)	
	Intel Core i7 14700K (bộ nhớ đệm 33 MB, 20 lõi, 28 luồng, Turbo lên đến 5.6 GHz, 125 W)								
	Chipset: Intel W680								
	Bộ nhớ UDIMM DDR5 4400 MHz 16GB (2x 8GB)								
	Đồ họa Intel UHD 770								
	512 GB, M.2 2280, PCIe NVMe Gen 4, SSD								
	Kết nối Ethernet Intel I219-LM 10/100/1000								
	Các khe cắm: Khe cắm PCIe x16 Gen5 toàn chiều cao, Khe cắm PCIe x4 Gen3 toàn chiều cao, Khe cắm PCIe x4 Gen 4 toàn chiều cao								
	Lưu trữ: (3) khay 2,5/3,5 inch bên trong (Ổ cứng SATA/SSD) và 3 ổ SSD M.2 tích hợp								
	8 ổ DVD+/-RW Ổ đĩa quang 9,5 mm								
	Bàn phím Multimedia English								
	Chuột có dây								
	Nguồn điện: PSU 1000W (80 PLUS Platinum)								
F	VIDEO MATRIX SWITCHER								
7	Bộ chuyển mạch ma trận HDMI 18Gbps (4K60 4:4:4) 16 vào x 16 ra	KT	KA-VMS1616	Chiếc	1	624,500,000	624,500,000	(Designed in USA / L'rap Asia)	
	• HDMI 2.0(a/b)								
	• Hỗ trợ băng thông 18Gbps lên tới 4K60 4:4:4								
	• Hỗ trợ HDR tối ưu (HDR 10 & 12 Bit) Bao gồm Dolby Vision, HDR10+ và HLG								
	• Mẫu thử nghiệm tích hợp								
	• Quản lý EDID nâng cao								
	Sự miêu tả								
	Thiết kế cài thiện tốc độ chuyển đổi băng thông cao. Hỗ trợ đầy đủ thông số kỹ thuật HDMI 2.0a/b và mọi đặc tính của HDR, ma trận đảm bảo tận dụng tối đa mọi hệ thống. Tốc độ trung bình dưới 3 giây								

SỐ THỨ TỰ	TÊN SẢN PHẨM, ĐẶC TÍNH & THÔNG SỐ KỸ THUẬT	THƯƠNG HIỆU	MODEL	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (VNĐ)	THÀNH TIỀN (VNĐ)	GHI CHÚ	HÌNH ẢNH SẢN PHẨM
	Kết hợp với màn hình thiết lập OLED ở mặt trước giúp việc thiết lập và quản lý trở nên dễ dàng, nó sẽ biến màn hình này trở thành một phần thiết yếu trong các hệ thống lắp đặt có yêu cầu lớn								
	Lợi ích chính								
	Các nhà tích hợp có thể tạo chuỗi EDID tùy chỉnh dễ hoàn thiện tín hiệu đến từ nguồn hoặc chia tỷ lệ hình ảnh dễ hoạt động với màn hình cũ, tất cả đều từ một giao diện có thể điều hướng và truy cập dễ dàng.								
	Không nén - Video bằng tần cơ sở không nén có nghĩa là những gì bạn đưa vào đó sẽ là những gì xuất hiện. Sử dụng sợi quang thuần túy hoặc Bộ mở rộng HDBaset 18Gbps để có được băng thông đầy đủ và hình ảnh đầy đủ! Điều này cho phép nhà tích hợp kiểm soát sử dụng bất kỳ cơ sở hạ tầng nào họ muốn.								
	Mẫu thử nghiệm tích hợp - Mẫu thử nghiệm 4K được tích hợp trong mỗi đầu ra cho phép trình cài đặt đảm bảo có kết nối chắc chắn trước khi kết nối nguồn. Bằng cách này, có thể biết liệu cơ sở hạ tầng của mình có thể xử lý tín hiệu 4K trong giai đoạn đầu cài đặt hay không.								
	Hỗ trợ HDR tối ưu - Ma trận này hỗ trợ tất cả các loại HDR ở mọi định dạng. Bao gồm HDR, HDR10, HDR10+, Dolby Vision, HLG, BBC và NHK. Tất cả chúng đều được hỗ trợ ở độ phân giải lên tới 4K 60Hz và Màu sâu lên tới 12 bit. Tất cả nên không gian màu đều tương thích.								
	Quản lý EDID cực cao - Với 29 EDID tích hợp, bao gồm cả EDID HDR. Có thể quản lý phía đầu vào của công tắc bằng cách chọn EDID được tải sẵn. Nó cũng có thể NGAY LẬP TỨC đọc EDID từ bất kỳ màn hình được kết nối nào và áp dụng nó vào đầu vào mong muốn, tất cả chỉ bằng một nút nhấn.								
	Màn hình mặt trước - Giúp việc thiết lập trở nên dễ dàng! Bảng điều khiển phía trước cho phép thực hiện các thiết lập cơ bản, bao gồm: EDID, Âm thanh, Ma trận và màng. Tất cả mà không cần kết nối PC hoặc kết nối bất cứ thứ gì. Chế độ Kiểm soát bổ sung này là một nguồn tài nguyên được chào đón trên trang web việc làm.								
	Chuyển đổi nhanh ~ Thiết kế cải thiện tốc độ chuyển đổi bằng thông cao. Tốc độ trung bình dưới 3 giây – đây là tốc độ tốt nhất trong ngành dành cho mức độ năng cao của bảng thông cao, không nên thực tế với chuyển đổi HDR.								
	Khử nhiễu âm thanh - Trích năng Khử nhiễu âm thanh cho phép.								
	• Nó có 16 cổng đầu ra âm thanh 2 kênh analog.								
	• Các tùy chọn định tuyến âm thanh được trích xuất bao gồm:								
	• Liên kết với đầu ra (âm thanh được trích xuất chuyển đổi với video, đây là chế độ mặc định)								
	• Liên kết với đầu vào (âm thanh trích xuất được cố định với đầu vào tương ứng bằng cùng một số)								
	• Độc lập (âm thanh được trích xuất có thể được định tuyến theo cách bạn muốn và có các lệnh cho phép nó hoạt động như một ma trận riêng biệt)								
	Với thiết kế mặt độ cao, 1U, tiết kiệm rất nhiều không gian trong giá đỡ								

SỐ THỨ TỰ	TÊN SẢN PHẨM, ĐẶC TÍNH & THÔNG SỐ KỸ THUẬT	THƯƠNG HIỆU	MODEL	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (VNĐ)	THÀNH TIỀN (VNĐ)	GHI CHÚ	HÌNH ẢNH SẢN PHẨM
	▶ THÔNG SỐ KỸ THUẬT								
	■ Video:								
	■ Độ phân giải video: Lên đến 4K 60Hz 4:4:4								
	■ Độ phân giải VESA: Lên đến DCI 4K (4096x2160)								
	■ Định dạng/Độ phân giải HDR: 420, 422, 444 (Mẫu sâu 10 và 12) HDR10, HDR10+, Dolby Vision (24/30 khung hình), HLG								
	■ Không gian màu: YUV (Thành phần), RGB (CSC: Rec. 601, Rec. 709, BT2020, DCI, P3 D6500)								
	■ Hỗ trợ lấy mẫu sắc độ: 4:4:4, 4:2:2, 4:2:0								
	■ Mẫu sâu: Lên đến 16 bit (1080), Lên đến 12 bit (4K)								
	■ Âm thanh:								
	■ Định dạng âm thanh được hỗ trợ HDMI: PCM 2.0 Ch, LPCM 5.1 & 7.1, Dolby Digital, DTS 5.1, Dolby Digital Plus, Dolby TrueHD, DTS-HD Master Audio, DTS-X, Dolby Atmos								
	■ Định dạng âm thanh được hỗ trợ Trích xuất (Cân bằng 5Pin): PCM 2 Ch								
	■ Vị trí trích xuất âm thanh: Liên kết với đầu vào, Liên kết với đầu ra hoặc Ma trận (Độc lập)								
	■ Khoảng cách:								
	■ HDMI In/Out (4K60 4:4:4): Tối đa 50 feet (sử dụng HDMI cao cấp)								
	■ HDMI In/Out (có cáp AOC) (4K60 4:4:4): Tối đa 130 feet (sử dụng cáp AOC cao cấp)								
	■ Khác:								
	■ Băng thông: 18Gbps								
	■ HDCP: HDCP 2.3 trở về trước								
	■ Kiểm soát:								
	■ Cổng: LAN, RS232, IR, Micro USB								
	■ Trình điều khiển: C4, RTI, ELAN, Crestron, URC (để biết thêm - hãy xem Trang trình điều khiển)								
	■ Phần mềm PC: CÓ								
	■ Hệ điều hành web LAN: CÓ								
	■ Cổng:								
	■ HDMI: Loại A								
	■ LAN: RJ45 có Giao diện/Điều khiển Web								
	■ Âm thanh (Trích xuất Analog): Khối đầu cuối 5 chân								
	■ IR Rx: Âm thanh nổi 3.5 mm (3 dây dẫn)								
	■ RS232: Khối đầu cuối 3 chân								
	■ USB: USB-C - Dành cho Giao tiếp/Điều khiển UART								
	■ Môi trường:								
	■ Nhiệt độ hoạt động: 23 đến 125°F (-5 đến 51°C)								
	■ Nhiệt độ lưu trữ: -4 đến 140°F (-20 đến 60°C)								
	■ Phạm vi độ ẩm: 5 đến 90% RH (Không ngưng tụ)								
	■ Công suất:								
	■ Công suất tiêu thụ (Tổng): Tối đa 92 Watt								
	■ Nguồn điện – Đầu vào ma trận: AC 100-240V ~ 50/60Hz								
	■ Đầu ra: DC 48V 3A								
G	EXTENDER								

SỐ THỨ TỰ	TÊN SẢN PHẨM, ĐẶC TÍNH & THÔNG SỐ KỸ THUẬT	THƯƠNG HIỆU	MODEL	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (VNĐ)	THÀNH TIỀN (VNĐ)	GHI CHÚ	HÌNH ẢNH SẢN PHẨM
8	Bộ phát tín hiệu gắn tường USB-C/HDMI qua HDBaset	KT	KA-EXTW/PTX-USBCHDMI	Chiếc	1	48,800,000	48,800,000	(Designed in USA/ R&P Asia)	
	Ngõ vào tự động nhận điện USB-C & HDMI								
	HDCP 2.2								
	4K 30 4:4:4, 4K60 4:2:0								
	Đế đơn (Decora), tỏa nhiệt thấp, bền bỉ, khung máy tuổi thọ cao								
	Lợi ích chính								
	Khoảng cách - khoảng cách truyền cho HD 1080P là 100 mét (330 feet) và cho 4K là lên đến 70 mét (230 feet).								
	Tự động nhận điện -. Khi người dùng cắm thiết bị của họ, bộ phát tín hiệu sẽ tự động nhận điện tín hiệu và kích hoạt nó. Với đèn báo trên mặt trước của bộ phát tín hiệu, sẽ biết liệu mình có kết nối ổn định hay không.								
	Nguồn điện - Không cần nguồn điện cục bộ khi bạn sử dụng với bộ TX này. Nguồn điện được cung cấp bởi công nghệ PoE siêu ổn định. Tùy chọn, bạn có thể cấp nguồn cục bộ cho nó bằng bất kỳ bộ thu HDBaset hoặc máy chiếu nào có ngõ vào HDBaset.								
	Đế đơn - Tiết kiệm không gian và tạo ra một hệ thống lắp đặt gọn gàng với cấu hình dễ đơn.								
	Thông số kỹ thuật								
	Video:								
	Độ phân giải video: Lên đến 4K 60Hz 4:2:0 & 4K30 4:4:4								
	Độ phân giải VESA: Lên đến 2560x2048 (QSXGA)								
	Định dạng/Độ phân giải HDR: 4K24 4:2:2 12 bit, 4K24 4:2:0 10 bit								
	Không gian màu: YUV (Component), RGB (CSC: Rec. 601, Rec. 709, BT2020, DCI, P3 D6500)								
	Lấy mẫu màu phụ (Chroma Subsampling): Hỗ trợ 4:4:4, 4:2:2, 4:2:0								
	Độ sâu màu: Lên đến 12 bit (4K)								
	Âm thanh:								
	Định dạng âm thanh được hỗ trợ (HDMI): PCM 2.0 Ch, LPCM 5.1 & 7.1, Dolby Digital, DTS 5.1, Dolby Digital Plus, Dolby TrueHD, DTS-HD Master Audio, DTS-X, Dolby Atmos								
	Khoảng cách:								
	Khoảng cách 1080P: 100m (330 feet) (với CAT 6a/7)								
	Khoảng cách 4K & HDR: 70m (230 feet) (với CAT 6a/7)								
	Khác:								
	Băng thông: 10.2 Gbps								
	CEC: Có								
	HDCP: HDCP 2.2 và các phiên bản trước								
	Cổng kết nối:								
	HDMI (ngõ vào): Type A								

SỐ THỨ TỰ	TÊN SẢN PHẨM, ĐẶC TÍNH & THÔNG SỐ KỸ THUẬT	THƯƠNG HIỆU	MODEL	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (VNĐ)	THÀNH TIỀN (VNĐ)	GHI CHÚ	HÌNH ẢNH SẢN PHẨM
	Cổng USB-C (NGỒ VÀO): USB-C (USB 3.1 GEN 2 hoặc cao hơn cho 4K)								
	HDBaseT (ngõ ra đến bộ thu): RJ45								
	Môi trường hoạt động:								
	Nhiệt độ hoạt động: 23 đến 125°F (-5 đến 51°C)								
	Nhiệt độ lưu trữ: -4 đến 140°F (-20 đến 60°C)								
	Độ ẩm: 5-90% RH (Không ngưng tụ)								
	Nguồn điện:								
	Công suất tiêu thụ (Tổng): 8 watts (16.5 khi ghép nối với bộ thu)								
	Nguồn điện: Ngõ vào: AC 100-240V ~ 50/60Hz Ngõ ra: DC 5V (mini USB)								
9	Bộ nhận HDBaseT 70M 18Gbps kèm nguồn điện	KT	KA-EXTBRX-70-444-RNE-P	Chiếc	1	53,600,000	53,600,000	(Designed in USA/ LRap Asia)	
	HDMI: 2.0								
	18Gbps: Hỗ trợ băng thông sử dụng ICT								
	Full: Hỗ trợ HDR								
	48V : Nguồn điện đi kèm								
	Mô tả								
	Bộ nhận HDBaseT được thiết kế để hoạt động đồng bộ với các bộ phát HDBaseT tương thích và đi kèm nguồn điện 48V.								
	Thường được ghép nối với các bộ chuyển mạch ma trận HDBaseT 18Gbps ICT, nhưng bao gồm nguồn điện DC 48V để sử dụng độc lập, chẳng hạn như với các tấm gắn tường.								
	Bộ phát đáp ứng lên đến khoảng cách 70 mét với 4K60 444 HDR và 1080p ở 100 mét, băng thông cao và độ trung thực hình ảnh một cách trọn vẹn.								
	Các Lợi Ích Chính								
	Công Nghệ Nén tương thích với tất cả các siêu dữ liệu HDR và codec âm thanh tốc độ bit cao, các thiết bị hiển thị chất lượng cao nhất vẫn không bị nhiễu ảnh khi nhận tín hiệu nén.								
	Mở Rộng Tín Hiệu 4K60 4:4:4 với HDR: mở rộng một nguồn UHD 4K băng thông cao với khoảng cách là hai trăm ba mươi feet, bao gồm Dolby Vision, HDR10, HDR10+ hoặc HLG.								
	Khắc Phục Sự Cố Tích Hợp: bộ phát có thể tạo ra mẫu thử 1080P hoặc 4K để hỗ trợ xác minh dây, cài đặt cấu hình bộ chuyển mạch hoặc khả năng hoạt động của nguồn.								
	Quản Lý IR & RS232 Hai Chiều: IR & RS-232 là hai chiều và có thể điều khiển các nguồn từ các thiết bị nhận hoặc ngược lại. Gửi tín hiệu điều khiển lên đến 70 mét qua HDBaseT để thực hiện điều khiển thiết bị ở khoảng cách xa, cho phép linh hoạt hơn trong thiết kế và lắp đặt hệ thống.								
	Thông Số Kỹ Thuật								
	Video:								
	Độ Phân Giải Video: Lên đến 4K 60Hz 4:4:4								
	Độ Phân Giải VESA: Lên đến DCI 4K (4096x2160)								

SỐ THỨ TỰ	TÊN SẢN PHẨM, ĐẶC TÍNH & THÔNG SỐ KỸ THUẬT	THƯƠNG HIỆU	MODEL	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (VNĐ)	THÀNH TIỀN (VNĐ)	GHI CHÚ	HÌNH ẢNH SẢN PHẨM
	Định Dạng/Độ Phân Giải HDR: 420, 422, 444 (Deep Color 10 và 12 bit), HDR10, HDR10+, Dolby Vision (24/30 khung hình), HLG, Dolby Vision								
	Không Gian Màu: YUV (Component), RGB (CSC: Rec. 601, Rec. 709, BT2020, DCI, P3 D6500)								
	Lấy Mẫu Màu Sắc Thứ Cấp: Hỗ trợ 4:4:4, 4:2:2, 4:2:0								
	Deep Color: Lên đến 16 bit (1080), Lên đến 12 bit (4K)								
	Âm Thanh:								
	Định Dạng Âm Thanh Hỗ Trợ HDMI: PCM 2.0 Ch, LPCM 5.1 & 7.1, Dolby Digital, DTS 5.1, Dolby Digital Plus, Dolby TrueHD, DTS-HD Master Audio, DTS-X, Dolby Atmos								
	Định Dạng Âm Thanh Hỗ Trợ Trích Xuất (Công 2CH): PCM 2 Ch (Không Downmix)								
	Khoảng Cách:								
	Khoảng Cách HDBaset (CAT) (4K): 70 Mét / 230 Feet (Cat 6a)								
	Khoảng Cách HDBaset (CAT) (Full HD): 100 Mét / 330 Feet (Cat 6a)								
	Cáp HDMI Đầu Vào/Ra (4K60 4:4:4): Lên đến 50 Feet (sử dụng cáp HDMI chất lượng cao)								
	Cáp HDMI Đầu Vào/Ra (với Cáp AOC) (4K60 4:4:4): Lên đến 130 Feet (sử dụng cáp AOC chất lượng cao)								
	Khác:								
	Bảng Thông: 18 Gbps								
	HD-CP: HDCP 2.3 và các phiên bản trước								
	Cổng Kết Nối:								
	HDMI: Type A								
	HDBaset: RJ45 với PoH cho Bộ Nhãn HDBaset Âm Thanh (Analog Trích Xuất): Khó đầu cuối 3 chân (Không Cần Băng)								
	IR TX: 3.5MM Mono (2 Cục)								
	IR RX: 3.5mm Stereo (3 Cục)								
	RS-232: Khó Đầu Cuối 3 Chân								
	Nguồn: Khó Đầu Cuối 2 Chân								
	Môi Trường:								
	Nhiệt Độ Hoạt Động: 23 đến 125°F (-5 đến 51°C)								
	Nhiệt Độ Lưu Trữ: -4 đến 140°F (-20 đến 60°C)								
	Độ Ẩm Hoạt Động: 5-90% RH (Không Ngưng Tụ)								
	Nguồn Điện:								
	Công Suất Tiêu Thu (Tổng): Tối đa 12 Watts								
	Nguồn Điện - Đầu Vào Mạ Trăn: AC 100-240V ~ 50/60Hz								
	Đầu Ra: DC 48V 0.5A								
10	70M 18Gbps HDBaset Extender (TX - RX)	KT	KA-EXTBKIT-70-444	Chiếc	4	74,500,000	298,000,000	(Designed in USA / Rap Asia)	
	► ĐẶC TRUNG								
	■ HDMI 2.0(a/b)								

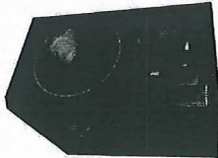
SỐ THỨ TỰ	TÊN SẢN PHẨM, ĐẶC TÍNH & THÔNG SỐ KỸ THUẬT	THƯƠNG HIỆU	MODEL	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (VNĐ)	THÀNH TIỀN (VNĐ)	GHI CHÚ	HÌNH ẢNH SẢN PHẨM
	■ Hỗ trợ băng thông 18Gbps (Sử dụng CNITT) ■ Siêu mỏng (0.47 inch/12mm) ■ Hỗ trợ lên tới 4K60 4:4:4 ■ Hỗ trợ HDR đầy đủ (HDR 10 & 12 Bit) ■ Hỗ trợ HDR, HDR10+ và HLG ■ Giảm tỷ lệ 4K --> 1080P cho các hệ thống hỗn hợp ■ Quản lý EDID và mô phỏng EDID ■ Mẫu thử nghiệm 4K & HD được tích hợp trong Tx và Rx cho xử lý sự cố ■ Khả năng của trung tâm Ethernet ■ Trích xuất âm thanh L/R trên Tx và Rx ■ HDCP 2.2 (và hỗ trợ tất cả các phiên bản cũ hơn) ■ CEC đi qua ■ Hỗ trợ 3D ■ 100M (330ft) trên 1080P (Cat6a) ■ Lên tới 70m (230ft) trên 4K (lên tới 4K60 4:4:4, HDR) (Cat6a) ■ 48v PoH hai chiều (Cấp nguồn qua HDBaset, chỉ một Cản nguồn điện) ■ Tính năng I-Pass cho hệ thống điều khiển "pass-through" ■ Tích hợp mạch bảo vệ 3-20V để vận chuyển hồng ngoại an toàn ■ Truyền tải RS232 hai chiều ■ Đèn LED trạng thái, liên kết, nguồn ■ Sử dụng cáp LAN UTP/STP đơn (CAT-5E/6A) với thay thế cáp HDMI để đạt được khoảng cách xa quá trình lắp truyền. ■ Hỗ trợ PCM 2-Ch., LPCM 5.1 & 7.1 không nén. ▶ ĐẶC ĐIỂM SẢN PHẨM ■ Bộ mở rộng 5-Play (Audio, Video, Control, Power, Ethernet) 70 Meter cho phép truyền tải nội dung 4K 18Gbps (bao gồm HDR, Dolby Vision) qua cáp mạng thông thường. Bộ mở rộng HDBaset này hỗ trợ 4K60 4:4:4, HDR và 18Gbps qua cáp UTP/STP CAT (khuyến nghị CAT6A SFTP). ■ Bộ mở rộng HDMI KIT TX-RX 18Gbps truyền tín hiệu video 4K/60fps 4:4:4, HDR10, Dolby Vision, HDR10+ và Hybrid Log Gamma qua cáp Cat6A ở tốc độ 18Gbps. Công nghệ truyền tải chất lượng cao mà không mất dữ liệu. ■ Tính năng bổ sung bao gồm quản lý EDID, giảm độ phân giải, điều khiển tín hiệu IR và RS-232 hai chiều, tạo mẫu thử nghiệm tích hợp, cổng ethernet 10/100 kép và trích xuất âm thanh Trái/Phải từ tín hiệu đầu vào 2 kênh PCM. ▶ CÁC TÍNH NĂNG CÔNG NGHỆ ĐƯỢC TÍCH HỢP ■ Các tính năng nổi bật ■ Công nghệ Nén tín hiệu HDMI băng thông cao mà không làm giảm chất lượng hình ảnh, hỗ trợ HDR và các định dạng màu sắc khác nhau. Thuật toán Công nghệ nén có thể quản lý tất cả các phiên bản HDR bao gồm 4: 4: 4; 4: 2: 2 và 4: 2: 0 cũng như các tín hiệu lên đến 18Gbps và 4K 60Hz 4: 4: 4, HDMI Deep Color lên đến 12 Bit ■ Giảm tỷ lệ: Chuyển đổi tín hiệu 4K (và HDR) thành 1080p để tương thích với màn hình cũ hơn. ■ Tạo mẫu thử nghiệm: Hỗ trợ kiểm tra nhanh các vấn đề kết nối hoặc EDID.								

SỐ THỨ TỰ	TÊN SẢN PHẨM, ĐẶC TÍNH & THÔNG SỐ KỸ THUẬT	THƯƠNG HIỆU	MODEL	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (VNĐ)	THÀNH TIỀN (VNĐ)	GHI CHÚ	HÌNH ẢNH SẢN PHẨM
	Mở rộng tín hiệu 4K 60 4:4:4 và HDR: Truyền tín hiệu 4K lên đến 70 mét qua cáp CAT-6A, vượt qua giới hạn của cáp HDMI truyền thông.								
	Quản lý EDID: Giải quyết các vấn đề tương thích giữa màn hình và thiết bị nguồn, cho phép kiểm soát độ phân giải video và codec âm thanh.								
	• EDID Bypass								
	• Âm thanh 1080P 2CH								
	• Âm thanh 1080P 8CH								
	• Âm thanh 4K60 4: 2: 0 2CH								
	• Âm thanh 4K60 4: 2: 0 8CH								
	• Âm thanh 4K60 4: 4: 4 HDR 2CH								
	• Âm thanh 4K60 4: 4: 4 HDR 8CH								
	• USER EDID - sao chép EDID								
	• Chức năng sao chép EDID cho phép sao chép và lưu từ bất kỳ màn hình hoặc máy chiếu nào.								
	■ Khắc phục sự cố trên bo mạch: Tạo mẫu thử nghiệm 1080P hoặc 4K để kiểm tra nhanh hệ thống dây và xác định lỗi kết nối.								
	■ Chế độ xếp tầng: Mở rộng khoảng cách truyền bằng cách kết nối nhiều bộ mở rộng với nhau, hỗ trợ cấp nguồn hai chiều.								
	■ Quản lý IR & RS232: Điều khiển hai chiều các thiết bị nguồn và đích, hỗ trợ công I-PASS cho truyền tín hiệu IR ổn định.								
	■ Chế độ Tầm xa: Truyền tín hiệu 1080P lên đến 150 mét, nhưng không hỗ trợ 4K.								
	Lưu ý: Chế độ Tầm xa giới hạn độ phân giải ở 1080P.								
	► THÔNG SỐ KỸ THUẬT								
	■ VIDEO:								
	• Độ phân giải video lên tới 4K/60fps 4:4:4								
	• Độ phân giải VESA lên tới DCI 4K (4096x2160)								
	• Định dạng HDR HDR10, HDR10+, Dolby Vision, HLG								
	• Độ sâu bit màu YUV (Thành phần), RGB (CSC: Ghi 601, Ghi 709, BT.2020, DCI-P3 D65)								
	• Hỗ trợ lấy mẫu phụ sắc độ 4:4:4, 4:2:2, 4:2:0								
	• Mẫu sâu Lên tới 16 bit (1080p) 10 và 12 bit (4K)								
	• Giảm tỷ lệ 4K (và HDR) xuống 1080p								
	■ ÂM THANH:								
	• Các định dạng âm thanh được hỗ trợ HDMI LPCM lên đến 7.1, Dolby Digital, Dolby Digital Plus, Dolby TrueHD, Dolby Atmos (tất cả các định dạng), DTS-Digital Dome, DTS-ES Discrete, DTS-HD High Res Audio, DTS-HD Master Audio, DTS :X								
	• Hỗ trợ các định dạng âm thanh Đã trích xuất (Cổng 2CH) PCM 2 Ch (Không có Downmix)								
	■ KHOẢNG CÁCH:								
	• HDBaset (CAT) Khoảng cách (4K) 70 mét / 230 feet (Cat 6a)								
	Khoảng cách HDBaset (CAT) (Full HD) 100 mét / 330 feet (Cat 6a)								
	• Đầu vào/ra HDMI (4K60 4:4:4) Lên tới 50 feet (sử dụng HDMI Bullet Train)								
	• Đầu vào/ra HDMI (có cáp AOC) (4K60 4:4:4) Lên tới 130 feet (sử dụng Bullet Train AOC)								
	■ KHÁC:								

SỐ THỨ TỰ	TÊN SẢN PHẨM, ĐẶC TÍNH & THÔNG SỐ KỸ THUẬT	THƯƠNG HIỆU	MODEL	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (VNĐ)	THÀNH TIỀN (VNĐ)	GHI CHÚ	HÌNH ẢNH SẢN PHẨM	
	- Bảng thông 18 Gbps (Sử dụng tín hiệu CNITT trên 10.2 Gbps) - HDCP HDCP 2.2 trở về trước (hỗ trợ HDCP 2.3 với phần cập nhật firmware) - CÔNG: - HDMI (TX & RX) Loại A - HDBaseT RJ45 w/POH cho đầu thu HDBaseT - Âm thanh tự mã trích xuất (TX & RX) Khởi đầu cuối 3 chân (Không cần băng) Mỗi khối - IR TX (TX & RX) 3.5MM Mono (2 dây dẫn) Mỗi cổng - IR RX (TX & RX) Âm thanh nổi 3.5mm (3 dây dẫn) Mỗi chiếc - Khởi đầu cuối 3 chân RS-232 (TX & RX) mỗi khối đầu cuối 2 chân nguồn (TX & RX) - Ethernet (TX & RX) 2x Kết nối RJ45 Mỗi kết nối (10/100) - THUỐC VỆ MÔI TRƯỜNG: - Nhiệt độ hoạt động -5 đến 51 độ C - Nhiệt độ bảo quản -20 đến 60 độ C - Phạm vi độ ẩm 5-90% RH (Không ngưng tụ) - YÊU CẦU CẤP NGUỒN HOẠT ĐỘNG: - Tiêu thụ điện năng (Tổng cộng) Tối đa 12 Watts - Nguồn điện - Đầu vào ma trận: AC 100-240V ~ 50/60Hz - Đầu ra: DC 48V 0.5A - GIAO DIỆN THIẾT BỊ - BỘ PHÁT (TRANSMITTER – EXTENDER TX) - Power, ACT, Link, Status, Setting, IPASS, IR-EYE, IR IN, IR OUT, USB - GND/48V, HDBaseT, RS232, L/R OUT, HDMI IN, ETHERNET 1, ETHERNET 2 - BỘ THU (RECEIVER – EXTENDER RX) - Power, ACT, Link, Status, Setting, POE, IR IN, IR OUT, USB - GND/48V, HDBaseT, RS232, L/R OUT, HDMI OUT, ETHERNET 1, ETHERNET 2 - TUYỂN BỐ HỢP CHUẨN: - CE - FCC - RoHS									
H	BỘ LỌC NHIỀU NGUỒN & CẤP NGUỒN AN TOÀN									
11	Bộ điều hòa điện cao cấp (lọc nhiễu nguồn & cấp nguồn an toàn), tính năng khởi động từ xa	6 SIGMA	PS-SPPCR-1216-RT	Chiếc	4	65,100,000	260,400,000	(Asia)		
	▶TÓM TẮT ĐẶC ĐIỂM CHÍNH SẢN PHẨM - Chứng nhận A-1-1. - Hạng A là độ bền tối nhất - 1.000 lần tăng 6.000 Volts / 3.000 Amps mà không bị suy giảm.									

SỐ THỨ TỰ	TÊN SẢN PHẨM, ĐẶC TÍNH & THÔNG SỐ KỸ THUẬT	THƯƠNG HIỆU	MODEL	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (VNĐ)	THÀNH TIỀN (VNĐ)	GHI CHÚ	HÌNH ẢNH SẢN PHẨM
	o Loại 1 chỉ định mức triệt tiêu điện áp tối nhất là 330 Volts cho mức tăng 6.000 Volts / 3.000 Amps.								
	o Chế độ 1 là triệt tiêu Line to Neutral (L-N). Điều này tránh làm nhiệm bản dây nối đất và được khuyến nghị cho các thiết bị được kết nối với nhau.								
	■ Sức bền: > 500.000 @ 1KV; >10.000 lần @ 3KV; > 1000 lần @ 6KV								
	■ 10 công IEC C13, Tổng tải 16Amp								
	► CÁC CÔNG NGHỆ BẢO VỆ								
	■ Công nghệ bảo vệ nguồn giúp loại bỏ hoàn toàn năng lượng tăng áp (đột biến điện áp / shock điện áp) lên đến 6000V mà không tạo ra các tác dụng phụ có hại như ở nhiệm đất hoặc nhiễu loạn chế độ thông thường có thể làm giảm hiệu suất của hệ thống AV								
	■ Công nghệ không chứa các thành phần MOV phải tự sinh khi đổi mặt các đột biến điện áp ngõ vào như các công nghệ thông thường có MOV. (Công nghệ MOV / MOV-Hybrid với việc loại bỏ nhiễu vào đất có thể tạo ra nguy cơ an toàn và có thể gây nguy hiểm đến tính mạng).								
	■ Công nghệ Ngắt điện áp quá mức thâm khốc: Ngắt điện ngõ ra bảo vệ thiết bị khi điện áp ngõ vào dưới ngưỡng thấp, hoặc vượt quá ngưỡng cao								
	■ Công nghệ Loại bỏ dòng điện khởi động (đột biến dòng): cung cấp khả năng "bật nhẹ" Soft On để ngăn chặn các sự cố hiện tại liên quan đến hệ thống đa thành phần có công suất cao.								
	■ Công nghệ bộ lọc EMI / RFI có tính năng chịu đựng phạm vi trở kháng (EMI/RFI Tolerance Impedance) của nguồn và tải bất kỳ (đề lọc nhiễu EMI/RFI trên bộ lọc nguồn AC, cần có 2 bộ lọc riêng biệt về mặt vật lý, bộ lọc chế độ bình thường & bộ lọc chế độ chung):								
	• Chế độ Normal (Chế độ bình thường – Nhiều tần số thấp có xu hướng ở chế độ bình thường, những nhiễu này nằm giữa dây Line và dây Trung tính)								
	• Chế độ Common (Chế độ chung yêu cầu 1 cuộn cảm đặc biệt, hoặc cuộn cảm tương hỗ – Nhiều rối loạn tần suất truy cập cao hơn có xu hướng ở chế độ common, những nhiễu này nằm giữa cả dây Line + dây trung tính và dây nối đất)								
	► Tính năng Bật từ xa:								
	■ Với các tính năng:								
	• Công tắc đóng mở.								
	• Cấp nguồn cho đèn LED chỉ báo.								
	• Công tắc relay (Remote Control Connector 7 pins, đèn LED báo, Auxiliary Relay Contacts)								
	► Nhiều đơn vị có thể xếp tầng (để được điều khiển khởi động).								
	► Bộ ngắt mạch nhiệt. Bảo vệ quá nhiệt								
	► Mạch tự kiểm tra với đèn báo trực quan								
	• Có chức năng Đèn báo phân cực: khi dây line và trung tính bị ngược								
	• Có chức năng Đèn báo nguồn vào được cấp								
	• Có chức năng Đèn báo tự kiểm tra: cho biết nguồn điện là được cung cấp cho thiết bị và mạch bảo vệ chống sét lan truyền bên trong có đầy đủ chức năng.								

SỐ THỨ TỰ	TÊN SẢN PHẨM, ĐẶC TÍNH & THÔNG SỐ KỸ THUẬT	THƯƠNG HIỆU	MODEL	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (VNĐ)	THÀNH TIỀN (VNĐ)	GHI CHÚ	HÌNH ẢNH SẢN PHẨM
	• Có chức năng Đèn báo bảo vệ điện áp trên / dưới: chỉ ra rằng điện áp nguồn dưới 190 Vôn hoặc trên 280 Vôn. • Có chức năng Đèn báo khi sử dụng tính năng điều khiển từ xa.								
	► THÔNG SỐ KỸ THUẬT: ■ Công suất tải: 16A ■ Điện áp danh định dây line với dây trung tính U0 (V): 240V ■ Max mức điện áp hoạt động Uc (V): 275VAC ■ Cấp bảo vệ điện áp Lên (V): 1KV ■ Tối đa dòng điện ngắn hạn. (Isc): 3KA ■ Điện áp mạch hở (Uoc): 6KV ■ Đặc tính TOV (UT): TOV chịu được, IT = 5s, UT = 335V; ■ Mức độ bảo vệ (IP): IP20 ■ Thiết bị ngắt kết nối: Cắm ■ Hệ thống cung cấp điện áp dung: TN TT IT ■ Đèn báo phân cực (gắn dây cung cấp): Sáng: sai; Tắt: đúng ■ Vị trí: Trong nhà ■ Quy định điện áp: ≤ 1% ■ Kiểu outlet ngõ ra: EU Type (IEC13) ■ Số lượng outlet ngõ ra: IEC13 x 11 ngõ ra, mỗi ngõ tối đa chịu tải 10A, Tổng tải 16A cho toàn bộ các ngõ ra. ■ Kiểu phích cắm ngõ vào Main: EU Type (CEE7/7) ■ Dây điện 3 lõi (có lõi tiếp đất) dài 2.44m, 3Cx1.5mm² ■ Điện áp cho phép tăng (khi có đột biến điện áp vào 6000 Volt): 0 Volts ■ Chập nhận điện áp đột biến ngõ vào: 6000 Volts * ■ Công nghệ bộ lọc EMI / RFI có tính năng chịu đựng phạm vi trở kháng (EMI/RFI Tolerance Impedance) • Chế độ Normal (Chế độ bình thường – Nhiều tần số thấp có xu hướng ở chế độ bình thường, những nhiễu này nằm giữa dây Line và dây Trung tính) (tải 50 Ω): • 40dB @ 100kHz; • 50dB @ 300kHz; • 50dB @ 3MHz; • 50dB @ 30MHz • Chế độ Common (Chế độ chung yếu cầu 1 cuộn cảm đặc biệt, hoặc cuộn cảm tương hỗ – Nhiều rối loạn tần suất truy cập cao hơn có xu hướng ở chế độ common, những nhiễu này nằm giữa cả dây Line + dây trung tính và dây nối đất) (tải 50 Ω): • 18dB @ 300kHz; • 30dB @ 1MHz; • 50dB @ 5MHz; • 50dB @ 20MHz ■ Chuẩn Rack 19 inch – 1U, tương thích với các hệ thống IT, AV, Pro Sound đặt trong tủ rack 19 inch ■ Range nhiệt độ: -40 độ C đến +35 độ C ■ Range độ ẩm: 30% đến 90% RH không ngưng tụ ■ Khung thép sơn chống nhiễu từ tính								
I	LOUDSPEAKER FULL RANGE								

SỐ THỨ TỰ	TÊN SẢN PHẨM, ĐẶC TÍNH & THÔNG SỐ KỸ THUẬT	THƯƠNG HIỆU	MODEL	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (VNĐ)	THÀNH TIỀN (VNĐ)	GHI CHÚ	HÌNH ẢNH SẢN PHẨM
12	Loa FULL đơn toàn dải 3 way (LF 1x15" + MF 1x3" + HF 1x1") - 500W AES - 2000W Peak	6 SIGMA	DR-KT15P	Chiếc	4	56,900,000	227,600,000 (Asia)		
	■ 15" LF woofer + 3" exit voice coil MF compression driver + 1" exit voice coil HF compression driver ■ Công suất thực / lâu dài (RMS/AES): 500 W ■ Công suất (Program): 1000W ■ Công suất đỉnh (Max/ Peak): 2000W ■ Tần số đáp ứng: 50Hz-20KHz (±3dB) ■ Mức nền âm: 101dB (1W, 1m) / Max : 137dB SPL ■ Góc hướng âm: 90 x 45 độ ■ Phân tần: 1.5KHz Passive ■ Vỏ thùng gỗ vân dây 18mm với kết cấu chắc chắn plywood 11 lớp ■ Vỏ thùng loa được phủ sơn đen giảm trầy, dễ vệ sinh bề mặt ■ Lưới thép lục giác 1.5mm bọc ngoài lớp mút xuyên âm ■ Giắc kết nối: 2 x Neutrik NL4 ■ Các điểm treo linh hoạt để có thể treo loa phương ngang hoặc phương dọc. ■ 2 hộc tay cầm âm bọc thép để dàng vận chuyển, kiêng vác.								
J	POWER AMP								
13	Amplý công suất 2 Kênh x 2100W/Ch 4 Ohm, Khuếch đại Class H	6 SIGMA	DR-MK4200M	Chiếc	1	98,200,000	98,200,000 (Asia)		
	Power amp 2Ch x 2100W								
	Amplý công suất 2 Kênh x 2100W/Ch 4 Ohm, Khuếch đại Class H								
	► ĐẶC ĐIỂM SẢN PHẨM								
	■ Tủ điện sử dụng 12 tụ 22000 micro Fara, mang lại mức dự trữ năng lượng cao hơn. ■ Khả năng thích ứng với nguồn điện ngõ vào lên đến 250V, giữ được sự ổn định ngay cả khi hoạt động trong môi trường điện áp không nằm trong ngưỡng tiêu chuẩn (như: 190V-<220V, hoặc 230V-250V)								

SỐ THỨ TỰ	TÊN SẢN PHẨM, ĐẶC TÍNH & THÔNG SỐ KỸ THUẬT	THƯƠNG HIỆU	MODEL	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (VNĐ)	THÀNH TIỀN (VNĐ)	GHI CHÚ	HÌNH ẢNH SẢN PHẨM
	- Với độ dày 3U chuẩn tủ rack 19 inch, với 2 quạt giải nhiệt có tốc độ quay được điều khiển cảm ứng theo nhiệt độ bên trong amply - Có thể chuyển sang chế độ âm thanh nổi, đơn âm hoặc cầu nổi. - Đầu vào cân bằng (XLR) với đầu ra XLR song song để liên kết bộ khuếch đại - Đèn LED chỉ báo cho OK/Protect, tín hiệu đầu vào, NLR đang hoạt động và TPD đang hoạt động. - Dao động tần số cao, điện áp đầu ra DC và bảo vệ quá nhiệt ► TÍNH NĂNG BẢO VỆ - Mỗi bộ khuếch đại kết hợp một số mạch để bảo vệ, không bị ảnh hưởng bởi các mạch ngăn và hở, điện áp DC và hiện tượng quá nhiệt. - Khi xảy ra sự cố khiến kênh chuyển sang chế độ bảo vệ, đèn LED Nhiệt độ hoặc DC cho kênh đó sẽ phát sáng. Điện áp DC trên đầu ra, tần số căn âm quá mức hoặc quá tải thermal sẽ khiến rơle đầu ra của kênh ngắt kết nối tải loa cho đến khi vấn đề được khắc phục hoặc bộ khuếch đại nguội đi. - Mạch bảo vệ: - On/Off. - On soft (Chức năng khởi động êm, bảo vệ loa) - Load protect. Subsonic (Chức năng bảo vệ loa) - DC protector (Chức năng bảo vệ DC) - Sonic protector (Chức năng bảo vệ tối ưu âm thanh) - High temp, Volt (Chức năng bảo vệ amply khi điện áp ngõ vào ngoài phạm vi tiêu chuẩn & nhiệt độ amply hoạt động ngoài phạm vi tiêu chuẩn) - Power protector (Chức năng bảo vệ DC) - Output protector.AC fuse (Chức năng bảo vệ với cầu chì) - Limit, DC (Chức năng bảo vệ giới hạn DC): Bộ giới hạn thích ứng điều khiển vòng kín, nâng cao tính an toàn cho loa và amply tránh quá tải - Short-circuit - Bảo vệ ngắn mạch / Đoàn mạch (Chức năng bảo vệ amply khi gặp trường hợp ngắn mạch): Nếu đầu ra bị chập, mạch bảo vệ sẽ nhạy hơn so với mạch bảo vệ - Over-heat (bảo vệ quá nhiệt): (Các quạt bên trong sẽ giữ cho bộ khuếch đại hoạt động tốt trong phạm vi nhiệt độ mong muốn trong mọi điều kiện bình thường. Khi nhiệt độ tản nhiệt của kênh đạt tới 80°C, điều này có thể cho thấy nguồn cấp khí bị tắc, bộ lọc không khí bị tắc, v.v., kênh đó sẽ ngắt tải. Hoạt động bình thường sẽ tự động tiếp tục sau khi nhiệt độ nguội xuống 70 ~ 75°C. Trong thời gian này, đèn LED Nhiệt độ của kênh sẽ sáng.								
	- COOLING – GIẢI NHIỆT: Quạt giải nhiệt: 2 quạt thay đổi tốc độ, làm lạnh đảo chiều Convection-Cooling, lỗ thoát hơi giải nhiệt tại mặt trước amply ► THÔNG SỐ KỸ THUẬT - Công suất khuếch đại ngõ ra: - Công suất 2100W + 2100W / CH4Ω - Công suất 1400W + 1400W / CH8Ω - Công suất 3400W/Bridge mono 4Ω - Độ méo âm (DISTORTION) - THD:<0.01% @ 1kHz -1dB under Clip								

SỐ THỨ TỰ	TÊN SẢN PHẨM, ĐẶC TÍNH & THÔNG SỐ KỸ THUẬT	THƯƠNG HIỆU	MODEL	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (VNĐ)	THÀNH TIỀN (VNĐ)	GHI CHÚ	HÌNH ẢNH SẢN PHẨM
	• THD:<0.04% @ 20Hz~20kHz from 1W to Full Power • IMD :<0.008% @ 3dB under clip • SLEW RATE: >60V/μs tốc độ chuyển mạch • HUM & NOISE <-110dBA • Điện trở ngõ ra • Điện trở ngõ ra: 0.030 Ohm • Deviation form perfect delay: 10 (150 ~ 20 KHz) • Tổng delay (từ input đến output tại 4 Ohm): 3.5giây • Pha và trễ • Độ nhạy: 0.775V/1V/1.4V, • Common mode Rejection at 1KHz • Nguồn AC yêu cầu: (Version 230V) • Điện áp hoạt động Normal operation voltage: AC 230V • Dải điện áp hoạt động: 130V ~ 265V AC • Điện áp khởi động tối thiểu: 175V AC • Công suất phát tại 4 Ohm: 180V~265V AC • Phân công suất POWER • Cường độ hoạt động: 2 Amps • Dải cường độ hoạt động: 12 Amps • Cường độ khởi động tối thiểu: 18 Amps • Cường độ khi Công suất phát tại 4 Ohms: 32 Amps ▶ GIAO DIỆN ĐIỀU KHIỂN & KẾT NỐI ■ Đèn chỉ báo: • CH. A & CH. B: DC, TEMP, CLIP, dB, ON ■ LED – POWER • Điều khiển âm lượng kênh CH.A, B ■ Các ngõ cắm CONNECTORS • Ngõ vào INPUT: XLR (Female), Parallel XLR (Male) • Ngõ ra OUTPUT: 2 Speakers Connectors X 1X4 Pole-Speakon (Ch. A, Ch.B), 2 pairs Binding Post (Ch.A, Ch.B) - Bridge ■ Chế độ chọn SWITCH MODE: Bridge, Stereo, Parallel SWITCH GROUND LINK: GROUND LINK, GROUND UN-LINK								
K	LOA RÀI								
14	Loa gắn bề mặt 10", HF nên 1', 375W RMS, Bộ khuếch đại bên trong tự cấp nguồn - Loa trầm 245W, Loa tweeter 175W	C ELEC	S10A	Chiếc	4	79,600,000	318,400,000	Thương hiệu: ENGLAND Lắp ráp: UK/Asia	
	Loa bề mặt chủ động 10" màu trắng								
	Đặc trưng								
	• Loa trầm 10" (Xử lý giấy với viên xử lý vôi)								
	• Loa treble nên thoát 1"								
	• Thiết kế đồng tâm kép								
	• Bộ khuếch đại ClassD và SMPS kỹ thuật số								
	• Công suất liên tục 250w / Công suất cực đại 375w								

SỐ THỨ TỰ	TÊN SẢN PHẨM, ĐẶC TÍNH & THÔNG SỐ KỸ THUẬT	THƯƠNG HIỆU	MODEL	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (VNĐ)	THÀNH TIỀN (VNĐ)	GHI CHÚ	HÌNH ẢNH SẢN PHẨM
	• Hai đầu vào mic/dường truyền tương tự cân bằng (giác cắm Neutrik® Combo XLR/TRS và Euroblock 3 chân)								
	• 5 cài đặt trước nút nhấn DSP								
	• Có thể kết nối micrô động trực tiếp với đầu vào								
	• Đầu vào đường truyền âm thanh nổi bổ sung trên ổ cắm giắc cắm TRS 3.5 mm								
	• Điều khiển mức cho mỗi đầu vào								
	• Điều khiển mức chính								
	• Đầu ra đường truyền cân bằng (XLR và Euroblock 3 chân) để kết nối với các loa khác								
	• Hoạt động đơn âm/âm thanh nổi – Kênh R được định tuyến đến đầu ra liên kết để sử dụng âm thanh nổi/chương trình khác								
	• Cốc gắn cực 1.375" tích hợp và đầu phẳng								
	• Điểm gắn M6 cho Giá đỡ của bên thứ 3								
	• Điểm cố định cấp an toàn cho móc Carbine								
	• Giá đỡ chữ U tùy chọn Màu đen hoặc trắng, thép sơn tĩnh điện								
	• Được thiết kế để lắp theo chiều dọc hoặc chiều ngang								
	• Lưới thép chống ăn mòn								
	• Giá đỡ chống ăn mòn tùy chọn phù hợp với cả hướng								
	• Vỏ chống chịu thời tiết tùy chọn có xếp hạng IP66 (chỉ dành cho phiên bản thu động)								
	Với phiên bản A - tích hợp amply & DSP								
	• Bộ khuếch đại Class D bên trong với DSP								
	• Được khuếch đại kép thông qua bộ phân tần được cấu hình DSP								
	• Bảo vệ bộ khuếch đại chống quá nhiệt và đầu ra DC, HF hoặc quá dòng								
	• Nguồn điện chính thông qua đầu nối IEC								
	• Hai đầu vào mic/dường truyền tương tự cân bằng (giắc cắm Neutrik® Combo XLR/ TRS và Euroblock 3 chân)								
	• Có thể kết nối micrô động trực tiếp với đầu vào								
	• Đầu vào đường truyền âm thanh nổi bổ sung trên ổ cắm giắc cắm TRS 3.5 mm								
	• Điều khiển mức cho mỗi đầu vào								
	• Điều khiển mức chính								
	• Đầu ra đường truyền cân bằng (XLR và Euroblock 3 chân) để kết nối với các loa khác								
	• Năm cài đặt trước EQ: tối ưu hóa loa cho các tính hướng lắp đặt và tải liệu chương trình khác nhau								
	• Hoạt động đơn âm/âm thanh nổi – Kênh R được định tuyến đến đầu ra liên kết để sử dụng âm thanh nổi/chương trình khác nhau								
	• Đèn LED cho Nguồn, Hiện diện tín hiệu, Đình, Bảo vệ và lựa chọn EQ								
	Thông số kỹ thuật								
	• Trình điều khiển								
	• Loại Đồng trục 2 chiều								
	• Phản hồi (f3) 65 Hz – 20 kHz								
	• Phản hồi (f10) 55 Hz – 20 kHz								
	• Trở kháng 8 ohms								
	• Tần số phân tần 1.6 kHz								
	• Độ nhạy (đầu vào 1 W @ 1 m) 93 dB								
	• Công suất định mức (liên tục) 250 W								

SỐ THỨ TỰ	TÊN SẢN PHẨM, ĐẶC TÍNH & THÔNG SỐ KỸ THUẬT	THƯƠNG HIỆU	MODEL	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (VNĐ)	THÀNH TIỀN (VNĐ)	GHI CHÚ	HÌNH ẢNH SẢN PHẨM
	- Công suất định mức (đỉnh) 375 W - SPL tối đa 117 dB - Góc phủ sóng trung bình (2-10 KHz) 95° - Trình điều khiển nền tweeter 1" - Loa trầm: giấy xử lý 10" viền vải xử lý								
	Thông số kỹ thuật 2 – phần điện tử								
	- Kiểu đầu vào: Analog cân bằng, mức mic và mức đường truyền - Đầu nối đầu vào: 2 x Chốt Neutrik® Combo (giắc cắm XLR3F/6, 35 mm TRS), 2 x Euroblock 3 chân, giắc cắm TRS 3.5 mm - Kiểu tín hiệu liên kết: Mức đường truyền cân bằng - Đầu ra liên kết: Netunk® XLR3M, Euroblock 3 chân - Công suất tiêu thụ 6.5 W (chế độ tĩnh), 49 W (công suất 1/8, tiếng ồn hồng) - Bảo vệ bộ khuếch đại Quá nhiệt: Phát hiện DC, HF, quá dòng ở đầu ra - Các nút điều khiển (bảng điều khiển phía sau): Mức đầu vào 1, Mức đầu vào 2, Mức chỉnh, Chọn Mono/stereo, Chọn EQ - Cài đặt trước EQ: Trường tự do (mặc định): Trên tường, Phẳng, Nhạc, Giọng nói - Đèn LED Nguồn: Bảo vệ, Phát hiện tín hiệu, Mức đỉnh, Cài đặt trước EQ x 5 - Lựa chọn Mono/stereo Mono: i/p 1+2 được trộn với amp và liên kết o/p, Âm thanh nổi: i/p 1 đến amp, i/p 2 đến liên kết o/p - Đầu nối IEC đầu vào nguồn điện với công tắc tích hợp và giá đỡ cầu chì								
L	THIẾT BỊ XỬ LÝ ÂM THANH								
15	Đa xử lý kỹ thuật số 8 in, 8 out, Dante	6 SIGMA	DN-MX88	Chiếc	1	213,400,000	213,400,000	(Asa)	
	► ĐẶC ĐIỂM SẢN PHẨM								
	- Đa xử lý âm thanh 8 analogue in, 8 analogue out, có bộ nền riêng cũng như bộ lọc thông cao 24dB/Oct, 8 dải EQ tham số và độ trễ lên tới 1.3 giây. - Bộ trộn ma trận đầy đủ cho phép trộn không chỉ các đầu vào analog mà còn cả 8 kênh đầu vào âm thanh nổi mạng (Dante + AES67) vào bất kỳ kênh đầu ra nào. - Các kênh âm thanh có thể được định tuyến đến 8 kênh đầu ra âm thanh được nối mạng từ nhiều giai đoạn trong chuỗi âm thanh để mang lại sự linh hoạt trong thiết kế hệ thống.								

SỐ THỨ TỰ	TÊN SẢN PHẨM, ĐẶC TÍNH & THÔNG SỐ KỸ THUẬT	THƯƠNG HIỆU	MODEL	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (VNĐ)	THÀNH TIỀN (VNĐ)	GHI CHÚ	HÌNH ẢNH SẢN PHẨM
	■ Tất cả 8 đầu ra analog đều có 16 dải EQ tham số, bộ lọc thông cao và thấp 48dB/Oct, độ trễ lên tới 1,3 giây cũng như bộ hạn chế hai giai đoạn hiệu suất cao của chúng tôi để bảo vệ loa hiệu suất cao. ■ 4 kết nối GPI cho phép thực hiện các hành động có thể định cấu hình như tắt tiếng báo cháy và thu hồi cài đặt trước. ■ Có thể lưu trữ tới đa 100 cài đặt trước với các tùy chọn thu hồi cho phép kết hợp thu hồi có chọn lọc các phần đầu vào, ma trận và đầu ra. ■ Phần mềm điều khiển dành cho PC, Mac và iPad cho phép kiểm soát hoàn toàn ethernet và wifi, hoàn toàn tương thích với tất cả các Điều khiển từ xa tại địa điểm của chúng tôi để người dùng có thể điều khiển đơn giản, linh hoạt. ■ Kiểm soát thông qua hệ thống của bên thứ ba có sẵn thông qua giao thức điều khiển ethernet đơn giản								
	► THÔNG SỐ KỸ THUẬT ■ Đầu vào tương tự – 8 ■ Đầu nối Phoenix, cân bằng điện từ ■ CMRR: >60dB @ 1kHz ■ SNR: 119dB ■ THD+N @ 19dB @ 1kHz: 0,0007% ■ Mức tối đa >20dBu ■ Trở kháng đầu vào: Cân bằng 10k ■ Đầu ra tương tự – 8 ■ Đầu nối Phoenix, cân bằng điện từ ■ SNR: 122dB ■ THD+N @ 19dB @ 1kHz: 0,00029% ■ Mức tối đa: >20dBu, Trở kháng nguồn: <60R ■ Hiệu suất ■ Đáp ứng tần số: 12Hz - 32kHz +0,2dB ■ Dải động: >119dB 'A' wtd (tương tự vào-ra) ■ Độ trễ: 0,427mS (tương tự vào ra, 96kHz) ■ Đang xử lý [96kHz] ■ Độ lợi đầu vào (mỗi kênh): -30 đến +15dB ở các bước 0,1dB, tắt tiếng, pha ■ Độ trễ đầu vào (mỗi kênh): 0 đến 1,3 giây trong các bước 10,4uS ■ Bộ nén đầu vào (mỗi kênh): Ngưỡng (-30 đến +22 dBu), Tần công, Giải phóng, Tỷ lệ, Đầu gói mềm ■ EQ tham số đầu vào (mỗi kênh): 8 dải – tham số, giá thấp, giá cao, notch, dải thông ■ EQ động đầu vào (mỗi kênh): 2 dải – tham số/giá thấp/giá cao, tăng/cắt trên/dưới, ngưỡng, tỷ lệ, tần công, giải phóng ■ Bộ lọc thông cao đầu vào (mỗi kênh): Lên tới 24dB/quãng tám (Bessel / Butterworth / Bessel / Linkwitz-Riley) ■ Định tuyến Đầu vào đến Đầu ra: Bộ trộn ma trận đầy đủ bao gồm tất cả đầu vào cục bộ và Dante đến đầu ra cục bộ ■ EQ tham số đầu ra (mỗi kênh): 16 dải – tham số, giá thấp, giá cao, notch, dải thông ■ Bộ lọc thông cao và thông thấp đầu ra (mỗi kênh): Lên đến 48dB/quãng tám (Bessel / Butterworth / Bessel / Linkwitz-Riley) ■ Mức tăng đầu ra (mỗi kênh): -30 đến +15dB trong các bước 0,1dB, tắt tiếng, pha								

SỐ THỨ TỰ	TÊN SẢN PHẨM, ĐẶC TÍNH & THÔNG SỐ KỸ THUẬT	THƯƠNG HIỆU	MODEL	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (VNĐ)	THÀNH TIỀN (VNĐ)	GHI CHÚ	HÌNH ẢNH SẢN PHẨM
	■ Độ trễ đầu ra (mỗi kênh): 0 đến 1,3 giây trong các bước 10,4uS ■ Bộ giới hạn đầu ra (mỗi kênh): Ngưỡng (-50 đến +22dBu), tùy chọn tần công, giải phóng, tự động tần công/giải phóng ■ Cài đặt trước: Lên tới 100 ■ Âm thanh nổi mạng: Các kênh Dante 8in / 8out trên đầu nối RJ45 dự phòng kép ■ Truyền thông: Ethernet 100Mbps trên băng mặt sau (đầu nối RJ45) ■ Yêu cầu về nguồn điện ■ Đầu vào IEC 3 chân, được hợp nhất ■ 90-250VAC, 50-60Hz < 20W ■ Chuỗi xử lý:								
	Analogue Input: Comp, Gain, Polarity, Delay, HPF, PEQ x 8, Dynamic EQ x 2, Mute, Matrix (8 in x 8 out), Sum, Gain, Polarity, Delay, HPF-Xover-LPF, PEQ x 16, Prog., (Limiters), Clip, Mute, Analogue Output x 8								
	► Chuyển mạch Analogue & Dante ♦ Kênh Nguồn Mạng Cả Nhân ♦ Puck-up nguồn mạng riêng lẻ: 1. Xử lý bài đầu vào, 2. Đầu ra ma trận, 3. Xử lý bài đầu ra ♦ Đầu ra âm thanh mạng x8								
	► GIAO DIỆN ĐIỀU KHIỂN ■ Dante (Primary, Secondary) ■ Comms ■ GPIO (NC, 1, 2, 3, 4, GND)								
M	MIXER KỸ THUẬT SỐ								
16	Bàn trộn tín hiệu âm thanh kỹ thuật số	CADAC	CDC-FOUR:M (Gold Version)	Chiếc	1	630,000,000	630,000,000	R&D - Design in UK CO - CK: UK / England	
	► Tính năng: ■ Bàn trộn âm thanh kỹ thuật số có thêm các GEQ trên tất cả các Bus Aux Out, các kênh L và R Main, công với việc bao gồm ma trận 6 x 4 với GEQ, PEQ và xử lý động lực học âm thanh (Dynamics) ■ Màn hình màu 7 inch độ phân giải cao TFT ■ Tất cả các chức năng kênh đều có bộ mã hóa riêng để truy cập nhanh ■ 16 fader 100mm chất lượng cao có động cơ ■ Nguồn cung cấp chế độ chuyển đổi bền vững ■ Điều khiển lên đến 56 kênh âm thanh chất lượng cao (khi bàn control surface kết hợp thẻ mở rộng kỹ thuật số & I/O 3216 Stage box) ■ 24 kênh (16 mic / 8 âm thanh nổi) trên bo mạch (on board)								

SỐ THỨ TỰ	TÊN SẢN PHẨM, ĐẶC TÍNH & THÔNG SỐ KỸ THUẬT	THƯƠNG HIỆU	MODEL	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (VNĐ)	THÀNH TIỀN (VNĐ)	GHI CHÚ	HÌNH ẢNH SẢN PHẨM
	■ 16 Pre-mic ■ 8 Bus Aux, 2 Bus FX và 4 Sub-Groups ■ 8 nhóm VCA ■ Ma trận 6 x 4 với GEQ, PEQ và xử lý động lực học âm thanh khi được sử dụng với I/O Stage box (I/O STAGE BOX (HỘP SẢN KHẤU - I / O 3216)) ■ GEQ trên tất cả các bus aux ngoài L và R chính ■ 6 hiệu ứng âm thanh nổi (Stereo Effect) với xử lý 96 kHz ■ 2 bộ xử lý FX âm thanh nổi chuyển dụng trên board mạch (on board) ■ Bộ chuyển đổi Delta Sigma AD / DA 96 kHz 24-bit ■ Bộ xử lý SHARC 32/40-bit đầu chấm động thế hệ thứ 4 ■ Quản lý độ trễ tự động, Kết hợp pha tuyệt đối, Tổng hợp chính xác mẫu - LED đo sáng toàn diện ■ Tích hợp bộ tạo dao động / nhiễu (oscillator/noise generator) ■ Talkback đàm thoại ■ Bộ khuếch đại tại nghe ■ Solo, PFL / AFL và Solo tại chỗ, với nhiều tùy chọn cấu hình ■ Mute: các kênh và đầu ra ■ Gọi lại các cảnh tuning đã được cài đặt thông qua bộ nhớ bên trong, cũng có thể lưu vào USB & load các cảnh tuning này thông qua ngõ USB. ■ Mô-đun Central Assignment Module (CAM) điều khiển: cần bằng, phân công nhóm, điều khiển VCA, hiệu ứng, gửi phụ trợ và động lực. Mỗi chức năng trong số này có một điều khiển riêng biệt mà không cần phải "nhấn đổi" hoặc cuộn menu tốn thời gian. Điều này cho phép bàn làm việc được vận hành nhanh chóng như đối tác tương tự của nó. Phần Master có các điều khiển chuyên dụng cho EQ đầu ra và động lực, do đó, bản mix luôn có thể truy cập ngay lập tức.								
	► Thông số kỹ thuật chung Bàn trộn âm thanh kỹ thuật số ■ Tính năng kết nối • Đầu vào (tổng số) 41 • Đầu vào micro bổ sung (Giá đỡ I / O tùy chọn) Lên đến 32 XLR cái 3 chân ■ Busses (tổng số) 27 • Nhóm con 4 • Aux 8 • Bus hiệu ứng âm thanh nổi (chỉ dành cho nội bộ) 2 • Aux có thể chuyển đổi trước / sau fader 8 • Master LR 2 • AFL (âm thanh nổi) 2 • PFL (Đơn âm) 1 ■ Đầu ra (tổng) 36 • Nhóm con 4 ổ cắm jack cắm 1/4 inch • Đầu ra Aux 8 ổ cắm jack cắm 1/4 inch • Đầu ra âm thanh nổi chính • Master Mono • Đầu ra kiểm âm âm thanh nổi • Mono Monitor Out • Đầu ra trực tiếp • Tai nghe âm thanh nổi ■ Ma trận								

SỐ THỨ TỰ	TÊN SẢN PHẨM, ĐẶC TÍNH & THÔNG SỐ KỸ THUẬT	THƯƠNG HIỆU	MODEL	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (VNĐ)	THÀNH TIỀN (VNĐ)	GHI CHÚ	HÌNH ẢNH SẢN PHẨM
	■ Giao diện kỹ thuật số ● Tần số mẫu 96 KHz ● Độ sâu bit 24-bit ► Thông số kỹ thuật - Specification: ■ Kênh 16 mono + 8 stereo (dành cho bàn điều khiển) ■ Khả năng mở rộng lên đến 48 mono + 8 âm thanh nổi (khi kết hợp Console + I/O STAGE BOX (HỘP SÂN KHẤU - I / O 3216)) ■ Các chất phụ trợ 8 ■ Nhóm con 4 ■ Hiệu ứng âm thanh nổi Return 2 ■ Tối đa Mức đầu vào +21 dBu (0 dBFS) ■ Tối đa Mức đầu ra +21 dBu (0 dBFS) ■ Mic Amp CMRR Tốt hơn 50 dB ■ Tín hiệu sang tiếng ồn Tốt hơn 100 dB ■ Tiếng ồn đầu vào tương đương (EIN) 128 dB ■ Dải động 114 dB ■ 0.01% THD ■ Đáp ứng tần số 20 Hz ~ 40 KHz ■ Crosstalk Tốt hơn -100 dB ■ Đáp ứng pha nhỏ hơn 10 độ ở 20 Hz ► Đặc điểm kỹ thuật số ■ Bộ chuyển đổi AD / DA 24-bit ■ Độ phân giải DSP đầu chậm động 40 bit ■ Tần số mẫu 96 KHz ► Tạo hiệu ứng effect: ■ Một bộ xử lý FX bao gồm ba "mô-đun" FX riêng biệt: Reverb, Delay và Điều chế. - Tín hiệu đầu vào mặc định cho mỗi mô-đun FX là tín hiệu được gửi đến bus FX1 (hoặc FX2). Điều này được biểu thị bằng các nút Đầu vào, có thể được đặt theo cách khác - Đầu ra của hai bộ xử lý FX có thể được thêm vào hỗn hợp Stereo Master hoặc vào bất kỳ Nhóm nào trong bốn Nhóm, bằng cách sử dụng các bộ chỉnh âm lượng 13 và 14 trong Trình đầu ra. ■ Mô-đun 1 - Điều chế, Mô-đun Điều chế có thể được sử dụng để tạo ra một loạt các "pha" thay đổi theo thời gian. Tác dụng đủ loại, 8 cài đặt trước điều chế tiêu chuẩn được cung cấp, có thể được chọn bằng điều khiển cài sẵn. Đó là: - o Điệp khúc chậm - o Hơi xướng nhanh - o Flanger chậm - o Flanger nhanh - o Celeste chậm - o Celeste nhanh - o Cảnh quét chậm - o Cảnh quét nhanh - Điều chế – các điều khiển Tốc độ điều biến và Cường độ điều chỉnh tần số và lượng điều chế tương ứng. Phạm vi của các điều khiển được tính theo đơn vị tùy ý, từ 50 đến 200, với giá trị mặc định là 100. - Gửi- Gửi Reverband Gửi Điều khiển độ trễ gửi Điều chế đầu ra của mô-đun tới các mô-đun Reverb và Delay tương ứng.								

SỐ THỨ TỰ	TÊN SẢN PHẨM, ĐẶC TÍNH & THÔNG SỐ KỸ THUẬT	THƯƠNG HIỆU	MODEL	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (VNĐ)	THÀNH TIỀN (VNĐ)	GHI CHÚ	HÌNH ẢNH SẢN PHẨM
-	Đầu ra điều chế - mức đầu ra cho kênh trả về FX từ Điều chế mô-đun được điều chỉnh bằng Modul Outcontrol. Một Modul Pancontrol cũng cung cấp.								
■	Mô-đun 2 - Đồ trễ								
-	Mô-đun Đồ trễ là đồng độ trễ âm thanh được cấu hình đặc biệt để sử dụng cho âm nhạc.								
-	Mô-đun có thể tạo ra một hoặc nhiều tiếng vang ở những khoảng thời gian có thể được chỉ định theo BPM và người dùng có thể đặt bằng cách sử dụng Tính năng Tap Tempo.								
-	Sáu cài đặt trước độ trễ được cung cấp, có thể được chọn bằng điều khiển cài sẵn:								
o	Một tiếng vang 1/4								
o	Hai tiếng vang 1/8								
o	Ba tiếng vang 16/1								
o	Ba tiếng vang 1/16 bi tri hoãn								
o	Bốn tiếng vong 16/1								
o	Một Echo 1/4 với 4 Reflect.								
-	Khi Cài đặt sẵn đã được chọn, hiệu ứng trễ có thể được sửa đổi theo yêu cầu bằng cách điều chỉnh các thông số khác nhau của nó.								
-	Lọc- mô-đun Đồ trễ được cung cấp cùng tần số cao thay đổi và các bộ lọc dải lo-pass làm mô-đun Điều chế. Tần số LS, LS, Gain, HS Frequency và HS Gaincontrols có cùng chức năng, thông số phạm vi và giá trị mặc định.								
-	Thời gian trễ - có thể được đặt làm giá trị BPM sử dụng Tempocontrol (phạm vi 40 đến 240 BPM) kết hợp với Factorcontrol. Kiểm soát nhân tố có một phạm vi từ 0 đến 13 (đơn vị tùy ý), với giá trị mặc định là 8. Với Factorset thành 8,								
-	Thời gian trễ (hiện thị bên dưới Kiểm soát hệ số) dựa trên một lần lặp lại cho mỗi lần tiết tấu; tức là, với BPM là 120 và Hệ số là 8, thời gian trễ sẽ là 500 mili giây.								
-	Đặt Hệ số thành 9 sẽ nhân đôi thời gian trễ lên 1 giây; đặt nó thành 7 một nửa thành 250 ms.								
-	Đồ trễ tối đa có sẵn từ Mô-đun trễ là 2 giây.								
-	Ngoài ra, thời gian trễ có thể được đặt trực tiếp bằng cách điều chỉnh Hệ số BPM và điều khiển trong khi quan sát Hiện thị thời gian trễ. Yếu tố sẽ hoạt động như một thông số "thở" điều khiển thời gian trễ, trong khi BPM sẽ hoạt động như một điều khiển "tốt".								
-	Ngoài ra, đầu ra của đường trễ có thể được đưa trở lại đầu vào của nó bằng Kiểm soát phản hồi để tạo ra nhiều tiếng vang với biên độ giảm dần.								
-	Nhấn Tempo- Phím chức năng 1 có thể được sử dụng để nhập giá trị BPM bằng cách nhấn vào nút; cần tối thiểu ba lần nhấn. Nhịp độ của các lần nhấn sau đó sẽ xác định thời gian trì hoãn.								
-	Gửi- Bộ điều khiển Gửi Reverb gửi đầu ra của mô-đun Trì hoãn tới Reverb mô-đun.								
-	Đầu ra mô-đun - mức đầu ra của mô-đun Đồ trễ được điều chỉnh bằng Đồ trễ Mất kiểm soát. Một Delay Pancontrol cũng được cung cấp.								
■	Mô-đun 3 - Hồi âm								

SỐ THỨ TỰ	TÊN SẢN PHẨM, ĐẶC TÍNH & THÔNG SỐ KỸ THUẬT	THƯƠNG HIỆU	MODEL	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (VNĐ)	THÀNH TIỀN (VNĐ)	GHI CHÚ	HÌNH ẢNH SẢN PHẨM
	- Mô-đun Reverb cung cấp sáu mô phỏng phòng /bề mặt phản âm cơ bản, có thể được chọn bằng điều khiển cài sẵn:								
	o Hall Bright- một không gian rộng lớn								
	o Hall Warm- giống như Hall Bright, nhưng có bề mặt ít cứng hơn								
	o Phòng sáng – một không gian nhỏ								
	o Phòng Âm- như Phòng Sáng nhưng có ít bề mặt cứng hơn								
	o Plate Bright- mô phỏng tấm phản âm truyền thống								
	o Tấm Âm- như Tấm Sáng, nhưng giảm phản xạ HF								
	- Khi Cài đặt sẵn đã được chọn, âm vang có thể được sửa đổi theo yêu cầu bằng cách điều chỉnh các thông số khác nhau của nó.								
	- Lọc- mô-đun Reverb được cung cấp cùng tần số thay đổi bộ lọc giá đỡ hi-pass và lo-pass làm mô-đun Điều chế và Độ trễ								
	- Các điều khiển LS Frequency, LS Gain, HS Frequency và HS Gain đều giống nhau chức năng, phạm vi tham số và giá trị mặc định.								
	- Reverb- Tham số thời gian Reverb đặt "kích thước" cơ bản của không gian được mô phỏng, tức là giá trị RT60 của nó. Phạm vi thời gian hồi âm có sẵn phụ thuộc vào cài đặt trước:								
	- PRESET								
	o Hall Bright / Hall Warm: Min (0.8s), Max (12.0s), Preset (1.6s)								
	o Room Bright / Room Warm: Min (0.4s), Max (8.0s), Preset (0.8s)								
	o Plate Bright / Plate Warm: Min (0.4s), Max (6.0s), Preset (0.6s)								
	- Đầu ra mô-đun – mức đầu ra của mô-đun Reverb được điều chỉnh bằng Kiểm soát Reverb.								
	*Các tuyến bố hợp chuẩn								
	Các chỉ thị được nêu trong tuyên bố này: 2004/108/EC								
	- Sản phẩm nằm trong Tuyên bố của nhà sản xuất cho bản tồn								
	- Cơ sở để công bố sự phù hợp: Các sản phẩm được xác định ở trên tuân thủ các yêu cầu của (các) Chỉ thị EU nêu trên bằng cách đáp ứng tiêu chuẩn sau:								
	- BS EN 55103-1:2009 Tiêu chuẩn dòng sản phẩm dành cho: thiết bị điều khiển ánh sáng âm thanh, video, nghe nhìn và giải trí dành cho mục đích sử dụng chuyên nghiệp.								
	Phần 1 – Khí thải:								
	- BS EN 55103-2:2009 Tiêu chuẩn dòng sản phẩm dành cho: thiết bị điều khiển ánh sáng âm thanh, video, nghe nhìn và giải trí dành cho mục đích sử dụng chuyên nghiệp.								
	Phần 2 – Miễn nhiễm:								
	- BS EN 61000-3-2:2008 Tương thích điện từ (EMC)								
	Phần 3. Hạn mức. Mục 2. Giới hạn phát xạ dòng điện hài (đầu vào thiết bị dòng điện 16 A mỗi pha).								
	- BS EN 61000-3-3:2006 + A2:2009 Tương thích điện từ (EMC)								
	Phần 3. Giới hạn. Mục 3. Hạn chế dao động điện áp và nhấp nháy ở mức thấp hệ thống cung cấp điện áp cho thiết bị có dòng điện định mức ≤16 A.								

SỐ THỨ TỰ	TÊN SẢN PHẨM, ĐẶC TÍNH & THÔNG SỐ KỸ THUẬT	THƯƠNG HIỆU	MODEL	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (VNĐ)	THÀNH TIỀN (VNĐ)	GHI CHÚ	HÌNH ẢNH SẢN PHẨM
	- BS EN 60065:2002 + A1:2006 Thiết bị âm thanh, video và các thiết bị điện tử tương tự. - Yêu cầu an toàn. - BS EN 61000-4-2:2009 Thử nghiệm khả năng miễn nhiễm phóng tĩnh điện. - BS EN 61000-4-6:2009 Khả năng miễn nhiễm với các nhiễu loạn dẫn truyền. - BS EN 61000-4-11:2004 Khả năng miễn nhiễm với sụt áp, gián đoạn ngắn và biến đổi điện áp								
N	MICRO KHÔNG DÂY								
17	Micro không dây 1 micro cầm tay + 1 bộ thu sóng ► Bộ sản phẩm bao gồm 1 bộ phát micro cầm tay không dây có công tác tất tiếng, 1 đầu micro (supercardioid, tụ điện), 1 đầu thu rackmount, 1 bộ giá đỡ, 1 dây nối và kẹp mic ■ Bộ thu sóng: - THD, độ méo sóng hài tổng $\leq 0.9\%$ - Ngõ cắm XLR socket (cân bằng): +18 dBu - Tỷ lệ tín hiệu trên tạp âm S/N ≥ 110 dBA - Chuyển đổi băng thông lên tới 42 MHz - Độ lệch định ± 48 kHz - Độ lệch danh nghĩa ± 24 kHz - Điều chế FM băng rộng - Loại bỏ kênh lân cận Thông thường ≥ 65 dB - Độ suy giảm xuyên điều chế Thông thường ≥ 65 dB - Tần số nhận tối đa: 1680 tần số thu, có thể điều chỉnh ở các bước 25 kHz 20 ngân hàng tần số, mỗi ngân hàng có tối đa 12 kênh cài sẵn tại nhà máy, không điều chế 1 ngân hàng tần số với tối đa 12 kênh có thể lập trình - Độ nhạy RF $< 2.5 \mu V$ cho 52 dBA hiệu ứng S/N - Độ ồn thấp: 5 dBuV giữa: 15 dBuV cao: 25 dBuV - Equalizer - Preset 1: Phẳng - Preset 2: Low Cut (-3 dB tại 180 Hz) - Preset 3: Low Cut/High Boost (-3 dB tại 180 Hz, +6 dB tại 10 kHz) - Preset 4: High Boost (+6 dB tại 10 kHz) - Nguyên tắc thu Receiver Principle True diversity - Ngưỡng chặn Blocking ≥ 70 dB - Đồng bộ không dây để đồng và linh hoạt giữa máy phát và máy thu qua cổng hồng ngoại - Phản hồi tần số nhanh cho tối đa 12 máy thu thông qua chức năng liên kết mới	SENNHEISER (GERMANY)	EW 100 G4-845-S	Bộ	4	21,900,000	87,600,000	(GERMANY / EU / USA)	

SỐ THỨ TỰ	TÊN SẢN PHẨM, ĐẶC TÍNH & THÔNG SỐ KỸ THUẬT	THƯƠNG HIỆU	MODEL	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (VNĐ)	THÀNH TIỀN (VNĐ)	GHI CHÚ	HÌNH ẢNH SẢN PHẨM
	■ Phạm vi truyền dẫn: lên tới 100 mét / 300 feet (trong không gian trống không vật cản) ■ Bộ phát sóng: ■ THD, độ méo sóng hài tổng $\leq 0,9\%$ ■ Tỷ lệ tín hiệu trên tạp âm S/N ≥ 110 dBA ■ Công suất đầu ra RF Max. 30 mW ■ Chuyển đổi băng thông lên tới 42 MHz ■ Độ lệch đỉnh Peak deviation ± 48 kHz ■ Độ lệch danh nghĩa ± 24 kHz ■ Thời gian hoạt động Thông thường 8 h ■ Điều chế FM băng rộng ■ Đáp ứng tần số AF 80 – 18,000 Hz ■ Độ ổn định tần số $\leq \pm 15$ ppm ■ Đầu micro: ■ Nguyên lý đầu dò Transducer principle dynamic ■ Độ nhạy Sensitivity/ 1,6 mV/Pa ■ Mức áp suất âm thanh Sound pressure level 154 dB SPL ■ Mô hình Pick-up pattern supercardioid ■ Vật lý: ■ Bộ thu sóng: vỏ hoàn toàn bằng kim loại với màn hình LCD trực quan để kiểm soát hoàn toàn ■ Bộ phát sóng (Tay mic): vỏ hoàn toàn bằng kim loại với màn hình LCD trực quan để kiểm soát hoàn toàn								
0	BỘ LỌC NHIỀU NGUỒN & CẤP NGUỒN AN TOÀN								
18	Bộ lọc nhiễu nguồn & cấp nguồn an toàn, Có tính năng khởi động từ xa, tính năng khởi động tuần tự	6 SIGMA	PS-SPPCR-1216-SEQ	Chiếc	3	85,400,000	256,200,000	(Asis)	
	► TÓM TẮT ĐẶC ĐIỂM CHÍNH SẢN PHẨM								
	■ Với trình sắp xếp chuỗi kết hợp điều hòa nguồn và loại bỏ tăng đột biến, Tổng công có 10 IEC ở cảm được cung cấp trên bảng điều khiển phía sau. Hai cổng ra luôn luôn bật, với tâm công ra còn lại được cấu hình thành 2 bank, mỗi bank có bốn ngõ ra thứ tự. ■ Công tắc nguồn, điều chỉnh thời gian trễ và đèn LED trạng thái. Nhiều thiết bị có thể được xếp tầng để cung cấp nên tăng điều khiển nguồn có thể mở rộng. Một trình tuần tự duy nhất cũng có thể điều khiển nhiều sản phẩm cũng có chức năng điều khiển từ xa để cung cấp thêm ngân hàng và cũng tăng thêm khả năng tải. Điều khiển từ xa có thể được thực hiện bằng cách sử dụng đồng tiếp điểm hoặc điện áp DC từ 5V đến 30V. Thiết bị đầu cuối cũng được cung cấp đèn LED trạng thái bên ngoài.								
	► CÁC CÔNG NGHỆ BẢO VỆ								

SỐ THỨ TỰ	TÊN SẢN PHẨM, ĐẶC TÍNH & THÔNG SỐ KỸ THUẬT	THƯƠNG HIỆU	MODEL	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (VNĐ)	THÀNH TIỀN (VNĐ)	GHI CHÚ	HÌNH ẢNH SẢN PHẨM
	■ Hệ thống cung cấp điện áp dụng: TN TT IT ■ Đèn báo phân cực (gắn dây cung cấp): Sáng: sai; Tắt: đúng ■ Vị trí: Trong nhà ■ Quy định điện áp: ≤ 1% ■ Công suất tiêu thụ khi không tải: 8W ■ Kiểu outlet ngõ ra: IEC C13 ■ Số lượng outlet ngõ ra: 10 (trong đó có 4 bank x 2 ngõ được thiết lập thời gian trễ On/Off, 2 ngõ luôn bật (Always On) trong điều kiện nguồn vào an toàn, mỗi ngõ tối đa chịu tải 10A, Tải tổng các ngõ ra 16A ■ Kiểu phích cắm ngõ vào Main: CEE7/7 ■ Dây điện 3 lõi (có lõi tiếp đất) dài 2.44m, 3Cx1.5mm² ■ Điện áp cho phép tăng (khi có đột biến điện áp vào 6000 Volt): 0 Volts ■ Chấp nhận điện áp đột biến ngõ vào: 6000 Volts * ■ Chấp nhận dòng điện đột biến ngõ vào: Không giới hạn * ■ Chấp nhận năng lượng đột biến ngõ vào: Không giới hạn ■ Độ bền (Theo tiêu chuẩn đo C62.41-1991 xung B3): • 1kV > 500.000 lần, • 3kV > 10.000 lần, • 6kV > 1000 lần ■ Công nghệ bỏ lọc EMI / RFI có tính năng chịu đựng phạm vi trở kháng (EMI/RFI Tolerance Impedance) ■ Chế độ Normal (Chế độ bình thường – Nhiều tần số thấp có xu hướng ở chế độ bình thường, những nhiễu này nằm giữa dây Line và dây Trung tính) (tải 50 Ω): • 40dB @ 100kHz; • 50dB @ 300kHz; • 50dB @ 3MHz; • 50dB @ 30MHz ■ Chế độ Common (Chế độ chung yêu cầu 1 cuộn cảm đặc biệt, hoặc cuộn cảm tương hồ – Nhiều rối loạn tần suất truy cập cao hơn có xu hướng ở chế độ common, những nhiễu này nằm giữa cả dây Line + dây trung tính và dây nối đất) (tải 50 Ω): • 18dB @ 300kHz; • 30dB @ 1MHz; • 50dB @ 5MHz; • 50dB @ 20MHz ■ Điện áp dưới ngưỡng tự động ngắt: Có – 180V ■ Điện áp trên ngưỡng tự động ngắt: Có – 280V ■ Quá dòng tự động ngắt: Có – Circuit Breaker ■ Quá Nhiệt tự động ngắt: Không ■ TU/h Max: 130 BTU/h ■ Auxiliary Relay Output (Đầu ra Relay phụ ngõ ra): 2 x screw terminal ■ Contact Closure Input (đầu vào tiếp điểm: 2 x screw terminal) ■ Chuẩn Rack 19 inch – 1U, Khung thép sơn chống nhiễu từ tính ■ Range nhiệt độ: -5 độ C đến + 35 độ C ■ Range độ ẩm: 5% đến 90% RH không ngưng tụ								

SỐ THỨ TỰ	TÊN SẢN PHẨM, ĐẶC TÍNH & THÔNG SỐ KỸ THUẬT	THƯƠNG HIỆU	MODEL	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (VNĐ)	THÀNH TIỀN (VNĐ)	GHI CHÚ	HÌNH ẢNH SẢN PHẨM
19	Bộ điều hòa điện cao cấp (lọc nhiều nguồn & cấp nguồn an toàn), tính năng khởi động từ xa	6 SIGMA	PS-SPPCR-1216-RT	Chiếc	1	65,100,000	65,100,000	(Asia)	
	► TÒM TẮT ĐẶC ĐIỂM CHÍNH SẢN PHẨM ■ Chứng nhận A-1-1. - o Hàng A là độ bền tốt nhất - 1.000 lần tăng 6.000 Volts / 3.000 Amps mà không bị suy giảm. - o Loại 1 chỉ định mức triệt tiêu điện áp tốt nhất là 330 Volts cho mức tăng 6.000 Volts / 3.000 Amps. - o Chế độ 1 là triệt tiêu Line to Neutral (L-N). Điều này tránh làm nhiệm vụ bản dây nối đất và được khuyến nghị cho các thiết bị được kết nối với nhau. ■ Sức bền: > 500.000 @ 1KV; >10.000 lần @ 3KV; > 1000 lần @ 6KV ■ 10 công IEC C13. Tổng tải 16Amp ► CÁC CÔNG NGHỆ BẢO VỆ ■ Công nghệ bảo vệ nguồn giúp loại bỏ hoàn toàn năng lượng tăng áp (đốt biến điện áp / shock điện áp) lên đến 6000V mà không tạo ra các tác dụng phụ có hại như ô nhiễm đất hoặc nhiễu loạn chế độ thông thường có thể làm giảm hiệu suất của hệ thống AV ■ Công nghệ không chứa các thành phần MOV phải hy sinh khi đối mặt các đột biến điện áp ngộ vào như các công nghệ thông thường có MOV. (Công nghệ MOV / MOV-Hybrid với việc loại bỏ nhiễu vào đất có thể tạo ra nguy cơ an toàn và có thể gây nguy hiểm đến tính mạng). ■ Công nghệ Ngắt điện áp quá mức thâm khốc: Ngắt điện ngộ ra bảo vệ thiết bị khi điện áp ngộ vào dưới ngưỡng thấp, hoặc vượt quá ngưỡng cao ■ Công nghệ Loại bỏ dòng điện khởi động (đột biến dòng): cung cấp khả năng "bật nhẹ" Soft On để ngăn chặn các sự cố hiện tại liên quan đến hệ thống đa thành phần có công suất cao. ■ Công nghệ bỏ lọc EMI / RFI có tính năng chịu đựng phạm vi trở kháng (EMI/RFI Tolerance Impedance) của nguồn và tải bất kỳ (để lọc nhiễu EMI/RFI trên bộ lọc nguồn AC cần có 2 bộ lọc riêng biệt về mặt vật lý, bộ lọc chế độ bình thường & bộ lọc chế độ chung). - o Chế độ Normal (Chế độ bình thường – Nhiều tần số thấp có xu hướng ở chế độ bình thường, những nhiễu này nằm giữa dây Line và dây Trung tính) - o Chế độ Common (Chế độ chung yêu cầu 1 cuộn cảm đặc biệt, hoặc cuộn cảm tương hỗ – Nhiều rồi loạn tần suất truy cập cao hơn có xu hướng ở chế độ common, những nhiễu này nằm giữa cả dây Line + dây trung tính và dây nối đất) ► Tính năng bắt từ xa: ■ Với các tính năng:								

SỐ THỨ TỰ	TÊN SẢN PHẨM, ĐẶC TÍNH & THÔNG SỐ KỸ THUẬT	THƯƠNG HIỆU	MODEL	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (VNĐ)	THÀNH TIỀN (VNĐ)	GHI CHÚ	HÌNH ẢNH SẢN PHẨM
	• Công tắc đóng mở. • Cấp nguồn cho đèn LED chỉ báo. • Công tắc relay (Remote Control Connector 7 pins, đèn LED báo, Auxiliary Relay Contacts) ► Nhiều đơn vị có thể xếp tầng (để được điều khiển khởi động). ► Bỏ ngắt mạch nhiệt, Bảo vệ quá nhiệt ► Mạch tự kiểm tra với đèn báo trực quan • Có chức năng Đèn báo phân cực: khi dây line và trung tính bị ngược • Có chức năng Đèn báo nguồn vào được cấp • Có chức năng Đèn báo tự kiểm tra: cho biết nguồn điện là được cung cấp cho thiết bị và mạch bảo vệ chống sét lan truyền bên trong có đầy đủ chức năng. • Có chức năng Đèn báo bảo vệ điện áp trên / dưới: chỉ ra rằng điện áp nguồn dưới 190 Vôn hoặc trên 280 Vôn. • Có chức năng Đèn báo khi sử dụng tính năng điều khiển từ xa.								
	► THÔNG SỐ KỸ THUẬT:								
	■ Công suất tải: 16A								
	■ Điện áp danh định dây line với dây trung tính U0 (V): 240V								
	■ Max mức điện áp hoạt động Uc (V): 275VAC								
	■ Cấp bảo vệ điện áp Lên (V): 1KV								
	■ Tới đa dòng điện ngắn hạn. (Isc): 3KA								
	■ Điện áp mạch hở (Uoc): 6KV								
	■ Đặc tính TOV (UT): TOV chịu được, tT = 5s, UT = 335V;								
	■ Mức độ bảo vệ (IP): IP20								
	■ Thiết bị ngắt kết nối: Cắm								
	■ Hệ thống cung cấp điện áp dung: TN TT IT								
	■ Đèn báo phân cực (gắn dây cung cấp): Sáng: sai; Tắt: đúng								
	■ Vị trí: Trong nhà								
	■ Quy định điện áp: ≤ 1%								
	■ Kiểu outlet ngõ ra: EU Type (IEC13)								
	■ Số lượng outlet ngõ ra: IEC13 x 11 ngõ ra, mỗi ngõ tới đa chịu tải 10A, Tổng tải 16A cho toàn bộ các ngõ ra.								
	■ Kiểu phích cắm ngõ vào Main: EU Type (CEE7/7)								
	■ Dây điện 3 lõi (có lõi tiếp đất) dài 2.44m, 3Cx1.5mm ²								
	■ Điện áp cho phép tăng (khi có đột biến điện áp vào 6000 Volt): 0 Volts								
	■ Chấp nhận điện áp đột biến ngõ vào: 6000 Volts *								
	■ Công nghệ bộ lọc EMI / RFI có tính năng chịu đựng phạm vi trở kháng (EMI/RFI Tolerance Impedance)								
	• Chế độ Normal (Chế độ bình thường – Nhiều tần số thấp có xu hướng ở chế độ bình thường, những nhiễu này nằm giữa dây Line và dây Trung tính) (tải 50 Ω):								
	• 40dB @ 100KHz;								
	• 50dB @ 300KHz;								
	• 50dB @ 3MHz;								
	• 50dB @ 30MHz								
	• Chế độ Common (Chế độ chung yêu cầu 1 cuộn cảm đặc biệt, hoặc cuộn cảm tương hỗ – Nhiều rối loạn tần suất truy cập cao hơn có xu hướng ở chế độ common, những nhiễu này nằm giữa cả dây Line + dây trung tính và dây nối đất) (tải 50 Ω):								

SỐ THỨ TỰ	TÊN SẢN PHẨM, ĐẶC TÍNH & THÔNG SỐ KỸ THUẬT	THƯƠNG HIỆU	MODEL	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (VNĐ)	THÀNH TIỀN (VNĐ)	GHI CHÚ	HÌNH ẢNH SẢN PHẨM
	• 18dB @ 300KHz; • 30dB @ 1MHz; • 50dB @ 5MHz; • 50dB @ 20MHz								
	■ Chuẩn Rack 19 inch – 1U, tương thích với các hệ thống IT, AV, Pro Sound đặt trong tủ rack 19 inch ■ Range nhiệt độ: -40 độ C đến +35 độ C ■ Range độ ẩm: 30% đến 90% RH không ngưng tụ ■ Khung thép sơn chống nhiễu từ tính								
P	PRO CONFERENCE CAMERA PTZ - AUTO TRACKING								
20	20X Auto tracking PTZ camera. Connectivity: RS232 in & out+ LAN+ SDI+ USB type c+ HDMI+ line in, Face+Motion+Shape tracking ► ĐẶC ĐIỂM SẢN PHẨM ■ Sử dụng xử lý thuật toán hiện đại để phân tích hình dạng và chuyển động ■ 1080p @ 60 khung hình/giây: 1080p Full HD ở tốc độ 60 khung hình mỗi giây. Có thể chạy qua các kết nối USB, HDMI, SDI và LAN đồng thời ■ PoE+: Camera AT đi kèm với PoE+, cho phép người sử dụng chạy nguồn, video và điều khiển đồng thời thông qua Cổng Ethernet (LAN). ■ Tất cả các cổng video USB-C (2.0), HDMI, 3G-SDI và LAN, cung cấp một phạm vi đặc biệt của tính linh hoạt và có thể được chạy đồng thời. ■ Thu phóng quang học 20X: ■ 128 cài đặt trước: Lập trình lên tới 128 Presets qua VISCA. Mỗi cài đặt trước có thể không chỉ kết hợp các yếu tố PTZ mà còn cả tốc độ của các thông số chuyển động và hình ảnh như độ phơi sáng, cân bằng trắng và đóng băng ■ Hỗ trợ SRT: SRT cho phép cung cấp dịch vụ chất lượng cao và an toàn, video có độ trễ thấp trên internet công cộng. ■ Phát IP trực tiếp: phát sóng qua YouTube, Facebook Live, TikTok hoặc Giải sử của người sử dụng có thể ở bất kỳ nơi nào khác. ■ Các lựa chọn: Chạy Video Full HD qua các cổng HDMI, 3G-SDI, IP và USB-C (USB2.0), thường thực Line in Audio qua jack cắm 3.5mm và mở ra một thế giới tùy chọn tích hợp với PoE+. ► THÔNG SỐ KỸ THUẬT: ■ Camera AT • Thu phóng: Zoom quang 20X + zoom kỹ thuật số 4X. • Trường nhìn 60 độ .	KT	KA-SFHD-AT	Chiếc	1	101,600,000	101,600,000	Designed in USA/LRáp Asia)	

SỐ THỨ TỰ	TÊN SẢN PHẨM, ĐẶC TÍNH & THÔNG SỐ KỸ THUẬT	THƯƠNG HIỆU	MODEL	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (VNĐ)	THÀNH TIỀN (VNĐ)	GHI CHÚ	HÌNH ẢNH SẢN PHẨM
	- Tích hợp on-board Khả năng theo dõi tự động. - Đầu ra video FHD 1080p60 từ IP ; hỗ trợ H.264, - Đầu ra đồng thời IP, 3G-SDI, HDMI và USB2.0. - Hỗ trợ Line trong đầu vào âm thanh. - Hỗ trợ SRT. - Hỗ trợ RTMP. - Hỗ trợ các giao thức Sony VISCA và Pelco P/D. - Hỗ trợ chức năng WDR, 3D-Giảm nhiễu. - Hỗ trợ tính năng Daisy Chain. - Cảm biến CMOS 2,4 MP chất lượng cao 1/2,8 inch. - Hỗ trợ POE+: một cáp ethernet duy nhất để nhận video, điều khiển, cung cấp điện. - Motorized Pan and Tilt - Pan : ±170 độ - Tilt : 90 độ (up) -30 độ (down) - Tốc độ quay: Pan-0-120 độ /s; Nghiêng-0-80 độ /s 10 cái đặt trước của camera thông qua Điều khiển từ xa IR; 128 trên VISCA - Video Format - HDMI : 1920*1080P60/50/30/25/59.94/29.97/24/23.98; 1920*1080160/50/59.94; 1280*720P60/50/30/25/59.94/29.97 - IP : - Main Stream: 1920*1080@15~60;1280*720@15~60;1024*576@15~60 - Sub Stream: 640*360@15~30 3G-SDI : 1920*1080P60/50/30/25/59.94/29.97/24/23.98; 1920*1080160/50/59.94; 1280*720P60/50/30/25/59.94/29.97 - USB Type-C : - NV12 :1920*1080p5;1280*720p5;1024*576P25;800*448P30; - YUY2:1920*1080p5;1280*720p0;1024*576P15;800*448P30; - MJPEG:1920*1080P60/30; 1280*720P30; 1024*576P30; 800*448P30 - H.264/HEVC: 1920*1080P60/30; 1280*720P30; 1024*576P30; 800*448P30 - Connectivity - LAN, HDMI, 3G-SDI, USB Type-C, 3.5mm Line in Audio, RS232 in & out. - Control - Visca over IP, UVC over USB, Visca over RS232 - NECC onscreen app control - Lens - Focal Length: 4.9mm~98mm - Iris: F1.5~3 - Field of View: 60 độ (Wide)~3.2 độ (Tele) - Power Supply - POE+(IEEE802.3at) - DC 12V 2A(via Power Adapter) - Environment Data - Working Temperature: -10 độ C ~ 50 độ C - Working Humidity: ≤80% - Package Contents								

SỐ THỨ TỰ	TÊN SẢN PHẨM, ĐẶC TÍNH & THÔNG SỐ KỸ THUẬT	THƯƠNG HIỆU	MODEL	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (VNĐ)	THÀNH TIỀN (VNĐ)	GHI CHÚ	HÌNH ẢNH SẢN PHẨM
	• 1 x Camera • 1 x Power Adapter • 1 x Power Cable • 1 x USB Type-C Cable • 1 x IR Remote Control • 1 x User Manual • 1 x Wall Mount								
	Compatible Applications ZOOM, Adobe Connect, BlueJeans, Cyberlink U Meeting®, Cisco WebEX®, Google Hangout, GoToMeeting, Intel® Unite™, Microsoft® Lync™, Skype™, Skype for Business, V-Cube.								
	► ĐIỀU KHIỂN BẢNG REMOTE HỒNG NGOẠI ► ► GIAO DIỆN OSD MENU								
	► SYSTEM ► PROTOCOL: VISCA, PELCO-P, PELCO-D ► ADDRESS: VISCA: 1~7, PELCO-P/D: 1 ~ 255 ► BAUDRATE: Optional Item: 2400, 4800, 9600, 115200 ► PROTOCOL LOCK: Protocol lock: ON/OFF ► RS485: RS485 ON/OFF ► LANGUAGE: English ► AT TRACKING Optional : OFF, ON ► AT LOCATION Optional : MIDDLE, LEFT, RIGHT ► AT RATIO Optional : 1/6~1/20 ► EXPOSURE ► EXPOSURE MODE: AUTO, MANUAL, SHUTTER, IRIS, BRIGHT								
	► SHUTTER: Shutter speed: 1/30 ~ 1/10000, only valid under manual and SHUTTER mode ► IRIS: Iris setting: CLOSE ~ F1.8, only valid under manual and IRIS mode ► GAIN: Gain setting: 0dB ~ 30 dB, only valid under manual mode								
	► EXPOSURE BRIGHT: Bright setting: 0~27, only valid under BRIGHT priority mode ► BRIGHT: Bright setting: 0dB ~ 15 dB ► BLC: ON/OFF								
	► IMAGE ► WHITE BALANCE MODE: Optional: ATW, MANUAL, AUTO, INDOOR, OUTDOOR, PUSH, C.T ► RED GAIN: Red gain level: 0 ~ 255, only valid under manual white balance mode ► BLUE GAIN: Blue gain level: 0 ~ 255, only valid under manual white balance mode ► COLOR TEMPERATURE: Set the color temperature value: 2500~10000 only valid under C.T. mode ► FLICKER: Anti-Flicker setting: 50/60HZ/OFF, to reduce the video flicker								
	► DIGITAL ZOOM OFF/ON ► FOCUS MODE: AUTO, MANUAL ► 3G SDI Optional: LEVELA, LEVELB ► FOCUS NEAR LIMIT: Optional: 1.5M, 2M, 3M, 6M, 10M ► QUALITY								

SỐ THỨ TỰ	TÊN SẢN PHẨM, ĐẶC TÍNH & THÔNG SỐ KỸ THUẬT	THƯƠNG HIỆU	MODEL	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (VNĐ)	THÀNH TIỀN (VNĐ)	GHI CHÚ	HÌNH ẢNH SẢN PHẨM	
	■ 2D NOISE REDUCTION: 2D noise reduction: the bigger value, the less noise on image ■ 3D NOISE REDUCTION: 3D noise reduction: OFF/AUTO/0~4, the bigger value, the less motion noise on image, high value will cause image smear ■ SHARPNESS: Sharpness setting: 0 ~ 15, the higher value, edge of the image will be sharpened ■ CONTRAST: Set contract level: 0~15 ■ SATURATION: Set saturation level: 0~15 ■ GAMMA: Select Gamma level: 0~15 ■ IMAGE STYLE: USER, NORMAL, COLORFULL ■ FOCUS SENSITIVITY: HIGH, NORMAL, LOW ▶ PTZ SETTINGS ■ SPEED BY ZOOM Optional: OFF, ON ■ FLIP Flip horizontal ■ MIRROR Flip vertical ■ PT SPEED Set Pan Tilt speed: 5~24 ■ ZOOM SPEED Set Zoom speed: 1~7 ■ PRESET FREEZE Optional: OFF, ON ■ PRESET PT SPEED Preset head speed:2~24 ■ PRESET ZOOM SPEED: Preset zoom speed:1~7 ■ PRESET SAVE AE&AW: Optional: OFF, ON ▶ VIDEO FORMAT: ■ SIZE: 1080P , 1080i, 720P ■ FRAME RATE: 60, 59.94, 50, 30, 29.97, 25, 24, 23.98 ■ FRAME RARE 60, 50, 30, 25 ▶ UVC CONTROL ▶ WEB SETTING ▶ SỬ DỤNG VCL ĐỂ XEM RTSP / RTMP VIDEO ▶ ĐIỀU KHIỂN VISCA OVER IP ▶ Hoạt động êm, chuyển động mượt, Max SPL: <49dB ▶ TUYÊN BỐ TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG: ■ CE ■ FCC ■ RoHS									
21	Camera PTZ Hội nghị Line in, Zoom; Zoom quang 12x và Zoom kỹ thuật số 2x, Góc: 72,5 độ FOV, Cổng: HDMI, USB3.0, 3G-SDI, IP, RS232	KT	KA-SFHD-L	Chiếc	1	94,900,000	94,900,000	(Designed in USA / LRáp Asia)		
	Camera PTZ hội nghị hội họp									
	TÍNH NĂNG									
	■ Zoom quang học 12x + Zoom kỹ thuật số 2x									
	■ Đầu ra đồng thời: Vào/Ra RS232, USB 3.0, 3G-SDI, LAN và HDMI									
	■ Full HD									
	■ Cắm và chạy: có sẵn các phương pháp điều khiển nâng cao hơn, cũng có thể hoạt động như một thiết bị cắm và chạy.									

SỐ THỨ TỰ	TÊN SẢN PHẨM, ĐẶC TÍNH & THÔNG SỐ KỸ THUẬT	THƯƠNG HIỆU	MODEL	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (VNĐ)	THÀNH TIỀN (VNĐ)	GHI CHÚ	HÌNH ẢNH SẢN PHẨM
	■ Điều khiển nhiều camera: Khả năng tích hợp năng cao, bao gồm cổng vào/ra RS232 cho phép bạn điều khiển đồng thời tới đa 7 camera.								
	THÔNG SỐ KỸ THUẬT:								
	■ Cảm biến: Cảm biến CMOS 1/2.8 inch 8.42MP								
	■ Định dạng video								
	■ HDMI (V1.4) :								
	● 1920*1080p @ 60/50/30/25/59.94/29.97/24fps								
	● 1920*1080i @ 60/50/59.94fps								
	● 1280*720p @ 60/50/30/25/59.94/29.97fps								
	■ SDI:								
	● 1920*1080p @ 60/50/30/25/59.94/29.97/24fps								
	● 1920*1080i @ 60/50/59.94fps								
	● 1280*720p @ 60/50/30/25/59.94/29.97fps								
	■ USB 3.0:								
	● 1920*1080p @ 60/50/30/25fps								
	● 1280*720p @ 60/50/30fps								
	■ USB 3.0 & USB 2.0:								
	● 1280*720p @ 25fps								
	● 1024*576p @ 30fps								
	■ USB 2.0:								
	● 960*540p @ 30fps, 640*360p @ 30fps, 512*288p @ 30fps								
	■ RJ45:								
	● Luồng chính: 1920*1080 @ 1~60 fps								
	● Luồng phụ: 1280*720 @ 1~30fps; 1027*576 @ 1~30fps; 640*360 @ 1~30fps								
	■ Phóng to								
	● f3.92~47.32mm (12X) , F1.8~2.8								
	● View Angle : 72.5° (Far) -6.3° (Near)								
	■ Giao diện Video								
	● HDMI (V1.4) , SDI, RJ45, USB 3.0, USB 2.0								
	● HFOV: 72.5 độ								
	■ Số F: Ròng: 1.84 Tele: 2.81; Khoảng cách lấy nét tối thiểu; Ròng: 0.3 mét Tele: 1 mét								
	■ Cài đặt trước: Bộ điều khiển từ xa: 10 ; RS232: 128 ; Độ chính xác: 0.1°								
	■ Góc quay: Pan: -170°~+170°; Tilt : -30°~+90°								
	■ Tốc độ quay: Pan: 0°~120°/giây; Tilt: 0°~80°/giây								
	■ Công điều khiển: RS232, RS485 (Serial VSCA, Pelco-P/D), RJ45 (VSCA qua IP), USB3.0 (UVC1.5), USB2.0 (UVC1.1)								
	■ Tốc độ mạng: 1000 Mbps								
	■ Công video: HDMI / RJ45 / SDI / USB 3.0 / USB 2.0								
	■ Giảm nhiễu 2D: Được hỗ trợ								
	■ Giảm nhiễu 3D: Được hỗ trợ								
	■ SNR: >50dB								
	■ Độ dài tiêu cự: f=3.92 (gần) ~ 47.32mm (xa)								
	■ Độ sáng tối thiểu: 0.01 Lux								
	■ Cân bằng trắng: Tự động / Trong nhà / Ngoài trời / Thủ công / Ngoài trời/tự động / Đèn natri Tự động/ Đèn natri								
	■ Độ phơi sáng: Tự động / Thủ công / Sáng / Mãn trập / Mờng mắt								
	■ Chống nhấp nháy: TẮT / 50Hz / 60Hz								
	■ Chế độ D / N: Được hỗ trợ								
	■ Gamma: Được hỗ trợ								

SỐ THỨ TỰ	TÊN SẢN PHẨM, ĐẶC TÍNH & THÔNG SỐ KỸ THUẬT	THƯƠNG HIỆU	MODEL	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (VNĐ)	THÀNH TIỀN (VNĐ)	GHI CHÚ	HÌNH ẢNH SẢN PHẨM
	■ WDR: Được hỗ trợ ■ Ảnh phân chiều: Được hỗ trợ ■ Đảo ngược Pan/Tilt: Được hỗ trợ ■ Chống ngược sáng: Được hỗ trợ ■ Màn hình: Tự động/Thủ công ■ Màn hình: Tự động/Thủ công ■ BLC: Được hỗ trợ ■ Lấy nét: Tự động/Thủ công ■ Mã hóa video: H.264/H.265 (mã định : H.264) ■ Kiểm soát tốc độ bit: Tốc độ bit thay đổi, Tốc độ bit không đổi ■ Tốc độ bit video: 0Kbps~15360Kbps ■ Giao thức IP: TCP/IP, HTTP, DHCP, RTSP, RTMP, Onvif 2.0, VISCA qua IP (TCP&UDP), Tương thích SRT ■ POE: Được hỗ trợ ■ Daisy Chain: Hỗ trợ chuỗi nối tiếp RS232 lên đến 7 camera ■ Độ sáng tối thiểu: 0.01 lux ■ Điện áp đầu vào: DC12V/POE ■ Cổng điều khiển: RS232, RS485 (Serial VISCA, Pelco-P/D), RJ45 (VISCA qua IP), USB3.0 (UVC1.5), USB2.0 (UVC1.1)								
Q	VIDEO SWITCHER								
22	Bộ chuyển đổi tín hiệu gồm 4 đầu vào SDI và 4 HDMI có đồng bộ lại trên tất cả các đầu vào.	BLACKMAGIC DESIGN	ATEM Television Studio HD	Chiếc	1	33,000,000	33,000,000	Thương hiệu: BLACK MAGIC DESIGN (Designed & Engineered in the USA) L: Rip/ SX/ CO: Asia	
	► ĐẶC ĐIỂM SẢN PHẨM - CÁC TÍNH NĂNG CỦA BỘ CHUYỂN ĐỔI ■ 4 x 3G-SDI và 4 x HDMI đầu vào cho tổng số 8 đầu vào, tất cả đều có tính năng tự động đồng bộ lại. ■ Hỗ trợ tất cả các định dạng video từ SD đến 720p, 1080i và 1080p HD lên tới 60 khung hình / giây. ■ 1 x chế độ xem đa dạng được tích hợp sẵn cho 8 nguồn, cũng như bản xem trước và chương trình. ■ Bộ lưu trữ đồ họa media pool tích hợp cho 20 ảnh tĩnh RGBA. ■ Được xây dựng trong DVE với đường viền 3D và bóng đổ. ■ Quá trình chuyển đổi bao gồm cắt, trộn, nhúng, khăn lau SMPTE và hơn thế nữa. ■ 1 khóa ngược đồng bộ bao gồm khóa sắc độ cộng với 2 khóa xuôi đồng. ■ 1 đầu ra phụ trợ với các nút chuyển đổi phụ trợ ở mặt trước và màn hình LCD để xem. ■ Bộ trộn âm thanh tích hợp trực tiếp trộn âm thanh được nhúng từ tất cả các đầu vào video và đầu vào âm thanh độc lập. ■ Đầu vào âm thanh analog stereo XLR cân bằng.								

SỐ THỨ TỰ	TÊN SẢN PHẨM, ĐẶC TÍNH & THÔNG SỐ KỸ THUẬT	THƯƠNG HIỆU	MODEL	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (VNĐ)	THÀNH TIỀN (VNĐ)	GHI CHÚ	HÌNH ẢNH SẢN PHẨM
	■ Các nguồn bên trong bao gồm màu đen, thanh màu, hai bộ tạo màu và 2 đầu ra media player. ■ Kết nối Ethernet để kết nối máy tính. Bao gồm phần mềm bảng điều khiển Mac và Windows. ■ Tương thích với tất cả các bảng điều khiển BỘ CHUYỂN ĐỔI Panel khi cần có bảng điều khiển phần cứng. ■ Đầu vào genlock Black Burst và HD-Tri-Sync để tích hợp vào các hệ thống lớn. ■ Kích thước đơn vị giá đỡ nhỏ gọn ¾ là lựa chọn hoàn hảo khi cần có giải pháp di động. ■ Có thể gắn trên máy tính để bàn hoặc giá đỡ bằng cách sử dụng Giá đỡ Teranex Mini Rack tùy chọn.								
	► KẾT NỐI ■ Tổng số đầu vào video: 8 ■ Tổng sản lượng: 8 ■ Tổng đầu ra phụ: 1 ■ Tốc độ SDI: 270Mb, 1.5G, 3G. ■ Tổng số đầu vào âm thanh: 2 x XLR. ■ Tổng đầu ra âm thanh: Không có, chỉ âm thanh những. ■ Kết nối mã thời gian: Không. ■ Đầu vào video SDI: 4 x 10-bit SD/HD có thể chuyển đổi. Âm thanh những 2 kênh. ■ Đầu vào video HDMI: 4 x HDMI loại A, có thể chuyển đổi SD/HD 10-bit. ■ Âm thanh những 2 kênh. ■ Đầu vào tham chiếu: Tri-Sync hoặc Black Burst. ■ Đồng bộ lại đầu vào video: Trên tất cả 8 đầu vào. ■ Đầu ra chương trình SDI: 5 x 10-bit SD/HD có thể chuyển đổi.								
	■ Đầu ra chương trình HDMI: Không có. ■ Đầu ra âm thanh SDI: 2 Ch được những vào đầu ra SDI. Đầu ra máy tính: Không có.								
	► TIÊU CHUẨN: ■ Tiêu chuẩn video SDI: 525i59.94 NTSC 4:3 hoặc 16:9, 625i50 PAL 4:3 hoặc 16:9 ■ Tiêu chuẩn video HD: 720p50, 720p59.94, 1080p23.98, 1080p24, 1080p25, 1080p29.97, 1080p50, 1080p59.94, 1080i50, 1080i59.94 ■ Tiêu chuẩn video Ultra HD: Không có. ■ Tuần thu SDI: SMPTE 259M, 292M và 424M. ■ Lấy mẫu video: 4:2:2 10-bit ■ Độ chính xác màu: 4:2:2 10-bit ■ Không gian màu: 4:2:2 YUV ■ Độ phân giải đầu vào HDMI cho máy tính: 720 x 480i 59.94Hz, 720 x 576i 50Hz, 1280 x 720p 59.94Hz 50Hz và 1920 x 1080p 23.98, 24, 25, 29.97, 30, 50, 59.94 và 1920 x 1080i 50 và 59.94Hz 60Hz. ■ Chuyển đổi không gian màu: Thời gian thực dựa trên phần cứng. ■ Độ trễ xử lý: 6 dòng. ■ Bộ trộn âm thanh ■ Bộ trộn âm thanh 10 đầu vào x 2 kênh. ● Có thể chọn Bật/Off/Âm thanh-Theo đối video. ● Đo mức và đỉnh.								

SỐ THỨ TỰ	TÊN SẢN PHẨM, ĐẶC TÍNH & THÔNG SỐ KỸ THUẬT	THƯƠNG HIỆU	MODEL	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (VNĐ)	THÀNH TIỀN (VNĐ)	GHI CHÚ	HÌNH ẢNH SẢN PHẨM
	Kiểm soát mức tăng chính. Kiểm soát mức đầu ra của tai nghe với sự kết hợp riêng biệt của Chương trình, Đàm thoại và Âm phụ.								
	► THÔNG SỐ KỸ THUẬT SẢN PHẨM ■ Phim Upstream: 1 ■ Phim Downstream: 2 ■ Phim Chroma: 1 ■ Phim Linear/Luma: 3 ■ Hỗ trợ Talkback: Tích hợp sẵn, sử dụng tai nghe hàng không. ■ Hỗ trợ Mix Minus: Có, trên 4 đầu ra PGM của camera. ■ Phim Transition (Stinger/DVE): Chì DVE. ■ Tổng số lớp: 5 ■ Bộ tạo hoa văn: 2 ■ Bộ tạo màu: 2 ■ DVE với Đường viền 3D & Bóng đổ: 1 ■ Giao diện ■ Độ phân giải màn hình tối thiểu là 1386 x 768. ■ Số lượng cửa sổ: 1 x 10 ■ Cửa sổ có thể định tuyến ■ 8 cửa sổ có thể định tuyến và 2 cửa sổ có hiệu ứng cho Chương trình và Xem trước. ■ Tally: Màu đỏ cho chương trình và màu xanh lá cây cho chỉ báo xem trước. ■ Đầu ra Tally: Được thêm qua kết nối Ethernet tới GPI và Tally, sản phẩm Giao diện. (Không bao gồm.) ■ Nhân nguồn Windows: Có ► GIÁM SÁT ĐA XEM ■ Giám sát nhiều chế độ xem: 1 x 10 lượt xem. ■ Chuẩn Video Đa Chế Độ: HD ► TRUYỀN THÔNG ■ Trình phát đa phương tiện: 2, với bộ nhớ Gash ổn định. ■ Kênh: Điện và nhập phim cho mỗi Media Player. ■ Media Pool Dung lượng ảnh tĩnh: 20 với FI và key. ■ Nhóm phương tiện Định dạng ảnh tĩnh: PNG, TGA, BMP, GIF, JPEG và TIFF. ► KIỂM SOÁT ■ Bảng điều khiển: Bảng điều khiển tích hợp. Bảng điều khiển phần mềm đi kèm. Hỗ trợ bảng phát sóng tùy chọn. ■ Kết nối Bảng Điều khiển: Ethernet hỗ trợ 10/100/1000 BaseT. Cho phép kết nối trực tiếp giữa bảng điều khiển và khung máy hoặc qua mạng. Cũng được sử dụng để cập nhật phần mềm.								
23	Chuyển đổi từ SDI sang HDMI	BLACKMAGIC DESIGN	Micro Converter SDI to HDMI 3G	Chiếc	2	3,000,000	6,000,000	Thương hiệu: BLACK MAGIC DESIGN (Designed & Engineered in the USA) L.Rapi/ SX/ CO: Asia	

SỐ THỨ TỰ	TÊN SẢN PHẨM, ĐẶC TÍNH & THÔNG SỐ KỸ THUẬT	THƯƠNG HIỆU	MODEL	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (VNĐ)	THÀNH TIỀN (VNĐ)	GHI CHÚ	HÌNH ẢNH SẢN PHẨM
	Chuyển đổi từ SDI sang HDMI - 3GSDI đa tốc độ tự động chuyển đổi giữa tất cả các định dạng SD và HD lên tới 1080p60.								
	Vòng lặp 3G-SDI, hỗ trợ thiết bị Cấp A và Cấp B cũng như cấp nguồn qua USB								
	► Kết nối								
	■ Đầu vào video SDI: 1 x SD, HD hoặc 3G-SDI.								
	■ Đầu ra video SDI: 1 x vòng lặp SDI.								
	■ Đầu ra HDMI: Đầu ra HDMI loại A.								
	■ Hỗ trợ đa tốc độ: Tự động phát hiện SD hoặc HD.								
	■ Cấp nhất: cấu hình và nguồn: Micro USB.								
	► Tiêu chuẩn								
	■ Tiêu chuẩn video SDI: 625i59.94 NTSC, 625i50 PAL								
	■ Tiêu chuẩn Video HD								
	● 720p50, 720p59.94, 720p60								
	● 1080p23.98, 1080p24, 1080p25,								
	● 1080p29.97, 1080p30, 1080p50,								
	● 1080p59.94, 1080p60								
	● 1080Psf25, 1080Psf29.97, 1080Psf30								
	● 1080i50, 1080i59.94, 1080i60								
	■ Tuân thủ SDI								
	■ SMPTE 259M, SMPTE 292M, SMPTE 296M, SMPTE 372M, SMPTE 424M, SMPTE 425M								
	■ Tốc độ Video SDI								
	Kết nối video SDI có thể chuyển đổi giữa độ phân giải tiêu chuẩn, độ phân giải cao cấp A và cấp B 3G-SDI.								
	■ Độ chính xác màu SDI: 4:2:2								
	■ Không gian màu SDI: YUV								
	■ Tự động chuyển đổi SDI: Tự động phát hiện SD, HD và 3GSDI.								
	■ Chuẩn Video HDMI								
	● 525i29.97 NTSC, 625i25 PAL								
	● 720p50, 720p59.94, 720p60								
	● 1080p23.98, 1080p24, 1080p25,								
	● 1080p29.97, 1080p30, 1080p50,								
	● 1080p59.94, 1080p60								
	● 1080i50, 1080i59.94, 1080i60								
	■ Độ chính xác màu HDMI: 4:2:2								
	■ Không gian màu HDMI: YUV								
	► Phần mềm								
	■ Phần mềm điều khiển								
	■ Nâng cấp phần mềm Mac™ và Windows™ qua micro USB.								
	■ Nâng cấp phần mềm nội bộ: Qua micro USB.								
R	Multimedia Collaboration System. / Wireless Collaboration								

SỐ THỨ TỰ	TÊN SẢN PHẨM, ĐẶC TÍNH & THÔNG SỐ KỸ THUẬT	THƯƠNG HIỆU	MODEL	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (VNĐ)	THÀNH TIỀN (VNĐ)	GHI CHÚ	HÌNH ẢNH SẢN PHẨM
24	Hệ thống Điều Khiển Trung Tâm: Chia sẻ và Cộng tác Màn hình Không dây	KT	DK-H1200	Chiếc	3	101,600,000	304,800,000	(Designed in USA/LRáp Asia)	
	• Chia sẻ đa màn hình 4K UHD, với khả năng hiển thị đồng thời 4 luồng HD • Hỗ trợ phân chiếu toàn màn hình từ các thiết bị Windows, Mac, iOS, Android & Chromebook • Phát trực tiếp nội dung, trong thời gian thực, lên các kênh YouTube riêng tư hoặc công khai, hoặc ghi cục bộ • Được tối ưu hóa hoàn toàn cho màn hình cảm ứng, với hình thu nhỏ nội dung trên màn hình để chọn nội dung • Kết nối mạng Ethernet & Wi-Fi, Guest AP và hỗ trợ Wi-Fi 802.1x Radius • Bao gồm điều khiển từ xa không dây để quản lý thuyết trình, điều khiển trình phát đa phương tiện • Hỗ trợ các chế độ hoạt động Truy cập Mở, Truy cập Mật khẩu & Truy cập Kiểm duyệt - Tính Năng Bổ Trợ: • Hiện Thị Chia Màn Hình: Lên đến 4 màn hình • Phát Trực Tiếp lên YouTube • Phát Trực Tiếp lên máy thành viên: Khởi chạy trình duyệt và xem bài thuyết trình ngay trên màn hình của riêng của người tham gia. Chức năng chụp & lưu màn hình. • USB Touch-back (HID): dễ dàng chia sẻ điều khiển từ xa giữa những người thuyết trình. • Các Tùy Chọn Kết Nối Mạng Mở Rộng: Hỗ Trợ Ethernet, Wifi 802.1x • Truy Cập Kiểm Duyệt • Điều Khiển Từ Xa IR • Giao diện người dùng được thiết kế cho cảm ứng • Điểm Phát Sóng Khách - Thông Số Kỹ Thuật • Hỗ trợ các Tiện ích Truyền phát Góc AirPlay (Mac OSX, thiết bị iOS), Miracast (Windows 8.1+, thiết bị Android) • Các phiên bản Ứng dụng Kết Nối Truyền phát: Windows (7+), Mac OSX (10.1+), Chrome OS (52+) • Hỗ trợ phân chiếu toàn màn hình: Windows, Mac, iOS, Android & Chrome OS • Các Chế độ Hoạt động: Truy cập Mở (không mật khẩu), Truy cập bằng Mật khẩu (Có định hoặc Ngẫu nhiên), Chế độ Người điều phối • Số lượng người dùng kết nối đồng thời: 64 • Số lượng người dùng hiển thị đồng thời trên màn hình: 4 • Hỗ trợ hiển thị màn hình mở rộng: Windows, Mac & Chromebook								

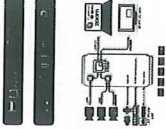
SỐ THỨ TỰ	TÊN SẢN PHẨM, ĐẶC TÍNH & THÔNG SỐ KỸ THUẬT	THƯƠNG HIỆU	MODEL	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (VNĐ)	THÀNH TIỀN (VNĐ)	GHI CHÚ	HÌNH ẢNH SẢN PHẨM
	•Điều khiển Chế độ Người điều phối: Thông qua ứng dụng điều khiển tương ứng, Điều khiển từ xa không dây hoặc Màn hình Cảm ứng •Tùy chọn Tùy chỉnh: Hình nền, Tên Thiết bị, Mật khẩu, Không làm phiên, AirPlay & Miracast •Chức năng phát trực tiếp (Stream): Xem bài thuyết trình trong trình duyệt, chụp màn hình, không yêu cầu ứng dụng •Tùy chọn Thiết lập & Điều khiển: Hiện thị trên màn hình, Cổng Quản lý Đám mây (Quý 2-2020) •Khả năng tương thích với Màn hình Cảm ứng và Điều khiển từ xa: USB không dây, Touchback, Tương thích với USB cơ bản cho các thiết bị HID								
	•Thông Số Kỹ Thuật Phần Cứng •Ngõ ra HDMI x 1: NTSC, PAL, HDMI V 1.4, EDID, 4K 60Hz, 1080ip 50/60Hz, 720p, 576p, 480p •Ngõ ra Âm thanh Analog: Stereo, 16-bit, 44, 1kHz, đầu nối RCA đôi gắn trên bảng điều khiển, song song với âm thanh HDMI •Ngõ vào HDMI x 1: NTSC, PAL, HDMI V 2.0/1.4, EDID, 1080p 60Hz, 1080i 50/60Hz, 720p, 576p, 480p •Cổng Ethernet •Radio Không dây: IEEE 802.11AC, 2.4G/5G, WPA/WPA2, WPA-Enterprise (WPA-802.1x RADIUS) •IEEE 802.3: 10/100/1000Mb/s, DHCP hoặc IP tĩnh, Jack RJ45 •Nguồn điện: Bộ đổi nguồn SMPS đa năng 100-260VAC, Cổng USB, cung cấp 5VDC @ 2A, cáp USB đầu nối trụ 3,5/1,3mm •Điều khiển từ xa: Không dây, điều khiển từ xa đa chức năng IR, đầu thu IR tích hợp & ngõ ra Blaster •Chế độ Nguồn: Tự động bật nguồn, Chế độ chờ có thể truy cập từ nút nguồn & điều khiển từ xa •Cổng USB x 2: Loại A, V2.0 (1), V3.0 (1), giao diện điều khiển HID, cổng Cáp nhét Firmware, nội dung trình phát Media •Đèn báo x 2: Đèn LED gắn phía trước, đèn báo Nguồn, Hoạt động Mạng •Nút Nguồn: Gắn phía trước, tác động luân phiên, Tắt nguồn, Khởi động lại •Phần mềm điều khiển (Thiết Bị Điều Khiển Trung Tâm) •Hỏi nghi truyền hình kết hợp: - Bộ điều khiển hoạt động tương thích Zoom, Teams, Meet, WebEx và mọi nền tảng video khác (có chứng nhận hãng sản xuất & đường link dẫn chứng). ■ Chia sẻ màn hình không dây: - Chia sẻ bất kỳ nội dung nào, từ bất kỳ thiết bị nào, bao gồm PC, máy tính bảng, điện thoại thông minh, máy ảnh tài liệu, máy ảnh hợp và trình phát phương tiện đến màn hình lớn. - Hiện thị nội dung được chia sẻ ở chế độ xem toàn màn hình hoặc Quad, chia đôi màn hình, chuyển đổi ngay lập tức giữa tất cả các nguồn. ■ Chia sẻ nhiều nội dung hơn ở độ phân cao - Với đầu ra video 4K của thiết bị điều khiển trung tâm, ngay cả một màn hình lớn cũng có thể hiển thị hình ảnh cực kỳ sắc nét trên tới đa 4 ô nội dung được chia sẻ.								

SỐ THỨ TỰ	TÊN SẢN PHẨM, ĐẶC TÍNH & THÔNG SỐ KỸ THUẬT	THƯƠNG HIỆU	MODEL	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (VNĐ)	THÀNH TIỀN (VNĐ)	GHI CHÚ	HÌNH ẢNH SẢN PHẨM
	- Chuyển đổi ngay lập tức giữa chế độ chia đôi màn hình và chế độ toàn màn hình để có góc nhìn gần hơn và chia sẻ mọi thứ với nhóm kết hợp.								
	■ Phát trực tiếp: Giải pháp bao gồm mã hóa theo tiêu chuẩn cho phép phát trực tiếp đến Facebook Live, YouTube, Twitch và bất kỳ đích đến RTMP nào khác.								
	■ Chia sẻ nội dung đa màn hình								
	- Sử dụng tất cả các màn hình được trang bị kết hợp bộ điều khiển trung tâm cùng nhau khi cần.								
	■ Phát đa hướng không dây .								
	- Bộ điều khiển trung tâm cho phép gửi nội dung đến bất kỳ và tất cả các màn hình được trang bị thiết bị cùng hệ sinh thái cùng một lúc.								
	■ Ghi lại & Chia sẻ Video trực tiếp								
	- Tích hợp bất kỳ nguồn video nào vào môi trường hiển thị, ghi âm và phát trực tiếp mạnh mẽ của giải pháp chúng tôi, với đầu vào HDMI đi kèm.								
	- Ghi lại âm thanh cùng với video để ghi lại nguyên văn các phiên họp cộng tác hoặc bài giảng, có thể xem theo thời gian thực hoặc thời gian thay đổi.								
	■ Quay video trực tiếp . Để đăng tích hợp video độ nét cao từ máy ảnh và trình phát phương tiện.								
	- Thu video và âm thanh qua HDMI, sau đó chia sẻ lên màn hình lớn, ghi lại và phát trực tiếp, cùng với nội dung được chia sẻ khác của người dùng.								
	■ Phát trực tiếp								
	- Bộ điều khiển trung tâm cho phép truyền tải thông điệp của mình đến đối tượng khán giả toàn cầu, với khả năng Phát trực tiếp tích hợp. Không cần phần cứng, phần mềm hoặc phí bổ sung. Chỉ cần nhấp để phát trực tiếp âm thanh, video và nội dung được chia sẻ đến bất kỳ dịch vụ phát trực tuyến RTMP nào.								
	■ Chia sẻ nội dung có kiểm duyệt .								
	- Kiểm soát những người có quyền truy cập vào màn hình và những gì họ có thể chia sẻ trên màn hình. Với tư cách là người kiểm duyệt, có thể xem trước nội dung của bất kỳ người dùng nào trước khi thêm vào màn hình, sau đó thu nhỏ, phóng to và dừng chia sẻ nội dung của họ từ xa hoặc từ màn hình cảm ứng.								
	■ Chú thích & Bảng trắng								
	Vẽ, phác thảo, nhập, trên nội dung được chia sẻ ở chế độ xem chia đôi màn hình hoặc toàn màn hình bằng các công cụ chú thích tích hợp của bộ điều khiển trung tâm, không cần PC. Hoặc chuyển sang chế độ trắng, xanh lá cây hoặc thậm chí là chế độ bảng biểu đồ để bắt đầu cộng tác trên một trang sạch.								
	■ Chủ đề tùy chỉnh: Cá nhân hóa mọi màn hình bằng đồ họa và văn bản của bạn.								
	Biến mọi màn hình thành lời chào mừng cá nhân đến phòng họp với tính năng Chủ đề của bộ điều khiển trung tâm. Để đăng tạo, thêm và thay đổi chủ đề trong vài giây để phù hợp với các nhóm, chủ đề và sự kiện khác nhau.								
	■ Bộ điều khiển trung tâm được xây dựng dựa trên các tính năng yêu cầu .								

SỐ THỨ TỰ	TÊN SẢN PHẨM, ĐẶC TÍNH & THÔNG SỐ KỸ THUẬT	THƯƠNG HIỆU	MODEL	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (VNĐ)	THÀNH TIỀN (VNĐ)	GHI CHÚ	HÌNH ẢNH SẢN PHẨM
	Tổ chức hội nghị truyền hình với âm thanh và video không dây từ máy tính xách tay đến màn hình, camera và hệ thống âm thanh của phòng.								
	Hiện thị bốn cửa sổ nội dung riêng biệt trên màn hình 4K UHD ở chế độ xem chia đôi màn hình và chuyển đổi giữa chúng ngay lập tức.								
	Quản lý các phiên cộng tác với chế độ xem trước màn hình của người dùng và khả năng bắt đầu, dừng, phòng to và thu nhỏ nội dung của họ.								
	Chú thích ngay trên nội dung được chia sẻ hoặc phác thảo, vẽ và gõ trên bảng trắng ảo, tất cả đều không cần máy tính.								
	Gửi nội dung được chia sẻ đến bất kỳ số lượng màn hình hỗ trợ thiết bị cùng hệ sinh thái (bộ điều khiển trung tâm) nào trong lớp học, phòng họp hoặc thậm chí trên toàn bộ khuôn viên trường.								
	Phát trực tiếp các phiên họp cộng tác lên Internet, kèm theo video, âm thanh trực tiếp và nội dung được chia sẻ ngay lập tức.								
	Ghi lại video và âm thanh trực tiếp chuyển động đầy đủ bằng cách kết nối máy ảnh, máy quay phim hoặc máy quay tài liệu với đầu vào HDMI.								
	Cho phép khách truy cập vào màn hình được chia sẻ mà không cần tham gia vào mạng công ty hoặc trường học của bạn, với quyền truy cập Hotspot.								
	Tích hợp bộ điều khiển trung tâm với bất kỳ màn hình cảm ứng nào để truy cập trên màn hình vào tất cả các chức năng điều khiển, bao gồm Kiểm duyệt, Xem trước màn hình, Ghi phiên, Phát trực tiếp, Chú thích và Quay video.								
	Tính năng "Touchback" của USB bộ điều khiển trung tâm cho phép sử dụng chung Điều khiển trình bày, Bàn phím, Chuột hoặc Màn hình cảm ứng để tự động kết nối và điều khiển PC trong khi chia sẻ.								
	Tối đa hóa nội dung được chia sẻ ngay lập tức, từ màn hình có bộ điều khiển trung tâm hoặc ứng dụng điều khiển, sau đó quay lại để chia nhỏ lần nữa.								
	Tạo và lưu trữ nhiều hình nền màn hình và chuyển đổi giữa chúng một cách dễ dàng với tính năng Chủ đề của BỘ ĐIỀU KHIỂN TRUNG TÂM.								
	Các tùy chọn truy cập mật khẩu linh hoạt cho phép tự động gia hạn, mật khẩu có giới hạn hoặc không có mật khẩu để đáp ứng tốt nhất nhu cầu của nhóm bạn.								
25	Đầu nối AV không dây tương thích với Hệ thống cộng tác đa phương tiện không dây	KT	DK-LinkAV	Chiếc	3	30,500,000	91,500,000	(Designed in USA / Ráp Asia)	
	Đầu nối AV không dây								

SỐ THỨ TỰ	TÊN SẢN PHẨM, ĐẶC TÍNH & THÔNG SỐ KỸ THUẬT	THƯƠNG HIỆU	MODEL	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (VNĐ)	THÀNH TIỀN (VNĐ)	GHI CHÚ	HÌNH ẢNH SẢN PHẨM
	- Thiết bị thay thế phần cứng, cáp, ứng dụng, chi phí và sự nhầm lẫn. Chia sẻ màn hình, Hội nghị truyền hình, Phát trực tiếp, Ghi âm. - Chia sẻ màn hình tức thời. - Có thể kết nối với bất kỳ nguồn video nào thông qua USB-C hoặc HDMI. Chia sẻ nội dung HD từ máy tính xách tay, máy tính bảng, điện thoại thông minh, máy ảnh tại liệu, bất kỳ thứ gì; chỉ bằng cách nhấn một nút. Không cần ứng dụng, không cần tìm kiếm mật khẩu, chỉ cần cộng tác không có ma sát. - Hội nghị truyền hình không dây. - Sử dụng thiết bị AV của phòng, không cần cáp. LINKAV kết nối camera, micro và loa trong phòng với máy tính xách tay của bạn theo yêu cầu mà không cần dây. - Khả năng tương thích phổ quát. - Máy tính xách tay, điện thoại thông minh, máy tính bảng, máy ảnh tại liệu. Các thiết bị được trang bị USB-C sẽ được bật khi LINKAV thứ hai được kết nối. Các thiết bị HDMI được hỗ trợ thông qua giao diện HDMI được cung cấp. - Hoàn toàn tương tác. - Thiết bị cho phép khả năng cảm ứng hoàn toàn không dây với bất kỳ màn hình tương tác nào, cho phép điều khiển hai chiều nội dung hiển thị. Người dùng cũng có thể chia sẻ điều khiển từ xa trình bày, bản phím, chuột hoặc máy tính bảng đồ họa để tương tác với máy tính của họ thông qua phần mềm ứng dụng.								
S	VIDEO DISTRIBUTION AMPLIFIER								
26	Bộ khuếch đại và chia tín hiệu video 1 In – 4 Out	KT	KA-DA14UHD	Chiếc	2	22,400,000	44,800,000	(Designed in USA/ L ráp Asia)	
	► ĐẶC ĐIỂM SẢN PHẨM - Bộ khuếch đại và chia tín hiệu video (Video Distribution Amplifier). HDMI 4K60 4:4:4, 1 ngõ vào HDMI - 4 ngõ ra HDMI - Bộ khuếch đại phân phối 18Gbps đầy đủ với quản lý EDID nâng cao - HDMI 2.0a - HDR - HDCP 2.3 - Băng thông 18Gbps - Hỗ trợ 4K60 4: 4: 4 (Hỗ trợ lên đến 8K) - Quản lý EDID nâng cao - Hỗ trợ đầy đủ HDR - Khóa đầu nối nguồn - Kết nối các thiết bị theo kiểu xếp tầng thuận tiện cho khoảng cách mở rộng và các đầu ra bổ sung (Cascadable) - Hỗ trợ đầy đủ 18Gbps và HDR đảm bảo độ ổn định cấp độ quản sự ngay cả ở băng thông cao nhất.								

SỐ THỨ TỰ	TÊN SẢN PHẨM, ĐẶC TÍNH & THÔNG SỐ KỸ THUẬT	THƯƠNG HIỆU	MODEL	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (VNĐ)	THÀNH TIỀN (VNĐ)	GHI CHÚ	HÌNH ẢNH SẢN PHẨM
	► CÁC LỢI ÍCH KHÍ SỰ DÙNG:								
	■ Hỗ trợ 18Gbps (4K60 4: 4: 4)								
	■ Xếp tầng: được thiết kế để xếp tầng, ngoài ra còn có một "chế độ thác nước" được tích hợp sẵn có thể được kích hoạt dễ dàng tương thích với plug and play.								
	■ Hỗ trợ Full HDR: duy trì tính toàn vẹn của HDR. Thiết bị tương thích 100% với HDR và sẽ lập lại tín hiệu một cách toàn vẹn								
	■ Quản lý EDID: Quản lý EDID nâng cao được tích hợp sẵn để có thể chọn từ 16 cài đặt khác nhau, bao gồm Chế độ xếp tầng, tự động và "tự màn hình". Tất cả điều này giúp tăng cường khả năng nhận được tín hiệu phù hợp trong toàn hệ thống và đảm bảo giao tiếp với bất kỳ thiết bị bên thứ 3 nào.								
	► THÔNG SỐ KỸ THUẬT								
	■ VIDEO:								
	● Độ phân giải video: 4K 60Hz 4:4:4								
	● Độ phân giải VESA: DCI 4K (4096x2160) 5K (5120x3200)								
	● Định dạng/Độ phân giải HDR: 420, 422, 444 (10 và 12 độ sâu màu), HDR10+, Dolby Vision, HLG								
	● Không gian màu: YUV (Component), RGB (CSC: REC. 601, REC. 709, BT2020, DCI, P3 D6500								
	● Lấy mẫu phụ Chroma: 4:4:4, 4:2:2, 4:2:0								
	● Độ sâu màu: 16 bit (1080), 12 bit (4K)								
	■ AUDIO:								
	● Định dạng âm thanh hỗ trợ HDMI: PCM 2.0CH, LPCM 5.1 & 7.1, Dolby Digital, DTS5.1, Dolby Digital Plus, Dolby True HD, DTS-HD Master Audio, DTS-X, Dolby Atmos								
	■ Khoảng cách truyền dẫn:								
	● HDMI In/out (4K60 4:4:4): lên đến 50ft (dùng với dây HDMI của Bullet Train)								
	● HDMI in/out với loại cáp AOC (4K60 4:4:4): lên đến 130ft (dùng với dây cáp AOC của Bullet Train)								
	■ Các thông số khác:								
	● Băng thông: 18 GBPS								
	● HDCP: HDCP 2.2 và các phiên bản trước đó								
	■ Các cổng:								
	● HDMI: type A								
	● Firmware: Mini USB								
	■ Môi trường:								
	● Nhiệt độ hoạt động: -5 độ C đến 51 độ C								
	● Nhiệt độ lưu trữ: -20 độ C đến 60 độ C								
	● Độ ẩm: 5-90% RH								
	■ Điện nguồn:								
	● Công suất tiêu thụ: 4W max								
	● Điện nguồn: Ngõ vào: AC100-240V ~50/60Hz; Ngõ ra: DC 5V 2A								
	► CÀI ĐẶT EDID								
	■ Cài đặt EDID: 5 công tắc DIP được đặt ở bên cạnh thiết bị và mỗi công tắc có hai cài đặt, 0 & 1 (UP=0, DOWN=1). Chế độ mặc định là "00000" tất cả đều được bật, trong chế độ này thiết bị sao chép EDID từ (màn hình) cắm vào OUTPUT 1.								
	♦ 00000: EDID COPY (See NOTE 1)								
	♦ 00001: 1080P_2CH(PCM)								
	♦ 00010: 1080P_6CH								

SỐ THỨ TỰ	TÊN SẢN PHẨM, ĐẶC TÍNH & THÔNG SỐ KỸ THUẬT	THƯƠNG HIỆU	MODEL	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (VNĐ)	THÀNH TIỀN (VNĐ)	GHI CHÚ	HÌNH ẢNH SẢN PHẨM
	♦ 00011: 1080P 8CH								
	♦ 00100: 1080P 3D 2CH(PCM)								
	♦ 00101: 1080P 3D 6CH								
	♦ 00110: 1080P 3D 8CH								
	♦ 00111: 4K30Hz 3D 2CH(PCM)								
	♦ 01000: 4K30Hz 3D 6CH								
	♦ 01001: 4K30Hz 3D 8CH								
	♦ 01010: 4K60Hz(Y420) 3D 2CH(PCM)								
	♦ 01011: 4K60Hz(Y420) 3D 6CH								
	♦ 01100: 4K60Hz(Y420) 3D 8CH								
	♦ 01101: 4K60Hz 3D 2CH(PCM)								
	♦ 01110: 4K60Hz 3D 6CH								
	♦ 01111: 4K60Hz 3D 8CH								
	♦ 10000: 1080P 2CH(PCM) HDR								
	♦ 10001: 1080P 6CH HDR								
	♦ 10010: 1080P 8CH HDR								
	♦ 10011: 1080P 3D 2CH(PCM) HDR								
	♦ 10100: 1080P 3D 6CH HDR								
	♦ 10101: 1080P 3D 8CH HDR								
	♦ 10110: 4K30Hz 3D 2CH(PCM) HDR								
	♦ 10111: 4K30Hz 3D 6CH HDR								
	♦ 11000: 4K30Hz 3D 8CH HDR								
	♦ 11001: 4K60Hz(Y420) 3D 2CH(PCM) HDR								
	♦ 11010: 4K60Hz(Y420) 3D 6CH HDR								
	♦ 11011: 4K60Hz(Y420) 3D 8CH HDR								
	♦ 11100: 4K60Hz 3D 2CH(PCM) HDR								
	♦ 11101: 4K60Hz 3D 6CH HDR								
	♦ 11110: 4K60Hz 3D 8CH HDR								
	♦ 11111: Passthrough								
	▶ CÁC TUYÊN BỐ SỰ PHÙ HỢP, CHỨNG NHẬN, BÁO CÁO THỬ NGHIỆM:								
	■ CE								
	■ FCC								
T	CONVERTER								
27	KẾT HỢP 2 CAMERA USB HOẶC HDMI VÀO UBS 3.0	INOGENI	SHARE2U	Chiếc	1	240,500,000	240,500,000	Thương hiệu: INOGENI (CANADA) Made in Canada	
	Bộ trộn Plug-And-Go để dàng này ghi lại 2 nguồn video Picture-In-Picture hoặc side-by-side trong một luồng video								
	▶ ĐẶC ĐIỂM SẢN PHẨM								
	• Mix 2 camera từ 3 nguồn (2 USB 2.0 và 1 HDMI)								
	• Chuyển đổi tối đa 14 video thiết lập kết hợp								
	• Thay đổi cấu hình camera và video mà không làm gián đoạn luồng bài thuyết trình của người dùng								

SỐ THỨ TỰ	TÊN SẢN PHẨM, ĐẶC TÍNH & THÔNG SỐ KỸ THUẬT	THƯƠNG HIỆU	MODEL	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (VNĐ)	THÀNH TIỀN (VNĐ)	GHI CHÚ	HÌNH ẢNH SẢN PHẨM
	• Đầu ra: Video không nén tên USB 3.0 hoặc MJPEG trên USB 2.0								
	• I/O âm thanh và bộ trộn thông qua Ứng dụng điều khiển								
	• Có thể điều khiển bằng mạng LAN & RS-232								
	• Thiết kế nhỏ gọn và chắc chắn với vỏ nhôm								
	• Tuân thủ TAA								
	► Tính năng								
	Bộ trộn máy ảnh chuyên nghiệp USB kép sang USB 3.0 cung cấp một loạt tính năng để mang lại trải nghiệm BYOD hoặc BYOM mượt mà và liên mạch:								
	• Giao diện điều khiển: LAN, RS-232, USB								
	• Bàn phím cục bộ và từ xa: Hướng dẫn sử dụng từ xa								
	• Camera USB 2.0 và đầu thu HDMI								
	• Đầu ra: Video không nén trên USB 3.0 hoặc MJPEG trên USB 2.0								
	• Bộ trộn âm thanh: Hỗ trợ âm thanh nổi ở mức đường truyền, không cần băng								
	• Điều khiển PTZ của camera USB qua giao diện USB 3.0								
	• Cấu hình thiết bị qua Ứng dụng Điều khiển								
	• Có thể nâng cấp chương trình cơ sở thông qua Ứng dụng Điều khiển								
	• Hỗ trợ nhiều thiết bị trên cùng một máy chủ								
	• Tương thích với Windows, macOS và Linux								
	► Tính năng chính								
	■ Bộ trộn camera 2:1								
	• 1x USB và 1x bộ trộn camera USB hoặc HDMI vào một giao diện USB 3.0 duy nhất)								
	• Thu và trộn đồng thời 2 tín hiệu USB 2.0 + Âm thanh thành một tín hiệu USB 3.0 1080p60.								
	• 14 video setup mix: Picture-in-picture, side-by-side								
	► Đầu vào video								
	■ #1 Trình kết nối và độ phân giải video								
	• 1x máy ảnh USB 2.0								
	• MJPEG hoặc H264 (*)								
	• Phụ thuộc vào thông số kỹ thuật của máy ảnh								
	■ #2 Độ phân giải của đầu nối và video								
	• 1x máy ảnh USB 2.0								
	• MJPEG hoặc H264 (*)								
	• Phụ thuộc vào thông số kỹ thuật của máy ảnh								
	■ 1xHDMI: 1080p60, 1080p30, 720p60 và 480p60								
	► Đầu ra video								
	■ HDMI: 1x HDMI lên tới 1080p60, (Một luồng video hỗn hợp)								
	■ USB: 1x USB 3.0 không nén lên tới 1080p60, (Một luồng video hỗn hợp)								
	■ USB - Không gian màu hoặc CODEC								
	• USB 3.0: YCbCr (UYV2) 4:2:2 8-bit.								
	• USB 2.0: MJPEG								
	■ USB - Bộ chia tỷ lệ video: Tự động dựa trên phân cứng								
	■ USB - Chuyển đổi không gian màu: Tự động dựa trên phân cứng								
	■ USB - Chuyển đổi lấy mẫu: Tự động dựa trên phân cứng								
	■ USB - Chuyển đổi tốc độ khung hình: Tự động dựa trên phân cứng								
	► Âm thanh								

SỐ THỨ TỰ	TÊN SẢN PHẨM, ĐẶC TÍNH & THÔNG SỐ KỸ THUẬT	THƯƠNG HIỆU	MODEL	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (VNĐ)	THÀNH TIỀN (VNĐ)	GHI CHÚ	HÌNH ẢNH SẢN PHẨM
	■ Kết nối âm thanh analog: Âm thanh nổi analog không cân bằng, mức đường truyền, góc 3,5 mm ■ Vào/ra âm thanh tương tự: Âm thanh LPCM 48kHz 2 kênh từ đầu vào đường truyền ■ I/O âm thanh kỹ thuật số: Nhúng vào HDMI hoặc USB ■ Định tuyến âm thanh ▶ Kiểm soát ■ Tùy chọn điều khiển: Bàn phím tích hợp, LAN, USB-HID, REMOTE, RS-232 ■ Giao diện IP: 10 Mb/giây, Cấu hình địa chỉ tĩnh thông qua Ứng dụng Kiểm soát, DHCP không được hỗ trợ ▶ Cổng USB ■ Cổng USB mở rộng: Hai (2) cổng USB 3.0 bổ sung cho mục đích mở rộng. Các thiết bị được kết nối sẽ xuất hiện trên máy chủ. ■ Hệ điều hành KHÔNG cần cài đặt trình điều khiển! ● Windows 7 trở lên (32/64-bit) ● macOS 10.10 trở lên ● Linux (hạt nhân v2.6.38) ■ Máy ảnh được hỗ trợ: Phụ thuộc vào thông số kỹ thuật của máy ảnh ■ Khả năng tương thích của phần mềm: Tuân thủ UVC. Chạy với tất cả các phần mềm tương thích với DirectShow, AVFoundation và V4L2. ▶ PHÙ HỢP VỚI TẤT CẢ CÁC CAMERA USB & HDMI								
	ĐỂ CÓ CỔ LINH HOẠT TỐI ĐA Bộ chuyển đổi camera AV chuyên nghiệp này hoàn toàn tương thích với tất cả các loại camera USB và HDMI, bao gồm các thiết bị tâm cỡ chuyên nghiệp. ■ Danh sách các máy ảnh tương thích: Angelis, Aver, Avonnic, Bose, Crestron, Everet Imaging Holland, HuddleCamHD, Huddly, Jabra, Logitech, Lumens, Microsoft, Minrray, OWL Labs, Poly, PTZ Optics..... ■ Danh sách phần mềm tương thích - Phần mềm Q-SYS Designer, Valarea, Teams, Zoom, Webex, GoToMeeting, Google Hangouts, Google Meet, BlueJeans, Adobe Connect ■ Ghi / Truyền phát - Facebook TRỰC TIẾP, LIVECAST, Phát trực tiếp, OBS, Bản trình bày2Go, USTREAM, vMix, Wirecast, xSplit, YouTube ■ Tốc độ chuyển đổi video ● Chưa đến 0,2 giây để chuyển đổi giữa các đầu vào USB ● Chưa đến 0,2 giây để chuyển đổi giữa các đầu vào HDMI có cùng độ phân giải video. ● Chưa đến 0,2 giây để chuyển đổi giữa đầu vào USB và đầu vào HDMI "hoạt động" và ngược lại. ● Tối đa 2 giây chuyển đổi giữa các đầu vào HDMI nếu độ phân giải video khác nhau. ▶ Chứng nhận ■ Tuân thủ HDCP ■ Chứng chỉ								
	FCC, CE, RoHS, IEC62368, SoV, RCM, KC, MSIP, NOM								
	■ Tuân thủ TAA: Có								

SỐ THỨ TỰ	TÊN SẢN PHẨM, ĐẶC TÍNH & THÔNG SỐ KỸ THUẬT	THƯƠNG HIỆU	MODEL	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (VNĐ)	THÀNH TIỀN (VNĐ)	GHI CHÚ	HÌNH ẢNH SẢN PHẨM
U	Modular room video conferencing system								
28	Mô-dun (CODEC) Hệ thống hội nghị truyền hình phòng	POLY	POLY G62 (A01KCAA)	Chiếc	1	122,200,000	122,200,000	(USA/Asia)	
THÔNG SỐ KỸ THUẬT									
Tương thích với Hệ điều hành tương thích: Android									
► VIDEO									
■ Độ phân giải video người: 4K, 30 khung hình / giây (TX và RX) từ 2048 Kbps, 1080p, 60 khung hình / giây từ 1740 Kbps, 1080p, 30 khung hình / giây từ 1024 Kbps, 720p, 60 khung hình/giây từ 832 Kb/giây, 720p, 30 khung hình/giây từ 512 Kb/giây, 4K, 30 khung hình/giây từ 3200 Kb/giây									
■ Độ phân giải video nội dung (đầu vào): UHD(3840 x 2160); HD(1920x1080); WSXGA+ (1680 x 1050); SXGA(1280x1024); HD(1280x720); XGA(1024x768); SXGA+ (1400 x 1050)									
■ Độ phân giải video nội dung (đầu ra): UHD(3840 x 2160); HD(1920x1080); HD(1280x720)									
■ Tốc độ khung hình video: 30 khung hình / giây (độ phân giải lên tới 4K)									
■ Chuẩn video: H.264AVC; Cấu hình cao H.264; H.265; H.264 SVC; H.263; RTV; Che giấu lỗi video H.263; Lỗi video H.264 che giấu; H.239 Polycom People+Nội dung									
■ Chia sẻ nội dung: AppleAirPlay; Miracast; Bảng trắng kỹ thuật số; đầu vào HDMI; USBType-C®									
■ Bảo bảo kỹ thuật số: Không gian ứng dụng: Raydiant; Phòng									
► KẾT NỐI VÀ TRUYỀN THÔNG									
■ Cổng I/O bên ngoài:									
■ 2 tốc độ tín hiệu USBType-A5Gbps									
■ 1 HDMI vào 2.0									
■ 1 dòng trong									
■ 1 dòng ra									
■ 2 Đầu ra HDMI 2.0 (video)									
■ 1 PoE+ 802.3at-class 4 LAN RJ-45									
■ 1 LLN RJ-45									
■ 1 Tốc độ truyền tín hiệu USBType-C® 5Gbps (với Chế độ Alt DisplayPort™ cho đầu vào video)									
■ Khả năng tương tác: Hỗ trợ các ứng dụng gốc của bên thứ 3 bao gồm Zoom, Microsoft Teams, Dialpad, GoToRoom, RingCentral và Tencent									
■ Công nghệ không dây: Không dây 802.11 a/b/g/n/ac/ax; Bluetooth® 5.1; Nhiều đầu vào Nhiều đầu ra									
► ÂM THANH									
■ Tính năng âm thanh:									

SỐ THỨ TỰ	TÊN SẢN PHẨM, ĐẶC TÍNH & THÔNG SỐ KỸ THUẬT	THƯƠNG HIỆU	MODEL	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (VNĐ)	THÀNH TIỀN (VNĐ)	GHI CHÚ	HÌNH ẢNH SẢN PHẨM
	• Điều khiển tự động • Tự động khử tiếng ồn • Giảm tiếng ồn bản phim • Chế độ M • Tiếng ồn Khỏi AI • Giảm phản xạ âm thanh • Loại bỏ tiếng vang thích ứng ngay lập tức • Hàng rào âm thanh • Che giấu lỗi âm thanh • Công nghệ phục hồi tín hiệu bị mất Siren • Stereo Âm thanh • Đồng bộ hóa môi trường âm thanh • Loại micrô: Tối đa ba mảng IPmicrophone • Tiêu chuẩn âm thanh: 22 kHz với công nghệ Polycom Siren 22; 20 kHz với công nghệ G.719 (M-Mode) và Polycom Siren 22; 14 kHz với công nghệ Polycom Siren 14, G.722.1AnnexC; 7 kHz với G.722.1; 3.4 kHz với G.711, G.728, G.729A								
	► CÁC TÍNH NĂNG KHÁC								
	■ Tính năng đặc biệt: Khung loa; Đồng bộ khung người; Đồng bộ khung nhóm; Theo dõi người thuyết trình; Hỗ trợ chu vi DirectorAI								
	► NGUỒN CÁP								
	■ Loại nguồn điện: Bên ngoài ■ Điện áp hoạt động: 50 – 57 V, 30 W (loại 4), 45 W (loại 5), 60 W (loại 6)								
	■ Tính năng nguồn: Cấp nguồn qua Ethernet (PoE+), tương thích với IEEE 802.3at/bt class 4, 5, 6 switch hoặc bộ phân PoE								
	► CHỨNG CHỈ								
	■ Phần mềm cộng tác được chứng nhận: Microsoft Teams; PolyVideo								
	► THUỘC VỀ MÔI TRƯỜNG								
	■ Chứng nhận và tuân thủ: CB; FCC; vi mạch; RCM; VCCI; UL/CSA/CE; TUÂN; UKCA; MIC								
	■ Độ cao vận hành (hệ đo lường Anh) / Độ cao vận hành (hệ mét): 10.000 ft / 3.048 m								
	■ Phạm vi độ ẩm hoạt động: 15 đến 80%								
	■ Phạm vi độ ẩm không hoạt động: 5 đến 95%								
	■ Phạm vi nhiệt độ hoạt động (Celsius) / Phạm vi nhiệt độ hoạt động (Fahrenheit): 0 đến 40°C/ 32 đến 104°F								
	■ Nhiệt độ không hoạt động - Celsius: -40 đến 70 °C								
	■ Nhiệt độ không hoạt động - Fahrenheit: -40 đến 158 ° F								
	■ Thông số kỹ thuật về tác động bền vững: 80% nhựa tái chế sau tiêu dùng; Bao bì có thể tái chế; Ít nhất 20% kim loại tái chế								
	■ Quản lý an ninh: Hỗ trợ 802.1x								
	► Mạng								
	■ Khả năng mạng: IPv4; IPv6; Tự động-MDIX; H.323 và/hoặc SIP lên tới 6 Mbps ở chế độ video PolyApp; Gói bị mất								
	§ Công nghệ phục hồi (LPR); Kích thước MTU có thể cấu hình lại; Hỗ trợ proxy web; cơ bản, tóm tắt và NTLM; 100/1G/2.5G; IP REST&CLAPI ứng hộ; Giao thức đăng ký chứng chỉ đơn giản (SCEP)								
	► ĐẶC ĐIỂM SẢN PHẨM								

SỐ THỨ TỰ	TÊN SẢN PHẨM, ĐẶC TÍNH & THÔNG SỐ KỸ THUẬT	THƯƠNG HIỆU	MODEL	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (VNĐ)	THÀNH TIỀN (VNĐ)	GHI CHÚ	HÌNH ẢNH SẢN PHẨM
	■ Nguồn: Cấp nguồn qua Ethernet (PoE+), tương thích với bộ chuyển mạch IEEE 802.3at/b lớp 4, 5, 6 hoặc đầu phun PoE								
	§ Loại nguồn điện: Bên ngoài								
	§ Tốc độ khung hình video: 30 khung hình / giây (độ phân giải lên tới 4K)								
	§ Cổng: 2 USB Type-A tốc độ truyền tin hiệu suất 5Gbps, 1 đầu vào HDMI 2.0; 1 cổng vào; 1 cổng ra; 2 đầu ra HDMI 2.0 (video); 1 PoE+ 802.3at-class 4 LAN RJ-45; 1 LLN RJ-45; 1 USB Type-C® tốc độ truyền tin hiệu suất 5Gbps (với Chế độ thay thế DisplayPort™ cho đầu vào video)								
	§ Khả năng mạng: IPv4; IPv6; Tự động MDIX; H.323 và/hoặc SIP lên tới 6 Mbps ở chế độ video Poly App; Công nghệ Polycom Lost Packet Recovery (LPR); Kích thước MTU có thể cấu hình lại; Hỗ trợ proxy web; cơ bản, tóm tắt và NTLM; 100/1Gi2.5G; Hỗ trợ API IP REST & CLI; Giao thức đăng ký chứng chỉ đơn giản (SCEP)								
	§ Công nghệ không dây: Không dây 802.11 a/b/g/n/ac/ax; Bluetooth® 5.1; Nhiều đầu vào Nhiều đầu ra (MIMO) 1								
	§ Loại micro: Tối đa ba dây micro IP								
	§ Quản lý bảo mật hỗ trợ 802.1x								
	§ Hệ điều hành tương thích: Android								
	§ Phạm vi nhiệt độ hoạt động: 0 đến 40°C								
	§ Phạm vi nhiệt độ hoạt động: 32 đến 104 ° F								
	§ Phạm vi độ ẩm không hoạt động: 5 đến 95%								
	§ Phạm vi độ ẩm hoạt động: 15 đến 80%								
	§ Chứng nhận và tuân thủ: CB; FCC; vi mạch; RCM; VCCI; UL/CSA; CE; TUVAN; UKCA; MIC								
	§ Thông số kỹ thuật về tác động bền vững: 80% nhựa tái chế sau tiêu dùng; Bao bì có thể tái chế được; Ít nhất 20% kim loại tái chế								
	§ Là bộ CODEC cho hệ thống hội nghị truyền hình trong phòng theo mô-đun có khả năng chạy VideoOS và các ứng dụng gốc của bên thứ ba. Khi ra mắt, Microsoft Teams Rooms và chế độ Poly Video được hỗ trợ.								
	§ Là hệ thống hội nghị truyền hình dựa trên Android với các kết nối HDMI, IP LLN và USB để hỗ trợ các phòng hội nghị tùy chỉnh.								
	§ CODEC được thiết kế với khả năng lắp đặt đơn giản và nguồn PoE+ cấp 4, vì vậy bạn có thể đặt nó phía sau màn hình, dưới bàn hoặc trong giá AV. Hệ thống CODEC hỗ trợ các sản phẩm âm thanh và video Poly qua IP LLN cũng như các sản phẩm của Poly và bên thứ ba sử dụng cổng USB và hệ thống 3,5 mm.								
	► HỆ THỐNG CODEC MẠNG LẠI CHỨC NĂNG SAU CHO KHÔNG GIAN HỘI NGHỊ:								
	■ Những cải tiến về âm thanh như NoiseBlock AI								
	■ Giảm phản xạ âm thanh								
	■ Theo dõi và định khung camera của DirectorAI								
	■ Công mạng thứ hai có thể cấu hình cho các phụ kiện								
	■ Video 4K màn hình kép								
	■ Cài đặt linh hoạt với quản lý cáp								
	■ Cổng USB-C DP Alt Mode cho chế độ nội dung và thiết bị								
	■ Chia sẻ nội dung không dây bằng Airplay hoặc Miracast								
	► CÔNG HỆ THỐNG CODEC								

SỐ THỨ TỰ	TÊN SẢN PHẨM, ĐẶC TÍNH & THÔNG SỐ KỸ THUẬT	THƯƠNG HIỆU	MODEL	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (VNĐ)	THÀNH TIỀN (VNĐ)	GHI CHÚ	HÌNH ẢNH SẢN PHẨM
	■ Đầu ra 3,5 mm: Kết nối loa với hệ thống. ■ Đầu vào 3,5 mm: Kết nối micro với hệ thống. ■ Cổng USB loại A (3.0): Kết nối camera USB hoặc DSP âm thanh USB. ■ Đầu vào HDMI: Cung cấp các tùy chọn sau: Kết nối nguồn nội dung HDMI hoặc camera HDMI. Sử dụng màn hình hệ thống khi kết nối với cổng HDMI của máy tính. Cung cấp khả năng chia sẻ nội dung. ■ Cổng USB Type-C: Cung cấp các tùy chọn sau: Sử dụng camera, loa và micro hệ thống từ máy tính xách tay được kết nối. Sử dụng camera, loa, micro và màn hình của hệ thống bằng kết nối chế độ DP Alt. Yêu cầu cáp chế độ Alt DP được hỗ trợ và máy tính có cổng USB Type-C hỗ trợ chế độ Alt DP. ■ Pinhole reset: Khởi phục cài đặt gốc cho hệ thống. ■ HDMI 2: Kết nối màn hình phụ. ■ HDMI 1: Kết nối màn hình chính. ■ Cổng LLN: Kết nối các thiết bị ngoại vi IP như micro Poly IP hoặc camera Poly IP. Cổng này không cung cấp năng lượng. Cần có công tắc PoE hoặc bộ phun PoE để cấp nguồn cho các thiết bị ngoại vi IP được kết nối với cổng LLN. ■ Đầu vào nguồn PoE+: Cấp nguồn cho hệ thống CODEC bằng cách sử dụng bộ phun PoE+ cấp 4 hoặc công tắc PoE+. Cung cấp quyền truy cập vào mạng công ty. ■ Khóa bảo mật: Bảo mật vật lý hệ thống.								
29	Bộ cấp nguồn cho bộ Mô-dun codec, kèm dây nguồn và CAT-5	POLY	85X03AA	Chiếc	1	4,700,000	4,700,000 (USA/Asia)		
30	Bluetooth Remote Control đồng bộ với bộ Module- CODEC	POLY	874R8AA	Chiếc	1	8,500,000	8,500,000 (USA/Asia)		

SỐ THỨ TỰ	TÊN SẢN PHẨM, ĐẶC TÍNH & THÔNG SỐ KỸ THUẬT	THƯƠNG HIỆU	MODEL	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (VNĐ)	THÀNH TIỀN (VNĐ)	GHI CHÚ	HÌNH ẢNH SẢN PHẨM
31	Dịch vụ hỗ trợ Video Conferencing System	POLY	U86WDPV	1 Chiếc/ 1 Năm	1	46,600,000	46,600,000 (Asia)		
V	BỘ ĐIỀU KHIỂN CAMERA								
32	BÀN PHÍM KIỂM SOÁT NHIỆM VỤ - ĐIỀU KHIỂN CAMERA PTZ	KT	Mission Control Keyboard	Chiếc	1	45,800,000	45,800,000 (Designed in USA/ Ráp Asia)		
	► ĐẶC ĐIỂM & CHỨC NĂNG								
	■ Hỗ trợ nhiều cổng điều khiển: LAN, RS232, RS422, và RS485.								
	■ Hỗ trợ nhiều giao thức điều khiển: Visca Serial, PELCO-P, PELCO-D, VISCA qua IP, VISCA TCP, VISCA UDP, ONVIF, NDI, v.v..								
	■ Nhiều máy ảnh có thể được điều khiển thông qua một bàn phím và một máy ảnh cứng có thể được điều khiển thông qua nhiều bàn phím.								
	■ Điều chỉnh cần điều khiển bốn chiều để cho phép điều khiển chuyển động của máy quay video PTZ một cách trơn tru và linh hoạt.								
	■ Với màn hình OLED 3,12 inch để hiển thị tất cả các thông tin cài đặt.								
	■ Hỗ trợ thiết lập các mức quyền hoạt động khác nhau thông qua menu OSD.								
	■ Các phím bấm hỗ trợ đèn nền, cho phép người dùng lựa chọn đèn nền tự động trong môi trường thiếu sáng hoặc tối.								
	■ Hỗ trợ thiết lập, chạy hoặc xóa cài đặt trực tiếp.								
	■ Hỗ trợ chức năng chuỗi daisy.								
	■ Hỗ trợ cài đặt menu OSD của máy ảnh.								
	■ Hỗ trợ tiêu chuẩn POE (Nguồn qua Ethernet).								
	■ Hỗ trợ tới 7 nút điều khiển tắt camera, giúp điều khiển camera thuận tiện và nhanh chóng, cải thiện tốc độ chuyển đổi giữa nhiều camera.								
	■ Hỗ trợ kết nối mạng RJ45 thích ứng 10M, 100M, 1000M.								
	■ Cổng điều khiển RJ45, RS232, RS422, RS485								
	■ RJ45: Cổng Ethernet, POE (IEEE802.3af)								
	■ RS232 DB9 Đầu đực								
	■ RS422 3.81 Đầu nối khoảng cách, T +, T-, R +, R-								

SỐ THỨ TỰ	TÊN SẢN PHẨM, ĐẶC TÍNH & THÔNG SỐ KỸ THUẬT	THƯƠNG HIỆU	MODEL	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (VNĐ)	THÀNH TIỀN (VNĐ)	GHI CHÚ	HÌNH ẢNH SẢN PHẨM
	■ RS485 3.81 Thiết bị đầu cuối khoảng cách, T + T- ■ Giao thức điều khiển VISCA SerialPELCO-P, PELCO-D, VISCA qua IP, VISCA TCP, VISCA UDP, ONVIF, NDI ■ Năng cấp cổng Type-C ■ Màn hình LCD Màn hình OLED 3,12 inch, ánh sáng xanh, 256 * 64 pixel ■ Nguồn làm việc 12V, 1A ■ Nhiệt độ làm việc -10 độ C ~ 50 độ C ■ Độ ẩm làm việc 20% ~ 80% ■ Nhiệt độ bảo quản -20 độ C ~ 60 độ C ■ Độ ẩm lưu trữ 0 ~ 90% ► GIAO DIỆN ■ Giao diện RS232 ■ Giao diện RS485 ■ Giao diện mạng ■ Cổng điều khiển ■ Màn hình hiển thị ■ Cổng tắc quay số ■ Hiển thị ■ Địa chỉ máy ảnh ■ Giao thức ■ Địa chỉ IP ■ Kết nối trạng thái ■ Chế độ thủ công ■ Giá trị Rgain ■ Điều khiển Trò lại ■ Lấy nét gần/xạ ■ Hướng điều khiển ■ Tốc độ trái và phải của PT ■ Tốc độ lên xuống của PT ■ Cài đặt máy ảnh ■ Camera Bán phim có thể thiết lập 7 địa chỉ: CAM1~CAM7 ■ Giao thức: VISCA Serial, Pelco-P, Pelco-D, VISCA qua IP, VISCA TCP, VISCA UDP, ONVIF, NDI (tùy chọn) ■ IP Addr/Address: Thiết lập địa chỉ IP camera hoặc địa chỉ camera. ■ Cổng/Bundrate: ● Đặt cổng hoặc tốc độ truyền. ● Số cổng mặc định cho từng giao thức IP: ● ONVIF: 8000, NDI: 5961, VISCA: 52381 ■ Cài đặt PTZ ■ Pan Reverse: Có thể chuyển đổi hướng điều khiển bán phim trái và phải. ■ Tilt Reverse: Có thể chuyển đổi hướng lên xuống của điều khiển bán phim. ■ Preset PT Spd: Cài đặt tốc độ PT cài sẵn ■ Preset Z Spd: Cài đặt sẵn tốc độ Zoom ■ Tốc độ lấy nét: Đặt độ nhạy lấy nét								
W	Màn hình tương tác - S4 Series								

SỐ THỨ TỰ	TÊN SẢN PHẨM, ĐẶC TÍNH & THÔNG SỐ KỸ THUẬT	THƯƠNG HIỆU	MODEL	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (VNĐ)	THÀNH TIỀN (VNĐ)	GHI CHÚ	HÌNH ẢNH SẢN PHẨM
33	MÀN HÌNH TƯƠNG TÁC 86 inch	SUN	X-series S4 model (X086A-F)	Chiếc	2	153,800,000	307,600,000	(China)	
	ĐẶC TRUNG								
	■ Zero bonding								
	■ Hỗ trợ Chiều Màn Hình NFC								
	■ Âm thanh và Video Chất Lượng: Camera 48 MP AI nhúng và 8 micro mảng, hội nghị truyền hình "mắt đối mắt".								
	■ Thiết Kế Nhàn Bàn: giao diện và nắp bảo vệ nút, chế độ bảo vệ mắt thông minh và chức năng nửa màn hình.								
	■ Thông số kỹ thuật vật lý:								
	● Kích thước (chiều dài * chiều rộng * độ dày kim loại trần): 1949,7L * 1169,6W * 94H								
	● Vật liệu ngoại hình: Bạc + đen, hợp kim nhôm								
	■ Kinh: Tính chất bề mặt: Chống chói AG cường lực hoàn toàn, Độ cứng: Mohs 7								
	■ Màn hình:								
	● Độ phân giải: 3840*2160.								
	● Đèn nền: DLED.								
	● Tỷ lệ phủ màu: 72% (NTSC)								
	● Diện tích hiển thị (H*V): 1895.04mm (H) x 1065.96mm (V)								
	● Tỷ lệ khung hình: 16:9								
	● Tỷ lệ tương phản: 4000:1								
	● Độ sáng với kính: 350cd/m130 (điểm trung tâm)								
	● Màu hiển thị: 1.07G								
	● Góc nhìn: 178 độ (H)/178 độ (V)								
	■ Nguồn điện:								
	● Nguồn điện: AC: 110-240V								
	● Công suất tiêu thụ: S320W								
	● Công suất chờ: <0.5W								
	■ Điều kiện môi trường:								
	● Nhiệt độ hoạt động: 0-40 độ C								
	● Nhiệt độ lưu trữ: -20-50 độ C								
	● Độ ẩm hoạt động: <90%								
	● Độ ẩm lưu trữ: <90%								
	■ Hệ thống cảm ứng:								
	● Loại cảm biến: Nhận dạng hồng ngoại								
	● Điểm cảm ứng: Tối đa 40 điểm								
	● Thời gian phản hồi (điểm đầu tiên): <7ms								
	■ Truyền/chiếu màn hình không dây: Khả năng tương thích: Hỗ trợ								
	■ Giao diện:								
	● Giao diện I/O (mặt trước): Type-c x 2, Touch USB x 1, USB3.0 x 3, HDMI x 1								

SỐ THỨ TỰ	TÊN SẢN PHẨM, ĐẶC TÍNH & THÔNG SỐ KỸ THUẬT	THƯƠNG HIỆU	MODEL	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (VNĐ)	THÀNH TIỀN (VNĐ)	GHI CHÚ	HÌNH ẢNH SẢN PHẨM
	• Giao diện I/O (mặt sau): MIC IN*1, HDMI IN*2, RS232*1, SPDIF out*1, EarPhone*1, RJ45*1, TOUCH USB*1, Android USB2.0*1, PUB.USB2.0*1 • Giao diện OPS:80PIN ■ Nút: Nút mặt trước: Home, Eye care, Source, Touch, Vol+, Vol-, PC, Customized ■ Hệ điều hành: • CPU: Quad-core ARM Cortex-A55 1.9Hz • GPU: Mali-G52 MP2 • RAM: 8G (có thể đặt hàng tùy chọn cấu hình) • ROM: 128G (có thể đặt hàng tùy chọn cấu hình) • Android: Android 13.0 • Card không dây: Băng tần 2,4 GHz/5 GHz ■ AV: • Camera: 1600 W • Micro: 8 màng micro • Loa: 15 W * 4 + 30 W ■ Phụ kiện: • Dây nguồn: 1 CÁI • Điều khiển từ xa: 1 CÁI • Hướng dẫn sử dụng: 1 (phiên bản kỹ thuật số) • Thẻ bảo hành & chứng nhận hợp quy: 1 CÁI • Bút viết: 1 CÁI • Giá đỡ treo tường (có bộ cài đặt): 1 ■ CÁC TỰ CHỌN • OPS: (tùy chọn) • Bút thông minh: (tùy chọn) • Chân đế di động: (tùy chọn) • Máy chiếu màn hình không dây: (tùy chọn) • Máy quét tài liệu: (tùy chọn)								
X	OPS								
34	OPS i5-Gen12, 8+256GB, Windows	SUN	OPS i5-Gen12, 8+256GB, Windows	Chiếc	2	39,300,000	78,600,000	(China)	
Y	CHÂN - GIÁ TREO MÀN HÌNH - PHỤ KIỆN								

SỐ THỨ TỰ	TÊN SẢN PHẨM, ĐẶC TÍNH & THÔNG SỐ KỸ THUẬT	THƯƠNG HIỆU	MODEL	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (VNĐ)	THÀNH TIỀN (VNĐ)	GHI CHÚ	HÌNH ẢNH SẢN PHẨM
35	Giá đỡ di động, 1610*1711*750mm, Phù hợp với 86" inch	SUN	Mobile Stand	Chiếc	2	10,000,000	20,000,000	(China)	
2	DOCUMENT CAMERA								
36	Máy quét camera gấp - Máy quét tài liệu cầm tay Máy quét sách OCR Visual	SUN	ZT-05	Chiếc	2	10,000,000	20,000,000	(China)	
	Máy quét camera gấp - Máy quét tài liệu cầm tay Máy quét sách OCR Visual								
	■ Máy quét A3 A4 tốc độ cao: 392*428,2*216mm (mở rộng), 392*70*138mm (đóng) ■ Sử dụng camera 28 triệu điểm ảnh và ống kính sử dụng ống kính cảm quang CMOS chuyên nghiệp ≥1/2.5 inch. ■ Toàn bộ máy đi kèm với đèn LED mặt nạ đồng nhất ■ Sử dụng nguồn điện năm viên USB để cấp nguồn trực tiếp và hỗ trợ đầu ra kỹ thuật số thuận tùy USB. ■ Hỗ trợ khẩu độ tự động, cân bằng trắng tự động, phơi sáng tự động.								
ZA	BỘ LỌC NHIỀU NGUỒN & CẤP NGUỒN AN TOÀN								
36	Bộ điều hòa điện cao cấp (lọc nhiều nguồn & cấp nguồn an toàn), tính năng khởi động từ xa	6 SIGMA	PS-SPPCR-1216-RT	Chiếc	2	65,100,000	130,200,000	(Asia)	
	►TÓM TẮT ĐẶC ĐIỂM CHÍNH SẢN PHẨM								
	■ Chứng nhận A-1-1. - o Hàng A là độ bền tốt nhất - 1.000 lần tăng 6.000 Volts / 3.000 Amps mà không bị suy giảm.								

SỐ THỨ TỰ	TÊN SẢN PHẨM, ĐẶC TÍNH & THÔNG SỐ KỸ THUẬT	THƯƠNG HIỆU	MODEL	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (VNĐ)	THÀNH TIỀN (VNĐ)	GHI CHÚ	HÌNH ẢNH SẢN PHẨM
	o Loại 1 chỉ định mức triệt tiêu điện áp tốt nhất là 330 Volts cho mức tăng 6.000 Volts / 3.000 Amps.								
	o Chế độ 1 là triệt tiêu Line to Neutral (L-N). Điều này tránh làm nhiệm vụ dẫn điện nối đất và được khuyến nghị cho các thiết bị được kết nối với nhau.								
	■ Sức bền: > 500.000 @ 1KV; >10.000 lần @ 3KV; > 1000 lần @ 6KV								
	■ 10 cổng IEC C13. Tổng tải: 16Amps								
	► CÁC CÔNG NGHỆ BẢO VỆ								
	■ Công nghệ bảo vệ nguồn giúp loại bỏ hoàn toàn năng lượng tăng áp (đốt biến điện áp / shock điện áp) lên đến 6000V mà không tạo ra các tác dụng phụ có hại như ô nhiễm đất hoặc nhiễu loạn chế độ thông thường có thể làm giảm hiệu suất của hệ thống AV								
	■ Công nghệ không chứa các thành phần MOV phải hy sinh khi đối mặt các đột biến điện áp ngộ vào như các công nghệ thông thường có MOV. (Công nghệ MOV / MOV-Hybrid với việc loại bỏ nhiễu vào đất có thể tạo ra nguy cơ an toàn và có thể gây nguy hiểm đến tính mạng).								
	■ Công nghệ Ngắt điện áp quá mức thâm khốc: Ngắt điện ngộ ra bảo vệ thiết bị khi điện áp ngộ vào dưới ngưỡng thấp, hoặc vượt quá ngưỡng cao								
	■ Công nghệ Loại bỏ dòng điện khởi động (đốt biến dòng): cung cấp khả năng "bật nhẹ" Soft On để ngăn chặn các sự cố hiện tại liên quan đến hệ thống đa thành phần có công suất cao.								
	■ Công nghệ bộ lọc EMI / RFI có tính năng chịu đựng phạm vi trở kháng (EMI/RFI Tolerance Impedance) của nguồn và tải bất kỳ (để lọc nhiễu EMI/RFI trên bộ lọc nguồn AC cần có 2 bộ lọc riêng biệt về mặt vật lý, bộ lọc chế độ bình thường & bộ lọc chế độ chung):								
	• Chế độ Normal (Chế độ bình thường – Nhiều tần số thấp có xu hướng ở chế độ bình thường, những nhiễu này nằm giữa dây Line và dây Trung tính)								
	• Chế độ Common (Chế độ chung yêu cầu 1 cuộn cảm đặc biệt, hoặc cuộn cảm tương hỗ – Nhiều rối loạn tần suất truy cập cao hơn có xu hướng ở chế độ common, những nhiễu này nằm giữa cả dây Line + dây trung tính và dây nối đất)								
	► Tính năng bật từ xa:								
	■ Với các tính năng:								
	• Công tắc đóng mở,								
	• Cấp nguồn cho đèn LED chỉ báo,								
	• Công tắc relay (Remote Control Connector 7 pins, đèn LED báo, Auxiliary Relay Contacts)								
	► Nhiều đơn vị có thể xếp tầng (để được điều khiển khởi động).								
	► Bộ ngắt mạch nhiệt, Bảo vệ quá nhiệt								
	► Mạch tự kiểm tra với đèn báo trực quan								
	• Có chức năng Đèn báo phân cực: khi dây line và trung tính bị ngược								
	• Có chức năng Đèn báo nguồn vào được cấp								
	• Có chức năng Đèn báo tự kiểm tra: cho biết nguồn điện là được cung cấp cho thiết bị và mạch bảo vệ chống sét lan truyền bên trong có đầy đủ chức năng.								

SỐ THỨ TỰ	TÊN SẢN PHẨM, ĐẶC TÍNH & THÔNG SỐ KỸ THUẬT	THƯƠNG HIỆU	MODEL	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (VNĐ)	THÀNH TIỀN (VNĐ)	GHI CHÚ	HÌNH ẢNH SẢN PHẨM
	• Có chức năng Đèn báo bảo vệ điện áp trên / dưới: chỉ ra rằng điện áp nguồn dưới 190 Vôn hoặc trên 280 Vôn. • Có chức năng Đèn báo khi sử dụng tình năng điều khiển từ xa.								
	► THÔNG SỐ KỸ THUẬT:								
	■ Công suất tải: 16A								
	■ Điện áp danh định dây line với dây trung tính U0 (V): 240V								
	■ Max mức điện áp hoạt động Ue (V): 275VAC								
	■ Cấp bảo vệ điện áp Lên (V): 1kV								
	■ Tới đa dòng điện ngắn hạn. (Isc): 3kA								
	■ Điện áp mạch hở (Uoc): 8kV								
	■ Đặc tính TOV (UT): TOV chịu được. tT = 5s, UT = 335V.								
	■ Mức độ bảo vệ (IP): IP20								
	■ Thiết bị ngắt kết nối: Cắm								
	■ Hệ thống cung cấp điện áp dụng: TN TT IT								
	■ Đèn báo phân cực (gắn dây cung cấp): Sàng: sai; Tắt: đúng								
	■ Vị trí: Trong nhà								
	■ Quy định điện áp: ≤ 1%								
	■ Kiểu outlet ngõ ra: EU Type (IEC13)								
	■ Số lượng outlet ngõ ra: IEC13 x 11 ngõ ra, mỗi ngõ ra có đa chịu tải 10A, Tổng tải 16A cho toàn bộ các ngõ ra.								
	■ Kiểu phích cắm ngõ vào Main: EU Type (CEE7/7)								
	■ Dây điện 3 lõi (có lõi tiếp đầu dài 2.44m, 3Cx1.5mm ²								
	■ Điện áp cho phép tăng (khi có đột biến điện áp vào 6000 Volts): 0 Volts								
	■ Chập nhận điện áp đột biến ngõ vào: 6000 Volts *								
	■ Công nghệ bộ lọc EMI / RFI có tính năng chịu đựng phạm vi trở kháng (EMI/RFI Tolerance Impedance)								
	• Chế độ Normal (Chế độ bình thường – Nhiều tần số thấp có xu hướng ở chế độ bình thường, nhưng nhiều nảy nằm giữa dây Line và dây Trung tính) (tải 50 Ω):								
	• 40dB @ 100kHz;								
	• 50dB @ 300kHz;								
	• 50dB @ 3MHz;								
	• 50dB @ 30MHz								
	• Chế độ Common (Chế độ chung yếu cầu 1 cuộn cảm đặc biệt, hoặc cuộn cảm tương hỗ – Nhiều rối loạn tần suất truy cấp cao hơn có xu hướng ở chế độ common, những nhiễu này nằm giữa cả dây Line + dây trung tính và dây nối đất) (tải 50 Ω):								
	• 18dB @ 300kHz;								
	• 30dB @ 1MHz;								
	• 50dB @ 5MHz;								
	• 50dB @ 20MHz								
	■ Chuẩn Rack 19 inch – 1U, tương thích với các hệ thống IT, AV, Pro Sound đặt trong tủ rack 19 inch								
	■ Range nhiệt độ: -40 độ C đến +35 độ C								
	■ Range độ ẩm: 30% đến 90% RH không ngưng tụ								
	■ Khung thép sơn chống nhiễu từ tính								
ZB	POWER DISTRO								

SỐ THỨ TỰ	TÊN SẢN PHẨM, ĐẶC TÍNH & THÔNG SỐ KỸ THUẬT	THƯƠNG HIỆU	MODEL	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (VNĐ)	THÀNH TIỀN (VNĐ)	GHI CHÚ	HÌNH ẢNH SẢN PHẨM
37	Power distro dạng chuẩn rack 19 inch, 12 Ch x 4KW, 12 CB tếp ■ Màn hình LCD và các nút điều khiển chức năng. ■ Ba chế độ điều khiển: ● Giao thức tín hiệu DMX512 quốc tế. ● ART-NET giao thức mạng chiếu sáng, giao thức tùy chỉnh điều khiển thông minh; ● Có thể được điều khiển trong thời gian thực thông qua điều khiển thông minh hỗ trợ hệ thống thông qua App; ● Cũng có thể bật tắt thủ công từng mạch điện thông qua phím vật lý của tủ điện hoặc vận hành theo hướng dẫn công việc trong thời gian thực trên bảng điều khiển ánh sáng; Trạng thái bật tắt ban đầu của mỗi mạch có thể được cài đặt độc lập ■ Nguồn điện: AC380V ba pha ± 10%, tần số 50Hz ± 5%. ■ Công suất định mức: 12CH * 4KW; Có thể áp dụng cho bất kỳ tải nào. ■ 12 CB tếp ■ Bảo vệ quá tải và ngắn mạch kép, công tắc ngắt khí cao ■ 12 Đầu ra phích cắm bakelite 40A ■ Tích hợp 12 rơle có điều khiển từ xa, rơle được kích hoạt ngay lập tức bằng vật liệu mạ niken đồng chất lượng cao ■ Ba bảng giám sát dòng điện và điện áp độc lập ■ 2 cổng RJ45, 2 cổng XLR điều khiển DMX ■ Chuẩn rack 19 inch, 3U, vỏ kim loại chống nhiễu, sơn tĩnh điện	6 SIGMA	PI-ELEC-12	Chiếc	1	27,800,000	27,800,000	(Asia)	
38	Màn hình LCD 27" 27UP600 (3840 x 2160/IPS/60Hz/5 ms/FreeSync)	LG	SKU: 210400406	Chiếc	5	6,900,000	34,500,000	Thương hiệu: LG L Ráp/ SX: Asia / VN	
P51A	CHUYÊN MẠCH MẠNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN IT & AV								

SỐ THỨ TỰ	TÊN SẢN PHẨM, ĐẶC TÍNH & THÔNG SỐ KỸ THUẬT	THƯƠNG HIỆU	MODEL	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (VNĐ)	THÀNH TIỀN (VNĐ)	GHI CHÚ	HÌNH ẢNH SẢN PHẨM
39	12x2.5G and 2xSFP+ Managed Switch	NETGEAR (USA)	MSM4214X	Chiếc	1	51,100,000	51,100,000	Thương hiệu: NETGEAR (USA) Lắp / sx: China	
	THÔNG SỐ KỸ THUẬT:								
	• 12 cổng 100/1000/2.5GBASE-T (RJ45)								
	• 2 cổng 1000/10GBASE-X (SFP+)								
	• Vài không chặn 100 Gbps trên 14 cổng								
	• Cổng quản lý Ethernet 1G ngoài băng tần								
	• Cổng điều khiển USB-C và RJ45 RS232 và cổng lưu trữ USB-A								
	• Bảng hiển thị màu đen phía trước và tất cả các cổng ở phía sau								
	• Có thẻ lắp ngược với các cổng ở phía trước								
	• Giá đỡ tiêu chuẩn gắn trên giá đỡ								
	• Giá đỡ dài hơn để lắp chìm (2 inch / 5 cm)								
	• Lỗ ren ở phía trước (1xM70) để kẹp								
	• Lỗ ren ở phía dưới (4xM5) cho tấm VESA 50x100mm								
	• Chế độ quét có thể lựa chọn để hoạt động không quét, yên tĩnh hoặc mất								
	ĐIỂM NỔI BẬT								
	• Tính năng AV mở rộng								
	• GUI dựa trên web AV chuyên dụng giao diện cho AV cụ thể hơn cài đặt								
	• Cấu hình AV dựa trên màu sắc có thể được áp dụng cho các cổng khác nhau								
	• Âm thanh Dante, Q-SYS, AES67 và AVB								
	• NVX, SVSI, Q-SYS, NDI và Dante video								
	• Cấu hình hỗn hợp âm thanh / video / điều khiển								
	• Lớp 2 và lớp 3 chung chuyển đổi động cơ trên tất cả mô hình SWITCH								
	• Tích hợp sẵn GUI web CNTT, bảng điều khiển, telnet và SSH phù hợp với các								
	• Được phát triển và được thiết kế cho các chuyên gia âm thanh/video với sự phục vụ và hỗ trợ tận tình.								
	• Bộ giải mã AV thường sử dụng 10Gbps hoặc 10Gbps cho mỗi luồng.								
	• Switch được cấu hình sẵn cho tín hiệu âm thanh và video tiêu chuẩn.								
	• Khi yêu cầu cụ thể hơn, giao diện người dùng AV cung cấp khả năng tùy chỉnh với các cấu hình dựa trên cổng. Đối với âm thanh, Cấu hình Dante, Q-SYS, AES67 và AVB có sẵn. Đối với video M4250 cung cấp hồ sơ cho NVX, AMX, Q-SYS, NDI, Dante v.v. cũng như hỗn hợp âm thanh/video/điều khiển hồ sơ. Khi sử dụng nhiều Switch, mang đến sự tự động hóa để bạn chỉ cần kết nối chúng lại với nhau.								
	ĐIỂM NỔI BẬT								
	Tính năng AV mở rộng								

SỐ THỨ TỰ	TÊN SẢN PHẨM, ĐẶC TÍNH & THÔNG SỐ KỸ THUẬT	THƯƠNG HIỆU	MODEL	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (VNĐ)	THÀNH TIỀN (VNĐ)	GHI CHÚ	HÌNH ẢNH SẢN PHẨM
	- GUI dựa trên web AV chuyển dụng giao diện cho AV cụ thể hơn cài đặt - Cấu hình AV dựa trên màu sắc có thể được áp dụng cho các công khác nhau - Âm thanh Dante, Q-SYS, AES67 và AVB hỗ trợ - NVX, SVSI, Q-SYS, NDI và Dante hỗ trợ video - Cấu hình hỗn hợp âm thanh / video / điều khiển - Tự động chuyển đổi kết nối với Auto-Trunk, Auto-LAG và IGMP Plus - Lớp 2 và lớp 3 chung chuyển đổi động cơ trên tất cả mô hình cùng series - Tích hợp sẵn GUI web CNTT, bảng điều khiển, telnet và SSH - Bộ tính năng bao gồm tính, RIP và PIM định tuyến, DHCP Server và PTPv2 Dịch vụ kết nối âm thanh video (AVB) - AVB là một trong nhiều tính năng được thiết kế thành dòng sản phẩm M4250 - AVB là tiêu chuẩn công nghiệp dành cho vận chuyển nội dung qua mạng - AVB được sử dụng thường xuyên nhất khi rất cần có độ trễ thấp, chẳng hạn như trong video trực tiếp - màn trình diễn khi hát nhép là rất quan trọng. Các trường hợp sử dụng CNTT khác - Gắn tiêu chuẩn hoặc lắp chìm với tất cả các cổng ở phía sau hoặc tất cả các cổng ở phía trước - Nền tảng L2/L3/L4 đầy đủ tính năng dành cho mạng lưới khuôn viên doanh nghiệp cỡ trung bình, IoT và IPTV Quản lý tiêu chuẩn ngành								
ZD	WIRELESS ACCESS POINT								
40	Điểm truy cập trong nhà	RUCKUS	Ruckus R550	Chiếc	2	14,600,000	29,200,000	RUCKUS (USA) Lắp ráp PRC	
	Điểm truy cập trong nhà Wi-Fi 6 2x2:2 tầm trung với tốc độ tối đa 1,8 Gbps và IoT nhưng								
	► Tính năng của Điểm truy cập trong nhà - Điểm truy cập (AP) với công nghệ Wi-Fi 6 (802.11 ax) băng tần kép, hỗ trợ bốn luồng không gian (2x2:2 ở 2,4 GHz/5 GHz), hỗ trợ tốc độ dữ liệu đỉnh lên tới 1774 Mbps và quản lý hiệu quả tới 512 kết nối máy khách. - Giảm thiểu nhiễu và mở rộng phạm vi phủ sóng với công nghệ beam-forming thích ứng sử dụng nhiều mẫu beam-forming hướng - Phục vụ nhiều thiết bị hơn - Kết nối nhiều thiết bị cùng lúc với bốn luồng không gian và radio băng tần kép 2,4/5 GHz đồng thời trong khi nâng cao hiệu suất thiết bị								

SỐ THỨ TỰ	TÊN SẢN PHẨM, ĐẶC TÍNH & THÔNG SỐ KỸ THUẬT	THƯƠNG HIỆU	MODEL	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (VNĐ)	THÀNH TIỀN (VNĐ)	GHI CHÚ	HÌNH ẢNH SẢN PHẨM
	■ Điểm truy cập hội tụ - Cho phép khách hàng loại bỏ các mạng bị cô lập và hợp nhất các công nghệ Wi-Fi và IoT thành một mạng duy nhất ■ Tự động hóa thông lượng tối ưu - Công nghệ kênh động sử dụng máy học để tự động tìm các kênh ít tắc nghẽn nhất ■ Giảm chi phí cáp và cấu hình lưới phức tạp bằng cách tích vào hộp với công nghệ lưới không dây Mesh để tạo mạng lưới lưới tự hình thành và tự phục hồi một cách linh hoạt ■ Hỗ trợ các dịch vụ ngoại Wi-Fi, phần mềm bảo mật và tích hợp, công cụ định vị Wi-Fi và phân tích								
	► Thông số kỹ thuật chung: ■ Mẫu ứng-ten, theo từng băng tần: 64 ■ Độ lợi ăng-ten: Lên đến 3 dBi ■ Chùm tia linh hoạt: Đúng ■ Người dùng đồng thời: 512 ■ Hỗ trợ bộ điều khiển: có ■ Công Ethernet: 2x1GbE ■ Hỗ trợ IoT: có ■ Số lượng Radio: Radio kép ■ PD-MRC: Đúng ■ Tốc độ PHY ở 2,4 GHz, tối đa: 574 Mb/giây ■ Tốc độ PHY ở 5 GHz, tối đa: 1200 Mb/giây ■ Tỷ lệ PHY tối đa kết hợp: 1774 Mb/giây ■ Chuỗi và Luồng Radio: 2x2:2 ■ Độ nhạy Rx ở 2,4 GHz: -97 dBm ■ Độ nhạy Rx ở 5 GHz: -97 dBm ■ Lưới thông minh: Đúng ■ USB: USB 2.0 ■ Các băng tần Wi-Fi được hỗ trợ: 2,4 GHz 5 GHz ■ Thẻ hệ Wi-Fi: Wi-Fi 6 ■ Tiêu chuẩn giao diện Wi-Fi: Chuẩn IEEE 802.11a/b/g/n/ac/ax								
ZE	BỘ LƯU ĐIỆN								
41	Bộ lưu điện 10 KVA – 1:1 PHASE - ONLINE UPS	MAKELSAN	POWERPACK SE RT 10KVA	Chiếc	3	83,700,000	251,100,000	Thương hiệu: MAKELSAN R&D - Design in Turkey CO / SX: Turkey	
	10 KVA – 1:1 PHASE - ONLINE UPS								
	■ Loại VFI – USP Online								
	■ Thấp								
	■ Hệ số công suất PF=0.9								
	■ Dịch vụ								
	► ĐẶC TRUNG								
	■ Tần suất cao và chuyển đổi kép thực sự								
	■ Công nghệ DSP (Bộ xử lý tín hiệu số)								

SỐ THỨ TỰ	TÊN SẢN PHẨM, ĐẶC TÍNH & THÔNG SỐ KỸ THUẬT	THƯƠNG HIỆU	MODEL	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (VNĐ)	THÀNH TIỀN (VNĐ)	GHI CHÚ	HÌNH ẢNH SẢN PHẨM
	- Hiệu chỉnh hệ số công suất đầu vào (PFC) - Dải điện áp đầu vào rộng (110~300V) - Hệ số công suất đầu ra 0,9 - Khởi động nguội - Tần số cảm biến tự động - Vận hành ở Chế độ ECO để tiết kiệm năng lượng - Có thể lựa chọn điện áp đầu ra qua màn hình LCD - Có sẵn chế độ chuyển đổi tần số 50Hz/60Hz - Có thể lựa chọn điện áp thấp pin qua màn hình LCD - Tự kiểm tra khi bật nguồn - Quản lý pin năng cao (ABM) - Bảo vệ ngắn mạch và quá tải - Tự động sạc ắc quy ở chế độ tắt UPS - Tự động điều khiển tốc độ quạt khi tải thay đổi - Cổng giao tiếp RS232 tiêu chuẩn - Cổng giao tiếp USB/SNMP (Tùy chọn) - Tắt nguồn khẩn cấp (EPO) (Tùy chọn) - Ngăn hàng pin mở rộng (Tùy chọn) - Bộ qua thủ công - Song song dự phòng N+X (Tùy chọn)								
	► SPECIFICATIONS: - Công suất điện: 10kVA / 9000W - ĐẦU VÀO - Điện áp liên quan: 208V / 220V / 230V / 240 VAC - Dải điện áp: Nửa tải (110-300) ±5 VAC, Toàn tải (160-300) ±5 VAC - Tần số: 40 ~ 70 Hz (Cảm biến tự động) - Hệ số công suất: >0,99 - Dải điện áp bỏ qua: 160V - Điện áp đầu ra đỉnh mức +32V - OUTPUT - Dải điện áp: 208V / 220V / 230V / 240 VAC (Cài đặt khả dụng qua LCD) - Điều chỉnh điện áp: ±1% - Tần số: 45 ~ 55 Hz hoặc 55 ~ 65 Hz (Dải đồng bộ); 50/60 Hz ±0,1 Hz (Chế độ pin) - Dạng sóng: Sóng hình sin thuần túy - Hệ số đỉnh: 3:1 - Biến dạng sóng hài: <2% (Tải tuyến tính); <5% (Tải phi tuyến tính) - Thời gian chuyển: Chế độ AC sang Chế độ pin: 0ms - Chế độ biến tần sang Chế độ bỏ qua: 0ms - Khả năng quá tải: 105% ~ 125%: Chuyển sang Bypass sau 3 phút 125% ~ 150%: Chuyển sang Bypass sau 30 giây >150%: Chuyển sang Bypass sau 100ms								
	- HIỆU QUẢ - Chế độ AC: >92% - Chế độ TIẾT KIỆM: >98% - PIN - Điện áp DC: 192V-240V - Pin sẵn có: 16-20 x 7-9Ah - Dòng sạc: Model tiêu chuẩn: 1A; Model thời gian dài: 1A / 3,5A / 7A								

SỐ THỨ TỰ	TÊN SẢN PHẨM, ĐẶC TÍNH & THÔNG SỐ KỸ THUẬT	THƯƠNG HIỆU	MODEL	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (VNĐ)	THÀNH TIỀN (VNĐ)	GHI CHÚ	HÌNH ẢNH SẢN PHẨM
	• Thời gian sạc lại thông thường: 8 giờ Phục hồi đến 90% công suất								
	■ BẢO DƯỠNG • Lỗi tiền ich: Bíp / 4 giây • Pin yếu: Bíp/ 1 giây • Quá tải: Bíp hai lần / 1 giây • Lỗi UPS: Tiếng bíp dài ■ MÔI TRƯỜNG • Độ ẩm: 20-90% RH @ 0-40°C (Không ngưng tụ) • Độ ồn: <50 dB (1m) ■ QUẢN LÝ • RS232 (Tiêu chuẩn)/USB (Tùy chọn): Hỗ trợ Windows ® 98/2000/2003/XP/Vista/2008/Windows® 7/8/10 • SNMP (tùy chọn): Quản lý nguồn từ Trình quản lý SNMP và Trình duyệt web								
42	Bộ lưu điện 3 KVA - ONLINE:	MAKELSAN	POWERPACK SE RT 3 KVA	Chiếc	2	28,000,000	56,000,000	Thương hiệu: MAKELSAN R&D - Design in Turkey CO / SX: Turkey	
	Thiết bị lưu điện UPS 3 KVA Online Loại VFI: UPS Online Rack/Tower Hệ số công suất (PF): 0.9 Cắm và chạy ► ĐẶC ĐIỂM SẢN PHẨM ■ Tần số cao và chuyển đổi kép thực ■ Công nghệ DSP (Bỏ xử lý tín hiệu số) ■ Hiệu chỉnh hệ số công suất đầu vào (PFC) ■ Dải điện áp đầu vào rộng (110~300V) ■ Hệ số công suất đầu ra 0.9 ■ Khởi động nguội ■ Tần số cảm biến tự động ■ Hoạt động ở chế độ ECO để tiết kiệm năng lượng ■ Điện áp đầu ra có thể lựa chọn qua LCD ■ Bỏ qua đầu ra có thể cài đặt qua LCD ■ Khả năng tự kiểm tra ■ Quản lý pin năng cao (ABM) ■ Bảo vệ ngắn mạch và quá tải ■ Tự động sạc ở chế độ tải ■ Tự động kiểm soát tốc độ quạt khi tải thay đổi ■ Cổng giao tiếp RS232 tiêu chuẩn và bảo vệ RJ45 ■ Cổng giao tiếp USB/SNMP (Tùy chọn) ■ Tắt nguồn khẩn cấp (EPO) (Tùy chọn) ■ Ngăn hàng pin mở rộng (Tùy chọn) ■ Biến áp cách ly tích hợp (Tùy chọn) ► THÔNG SỐ KỸ THUẬT ■ Công suất định mức: 3KVA / 2700W ■ Đầu vào ■ Điện áp định mức: 208V / 220V / 230V / 240 VAC								

SỐ THỨ TỰ	TÊN SẢN PHẨM, ĐẶC TÍNH & THÔNG SỐ KỸ THUẬT	THƯƠNG HIỆU	MODEL	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (VNĐ)	THÀNH TIỀN (VNĐ)	GHI CHÚ	HÌNH ẢNH SẢN PHẨM
	- Dải điện áp: 110~176 VAC (Giảm tải tuyến tính giữa 50% và 100% tải); 176~280 VAC (Không giảm tải); 280~300 VAC (Giảm tải 50%) - Dải tần số: 45 ~ 70 Hz (Cảm biến tự động - Hệ số công suất: ≥0.99 - Dải điện áp bỏ qua: -25% ~ +15% (Có thể cài đặt) ■ Đầu ra - Dải điện áp: 208V / 220V / 230V / 240 VAC (Có thể cài đặt qua LCD) - Điều chỉnh điện áp: ±1% - Dải tần số: 45 ~ 55 Hz hoặc 55 ~ 65 Hz (Dải đồng bộ); 50 / 60 Hz ± 0.1 Hz (Chế độ pin) - Dạng sóng: Hình sin - Hệ số đỉnh: 3:1 - Độ méo hài: ≤2% (Tải tuyến tính); ≤5% (Tải phi tuyến tính) - Thời gian chuyển đổi: Chế độ nguồn điện sang chế độ pin: 0ms - Chế độ biến tần sang chế độ bỏ qua: 4ms (Hiện hình) - Khả năng quá tải: ♦ 105% ~ 125%: Chuyển sang bỏ qua trong 1 phút ♦ 125% ~ 150%: Chuyển sang Bypass trong 30 giây; ♦ >150%: Chuyển sang Bypass trong 300ms ■ HIỆU SUẤT - Chế độ nguồn điện: ≥92% - Chế độ pin: ≥87% - Chế độ ECO: ≥97% ■ PIN - Điện áp DC 72V (Pin tích hợp: 6 x 7Ah) - Điện áp DC 96V (Pin tích hợp: 8 x 7Ah) - Dòng điện sạc (Tối đa): 1A - Thời gian sạc lại: 8 giờ ■ BẢO ĐÓNG - Sự cố tiện ích: 4 giây mỗi tiếng bip - Pin yếu: 1 giây mỗi tiếng bip - Quá tải: 1 giây hai tiếng bip - Lỗi UPS: Tiếng bip dài ■ MÔI TRƯỜNG - Nhiệt độ hoạt động: 0 ~ 40°C - Độ ẩm tương đối: 0 ~ 90% (Không ngưng tụ) - Mức độ tiếng ồn: ≤50 dB (1m) ■ TRUYỀN THÔNG - RS232 (Tiêu chuẩn) / USB (Tùy chọn): Hỗ trợ Windows®98/2000/2003/XP/Vista/2008/Windows®7/8/10 - SNMP (Tùy chọn): Quản lý nguồn từ SNMP Manager và Trình duyệt web ■ Các tính năng chính - Tự kiểm tra UPS/Hoạt động tắt tiếng - Cài đặt chức năng bảng điều khiển • Cài đặt Chế độ ECO • Cài đặt chế độ bỏ qua • Cài đặt chế độ đầu ra • Cài đặt điện áp thấp của pin • Truy vấn thông số hoạt động • Đầu ra								

SỐ THỨ TỰ	TÊN SẢN PHẨM, ĐẶC TÍNH & THÔNG SỐ KỸ THUẬT	THƯƠNG HIỆU	MODEL	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (VNĐ)	THÀNH TIỀN (VNĐ)	GHI CHÚ	HÌNH ẢNH SẢN PHẨM
	• Tải • Nhiệt độ • Đầu vào • Pin ■ Đầu vào AC ■ Đầu vào DC ■ Bộ ngắt mạch ■ Ổ cắm: 6 ■ Quạt: 2 ■ Modem/Tel/Fax ■ RS232 ■ USB (Tùy chọn) ■ EPO (Tùy chọn) ■ SNMP/AS400 (Tùy chọn) ► TUYỂN BƠ TIÊU CHUẨN ■ CE								
ZF	LICENCE VIDEO CONFERENCING - ZOOM MEETING								
43	Bản quyền hợp trực tuyến dành cho nhóm nhỏ	ZOOM	ZOOM MEETING PRO	Bản quyền sử dụng / năm	1	4,400,000	4,400,000	zoom	
ZG	PHẦN MỀM THÔNG DỤNG CHO MÁY TÍNH								
44	Phần mềm bản quyền Windows	MICROSOFT	WINDOWS	Bộ	1	5,000,000	5,000,000	(usa)	
45	Bộ phần mềm bản quyền MS Office	MICROSOFT	MS OFFICE	Bộ	1	1,500,000	1,500,000	(usa)	